CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 88/2024/TB-VPA	*Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024*

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 18/7/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 18/7/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: *(Có danh sách chi tiết)*

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến https://vpa.com.vn.
- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 18/7/2024: Trước 16h30' ngày 15/7/2024 *(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trước 16h30' ngày 15/7/2024).*

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng)*. Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe"** trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.H.Đ: 41 - C.T.H.H. CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM Q.THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Lâm Thị Mai Anh

DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 18/7/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: trước 16h30p ngày 15/7/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
1	30K-866.88	Hà Nội	1201	14A-955.95	Quảng Ninh	2401	64A-199.99	Vĩnh Long
2	30L-569.99	Hà Nội	1202	30K-939.79	Hà Nội	2402	99A-839.39	Bắc Ninh
3	51L-389.89	Hồ Chí Minh	1203	30L-676.79	Hà Nội	2403	30K-999.39	Hà Nội
4	60K-606.06	Đồng Nai	1204	93A-493.93	Bình Phước	2404	99A-828.88	Bắc Ninh
5	14A-936.39	Quảng Ninh	1205	14A-966.62	Quảng Ninh	2405	14A-966.94	Quảng Ninh
6	14A-958.88	Quảng Ninh	1206	14A-988.92	Quảng Ninh	2406	14A-978.99	Quảng Ninh
7	14A-966.92	Quảng Ninh	1207	15K-339.88	Hải Phòng	2407	15K-368.99	Hải Phòng
8	15K-345.60	Hải Phòng	1208	15K-392.39	Hải Phòng	2408	15K-419.99	Hải Phòng
9	15K-368.88	Hải Phòng	1209	19A-689.79	Phú Thọ	2409	19A-688.60	Phú Thọ
10	15K-385.55	Hải Phòng	1210	19A-689.99	Phú Thọ	2410	22A-262.68	Tuyên Quang
11	15K-396.66	Hải Phòng	1211	20A-826.26	Thái Nguyên	2411	22C-111.15	Tuyên Quang
12	15K-397.77	Hải Phòng	1212	28A-248.88	Hòa Bình	2412	24C-159.99	Lào Cai
13	19A-686.83	Phú Thọ	1213	29K-222.00	Hà Nội	2413	29K-259.99	Hà Nội
14	19A-708.88	Phú Thọ	1214	30L-575.85	Hà Nội	2414	29K-279.39	Hà Nội
15	20A-849.99	Thái Nguyên	1215	30L-612.99	Hà Nội	2415	30L-553.33	Hà Nội
16	30L-556.96	Hà Nội	1216	30L-628.68	Hà Nội	2416	30L-555.53	Hà Nội
17	30L-559.99	Hà Nội	1217	30L-656.78	Hà Nội	2417	30L-566.69	Hà Nội
18	30L-569.96	Hà Nội	1218	30L-712.79	Hà Nội	2418	30L-619.69	Hà Nội
19	30L-611.66	Hà Nội	1219	30L-727.77	Hà Nội	2419	30L-669.90	Hà Nội
20	30L-616.16	Hà Nội	1220	30L-858.99	Hà Nội	2420	30L-735.55	Hà Nội
21	30L-655.56	Hà Nội	1221	30L-899.79	Hà Nội	2421	30L-786.99	Hà Nội
22	30L-668.84	Hà Nội	1222	30L-968.89	Hà Nội	2422	30L-816.68	Hà Nội
23	30L-745.68	Hà Nội	1223	30L-999.78	Hà Nội	2423	30L-823.68	Hà Nội
24	30L-767.77	Hà Nội	1224	30L-999.84	Hà Nội	2424	30L-837.77	Hà Nội
25	30L-793.95	Hà Nội	1225	30M-000.39	Hà Nội	2425	30L-885.55	Hà Nội
26	30L-818.88	Hà Nội	1226	30M-011.68	Hà Nội	2426	30L-888.39	Hà Nội
27	30L-823.16	Hà Nội	1227	30M-019.96	Hà Nội	2427	30L-888.79	Hà Nội
28	30L-833.38	Hà Nội	1228	34A-888.68	Hải Dương	2428	30L-969.68	Hà Nội
29	30L-888.98	Hà Nội	1229	36C-529.99	Thanh Hóa	2429	30M-000.88	Hà Nội
30	30L-910.79	Hà Nội	1230	37K-416.66	Nghệ An	2430	30M-018.88	Hà Nội
31	30L-968.66	Hà Nội	1231	38A-668.83	Hà Tĩnh	2431	34A-888.58	Hải Dương
32	36K-146.66	Thanh Hóa	1232	43A-919.19	Đà Nẵng	2432	38A-676.96	Hà Tĩnh
33	37C-555.59	Nghệ An	1233	43A-926.66	Đà Nẵng	2433	47A-788.68	Đắk Lắk
34	38A-645.67	Hà Tĩnh	1234	47A-793.95	Đắk Lắk	2434	48C-111.77	Đắk Nông
35	38A-656.96	Hà Tĩnh	1235	48C-111.22	Đắk Nông	2435	51L-646.86	Hồ Chí Minh
36	49A-736.66	Lâm Đồng	1236	51D-898.68	Hồ Chí Minh	2436	51L-666.85	Hồ Chí Minh
37	51D-839.99	Hồ Chí Minh	1237	51E-333.22	Hồ Chí Minh	2437	51L-866.60	Hồ Chí Minh
38	51L-626.28	Hồ Chí Minh	1238	51L-666.00	Hồ Chí Minh	2438	51L-876.66	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
39	51L-667.79	Hồ Chí Minh	1239	51L-666.87	Hồ Chí Minh	2439	51M-049.99	Hồ Chí Minh
40	51L-686.69	Hồ Chí Minh	1240	51L-745.68	Hồ Chí Minh	2440	61K-444.99	Bình Dương
41	51L-769.66	Hồ Chí Minh	1241	51L-759.99	Hồ Chí Minh	2441	62A-456.56	Long An
42	51L-786.89	Hồ Chí Minh	1242	51L-868.28	Hồ Chí Minh	2442	62A-466.96	Long An
43	51L-892.89	Hồ Chí Minh	1243	60K-555.53	Đồng Nai	2443	66A-289.96	Đồng Tháp
44	60K-546.86	Đồng Nai	1244	60K-599.96	Đồng Nai	2444	70A-555.88	Tây Ninh
45	60K-555.11	Đồng Nai	1245	61K-478.88	Bình Dương	2445	72A-826.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
46	60K-566.69	Đồng Nai	1246	66A-297.77	Đồng Tháp	2446	75A-377.73	Thừa Thiên Huế
47	60K-567.77	Đồng Nai	1247	70A-555.86	Tây Ninh	2447	75D-008.88	Thừa Thiên Huế
48	60K-607.77	Đồng Nai	1248	70A-567.82	Tây Ninh	2448	79A-549.99	Khánh Hòa
49	61C-608.88	Bình Dương	1249	75C-156.66	Thừa Thiên Huế	2449	79A-555.57	Khánh Hòa
50	66A-289.99	Đồng Tháp	1250	81C-277.79	Gia Lai	2450	79A-555.77	Khánh Hòa
51	66A-295.55	Đồng Tháp	1251	86A-311.88	Bình Thuận	2451	81A-438.38	Gia Lai
52	88A-777.99	Vĩnh Phúc	1252	90A-279.39	Hà Nam	2452	88A-768.89	Vĩnh Phúc
53	92A-419.99	Quảng Nam	1253	98C-359.99	Bắc Giang	2453	99A-806.66	Bắc Ninh
54	30L-548.00	Hà Nội	1254	30L-372.72	Hà Nội	2454	30L-548.33	Hà Nội
55	30L-549.33	Hà Nội	1255	30L-550.66	Hà Nội	2455	30L-549.77	Hà Nội
56	30L-550.19	Hà Nội	1256	30L-551.29	Hà Nội	2456	30L-551.51	Hà Nội
57	30L-555.07	Hà Nội	1257	30L-553.16	Hà Nội	2457	30L-552.00	Hà Nội
58	30L-559.58	Hà Nội	1258	30L-555.06	Hà Nội	2458	30L-553.28	Hà Nội
59	30L-559.88	Hà Nội	1259	30L-555.16	Hà Nội	2459	30L-555.10	Hà Nội
60	30L-560.99	Hà Nội	1260	30L-555.76	Hà Nội	2460	30L-558.26	Hà Nội
61	30L-561.15	Hà Nội	1261	30L-555.89	Hà Nội	2461	30L-560.95	Hà Nội
62	30L-569.29	Hà Nội	1262	30L-560.55	Hà Nội	2462	30L-566.58	Hà Nội
63	30L-570.38	Hà Nội	1263	30L-565.22	Hà Nội	2463	30L-568.29	Hà Nội
64	30L-570.79	Hà Nội	1264	30L-569.83	Hà Nội	2464	30L-570.58	Hà Nội
65	30L-570.99	Hà Nội	1265	30L-570.70	Hà Nội	2465	30L-571.00	Hà Nội
66	30L-571.26	Hà Nội	1266	30L-570.71	Hà Nội	2466	30L-571.58	Hà Nội
67	30L-574.58	Hà Nội	1267	30L-570.83	Hà Nội	2467	30L-573.85	Hà Nội
68	30L-574.77	Hà Nội	1268	30L-571.97	Hà Nội	2468	30L-573.96	Hà Nội
69	30L-575.00	Hà Nội	1269	30L-574.28	Hà Nội	2469	30L-574.47	Hà Nội
70	30L-580.39	Hà Nội	1270	30L-574.29	Hà Nội	2470	30L-577.09	Hà Nội
71	30L-589.16	Hà Nội	1271	30L-575.56	Hà Nội	2471	30L-584.48	Hà Nội
72	30L-590.35	Hà Nội	1272	30L-577.98	Hà Nội	2472	30L-586.99	Hà Nội
73	30L-591.95	Hà Nội	1273	30L-579.16	Hà Nội	2473	30L-589.35	Hà Nội
74	30L-593.83	Hà Nội	1274	30L-580.95	Hà Nội	2474	30L-592.35	Hà Nội
75	30L-601.16	Hà Nội	1275	30L-582.59	Hà Nội	2475	30L-593.56	Hà Nội
76	30L-601.66	Hà Nội	1276	30L-586.38	Hà Nội	2476	30L-595.44	Hà Nội
77	30L-604.68	Hà Nội	1277	30L-587.38	Hà Nội	2477	30L-597.06	Hà Nội
78	30L-605.56	Hà Nội	1278	30L-588.44	Hà Nội	2478	30L-598.79	Hà Nội
79	30L-606.89	Hà Nội	1279	30L-589.39	Hà Nội	2479	30L-599.11	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
80	30L-609.00	Hà Nội	1280	30L-592.09	Hà Nội	2480	30L-607.60	Hà Nội
81	30L-609.11	Hà Nội	1281	30L-592.25	Hà Nội	2481	30L-609.58	Hà Nội
82	30L-610.99	Hà Nội	1282	30L-592.93	Hà Nội	2482	30L-616.69	Hà Nội
83	30L-611.22	Hà Nội	1283	30L-592.99	Hà Nội	2483	30L-619.84	Hà Nội
84	30L-613.66	Hà Nội	1284	30L-599.25	Hà Nội	2484	30L-624.16	Hà Nội
85	30L-618.69	Hà Nội	1285	30L-607.25	Hà Nội	2485	30L-625.15	Hà Nội
86	30L-620.38	Hà Nội	1286	30L-607.58	Hà Nội	2486	30L-628.82	Hà Nội
87	30L-621.55	Hà Nội	1287	30L-610.58	Hà Nội	2487	30L-630.58	Hà Nội
88	30L-623.16	Hà Nội	1288	30L-610.68	Hà Nội	2488	30L-630.79	Hà Nội
89	30L-623.88	Hà Nội	1289	30L-612.38	Hà Nội	2489	30L-632.88	Hà Nội
90	30L-624.11	Hà Nội	1290	30L-616.56	Hà Nội	2490	30L-634.18	Hà Nội
91	30L-632.56	Hà Nội	1291	30L-618.29	Hà Nội	2491	30L-635.58	Hà Nội
92	30L-635.56	Hà Nội	1292	30L-620.68	Hà Nội	2492	30L-636.18	Hà Nội
93	30L-635.95	Hà Nội	1293	30L-621.39	Hà Nội	2493	30L-637.16	Hà Nội
94	30L-636.09	Hà Nội	1294	30L-624.33	Hà Nội	2494	30L-638.19	Hà Nội
95	30L-647.38	Hà Nội	1295	30L-626.98	Hà Nội	2495	30L-644.56	Hà Nội
96	30L-652.44	Hà Nội	1296	30L-627.85	Hà Nội	2496	30L-644.88	Hà Nội
97	30L-653.26	Hà Nội	1297	30L-630.26	Hà Nội	2497	30L-645.29	Hà Nội
98	30L-656.15	Hà Nội	1298	30L-633.25	Hà Nội	2498	30L-656.08	Hà Nội
99	30L-656.77	Hà Nội	1299	30L-634.88	Hà Nội	2499	30L-659.59	Hà Nội
100	30L-657.57	Hà Nội	1300	30L-637.15	Hà Nội	2500	30L-666.07	Hà Nội
101	30L-659.44	Hà Nội	1301	30L-637.35	Hà Nội	2501	30L-666.15	Hà Nội
102	30L-666.02	Hà Nội	1302	30L-639.95	Hà Nội	2502	30L-672.72	Hà Nội
103	30L-666.40	Hà Nội	1303	30L-642.24	Hà Nội	2503	30L-672.79	Hà Nội
104	30L-667.56	Hà Nội	1304	30L-642.29	Hà Nội	2504	30L-678.33	Hà Nội
105	30L-675.16	Hà Nội	1305	30L-646.08	Hà Nội	2505	30L-678.81	Hà Nội
106	30L-678.79	Hà Nội	1306	30L-649.33	Hà Nội	2506	30L-678.84	Hà Nội
107	30L-682.15	Hà Nội	1307	30L-650.89	Hà Nội	2507	30L-679.38	Hà Nội
108	30L-688.29	Hà Nội	1308	30L-658.33	Hà Nội	2508	30L-679.85	Hà Nội
109	30L-688.76	Hà Nội	1309	30L-662.00	Hà Nội	2509	30L-686.60	Hà Nội
110	30L-690.44	Hà Nội	1310	30L-662.11	Hà Nội	2510	30L-688.47	Hà Nội
111	30L-690.90	Hà Nội	1311	30L-665.06	Hà Nội	2511	30L-689.83	Hà Nội
112	30L-699.71	Hà Nội	1312	30L-665.29	Hà Nội	2512	30L-691.99	Hà Nội
113	30L-706.65	Hà Nội	1313	30L-666.04	Hà Nội	2513	30L-692.83	Hà Nội
114	30L-708.36	Hà Nội	1314	30L-667.06	Hà Nội	2514	30L-700.26	Hà Nội
115	30L-710.28	Hà Nội	1315	30L-668.69	Hà Nội	2515	30L-703.08	Hà Nội
116	30L-718.19	Hà Nội	1316	30L-673.36	Hà Nội	2516	30L-704.05	Hà Nội
117	30L-718.85	Hà Nội	1317	30L-679.65	Hà Nội	2517	30L-704.09	Hà Nội
118	30L-724.18	Hà Nội	1318	30L-680.19	Hà Nội	2518	30L-704.89	Hà Nội
119	30L-724.55	Hà Nội	1319	30L-681.44	Hà Nội	2519	30L-705.89	Hà Nội
120	30L-725.52	Hà Nội	1320	30L-684.59	Hà Nội	2520	30L-706.06	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
121	30L-727.85	Hà Nội	1321	30L-685.89	Hà Nội	2521	30L-706.58	Hà Nội
122	30L-730.15	Hà Nội	1322	30L-686.22	Hà Nội	2522	30L-706.79	Hà Nội
123	30L-731.86	Hà Nội	1323	30L-688.09	Hà Nội	2523	30L-708.35	Hà Nội
124	30L-734.11	Hà Nội	1324	30L-690.08	Hà Nội	2524	30L-715.36	Hà Nội
125	30L-736.28	Hà Nội	1325	30L-692.65	Hà Nội	2525	30L-717.55	Hà Nội
126	30L-736.56	Hà Nội	1326	30L-693.95	Hà Nội	2526	30L-717.58	Hà Nội
127	30L-749.58	Hà Nội	1327	30L-704.08	Hà Nội	2527	30L-719.33	Hà Nội
128	30L-749.69	Hà Nội	1328	30L-706.09	Hà Nội	2528	30L-719.44	Hà Nội
129	30L-751.96	Hà Nội	1329	30L-709.44	Hà Nội	2529	30L-720.66	Hà Nội
130	30L-757.57	Hà Nội	1330	30L-709.85	Hà Nội	2530	30L-721.89	Hà Nội
131	30L-758.08	Hà Nội	1331	30L-709.97	Hà Nội	2531	30L-725.22	Hà Nội
132	30L-764.35	Hà Nội	1332	30L-712.09	Hà Nội	2532	30L-726.66	Hà Nội
133	30L-767.33	Hà Nội	1333	30L-712.21	Hà Nội	2533	30L-726.85	Hà Nội
134	30L-771.66	Hà Nội	1334	30L-714.06	Hà Nội	2534	30L-730.08	Hà Nội
135	30L-773.26	Hà Nội	1335	30L-715.77	Hà Nội	2535	30L-732.06	Hà Nội
136	30L-775.00	Hà Nội	1336	30L-719.93	Hà Nội	2536	30L-732.39	Hà Nội
137	30L-778.22	Hà Nội	1337	30L-722.72	Hà Nội	2537	30L-736.68	Hà Nội
138	30L-780.08	Hà Nội	1338	30L-723.26	Hà Nội	2538	30L-736.73	Hà Nội
139	30L-781.89	Hà Nội	1339	30L-725.88	Hà Nội	2539	30L-737.09	Hà Nội
140	30L-783.25	Hà Nội	1340	30L-733.22	Hà Nội	2540	30L-740.58	Hà Nội
141	30L-785.25	Hà Nội	1341	30L-736.58	Hà Nội	2541	30L-742.83	Hà Nội
142	30L-788.67	Hà Nội	1342	30L-737.16	Hà Nội	2542	30L-743.33	Hà Nội
143	30L-789.06	Hà Nội	1343	30L-737.22	Hà Nội	2543	30L-743.85	Hà Nội
144	30L-789.57	Hà Nội	1344	30L-742.22	Hà Nội	2544	30L-745.08	Hà Nội
145	30L-796.15	Hà Nội	1345	30L-742.88	Hà Nội	2545	30L-746.39	Hà Nội
146	30L-796.89	Hà Nội	1346	30L-744.00	Hà Nội	2546	30L-747.83	Hà Nội
147	30L-806.79	Hà Nội	1347	30L-746.00	Hà Nội	2547	30L-750.15	Hà Nội
148	30L-809.15	Hà Nội	1348	30L-748.16	Hà Nội	2548	30L-750.50	Hà Nội
149	30L-811.55	Hà Nội	1349	30L-753.25	Hà Nội	2549	30L-760.56	Hà Nội
150	30L-812.44	Hà Nội	1350	30L-756.38	Hà Nội	2550	30L-761.44	Hà Nội
151	30L-813.59	Hà Nội	1351	30L-757.83	Hà Nội	2551	30L-774.00	Hà Nội
152	30L-822.79	Hà Nội	1352	30L-760.61	Hà Nội	2552	30L-775.33	Hà Nội
153	30L-822.85	Hà Nội	1353	30L-764.08	Hà Nội	2553	30L-775.88	Hà Nội
154	30L-827.11	Hà Nội	1354	30L-765.00	Hà Nội	2554	30L-776.99	Hà Nội
155	30L-827.27	Hà Nội	1355	30L-766.11	Hà Nội	2555	30L-777.06	Hà Nội
156	30L-827.89	Hà Nội	1356	30L-767.96	Hà Nội	2556	30L-777.94	Hà Nội
157	30L-829.85	Hà Nội	1357	30L-769.77	Hà Nội	2557	30L-778.29	Hà Nội
158	30L-830.99	Hà Nội	1358	30L-770.08	Hà Nội	2558	30L-780.29	Hà Nội
159	30L-831.58	Hà Nội	1359	30L-771.39	Hà Nội	2559	30L-781.33	Hà Nội
160	30L-833.36	Hà Nội	1360	30L-773.44	Hà Nội	2560	30L-782.11	Hà Nội
161	30L-846.85	Hà Nội	1361	30L-775.25	Hà Nội	2561	30L-783.08	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
162	30L-854.45	Hà Nội	1362	30L-776.79	Hà Nội	2562	30L-783.86	Hà Nội
163	30L-856.38	Hà Nội	1363	30L-778.00	Hà Nội	2563	30L-786.15	Hà Nội
164	30L-860.88	Hà Nội	1364	30L-780.80	Hà Nội	2564	30L-786.28	Hà Nội
165	30L-861.97	Hà Nội	1365	30L-784.38	Hà Nội	2565	30L-789.38	Hà Nội
166	30L-862.59	Hà Nội	1366	30L-786.79	Hà Nội	2566	30L-791.83	Hà Nội
167	30L-863.88	Hà Nội	1367	30L-787.59	Hà Nội	2567	30L-794.59	Hà Nội
168	30L-864.18	Hà Nội	1368	30L-789.07	Hà Nội	2568	30L-796.44	Hà Nội
169	30L-871.06	Hà Nội	1369	30L-797.08	Hà Nội	2569	30L-798.11	Hà Nội
170	30L-872.58	Hà Nội	1370	30L-797.68	Hà Nội	2570	30L-804.19	Hà Nội
171	30L-873.55	Hà Nội	1371	30L-799.06	Hà Nội	2571	30L-806.60	Hà Nội
172	30L-873.74	Hà Nội	1372	30L-801.01	Hà Nội	2572	30L-808.86	Hà Nội
173	30L-874.08	Hà Nội	1373	30L-812.26	Hà Nội	2573	30L-809.85	Hà Nội
174	30L-874.98	Hà Nội	1374	30L-812.29	Hà Nội	2574	30L-809.97	Hà Nội
175	30L-878.15	Hà Nội	1375	30L-817.89	Hà Nội	2575	30L-810.22	Hà Nội
176	30L-880.83	Hà Nội	1376	30L-820.39	Hà Nội	2576	30L-810.55	Hà Nội
177	30L-888.93	Hà Nội	1377	30L-822.83	Hà Nội	2577	30L-815.51	Hà Nội
178	30L-890.22	Hà Nội	1378	30L-826.35	Hà Nội	2578	30L-815.86	Hà Nội
179	30L-890.38	Hà Nội	1379	30L-831.65	Hà Nội	2579	30L-816.35	Hà Nội
180	30L-891.44	Hà Nội	1380	30L-831.89	Hà Nội	2580	30L-819.60	Hà Nội
181	30L-893.00	Hà Nội	1381	30L-832.35	Hà Nội	2581	30L-821.22	Hà Nội
182	30L-896.06	Hà Nội	1382	30L-834.65	Hà Nội	2582	30L-829.28	Hà Nội
183	30L-898.91	Hà Nội	1383	30L-837.98	Hà Nội	2583	30L-831.35	Hà Nội
184	30L-899.26	Hà Nội	1384	30L-839.18	Hà Nội	2584	30L-836.85	Hà Nội
185	30L-903.25	Hà Nội	1385	30L-840.06	Hà Nội	2585	30L-839.36	Hà Nội
186	30L-904.86	Hà Nội	1386	30L-840.33	Hà Nội	2586	30L-840.66	Hà Nội
187	30L-909.90	Hà Nội	1387	30L-842.68	Hà Nội	2587	30L-841.16	Hà Nội
188	30L-917.19	Hà Nội	1388	30L-843.44	Hà Nội	2588	30L-842.79	Hà Nội
189	30L-917.25	Hà Nội	1389	30L-846.33	Hà Nội	2589	30L-845.09	Hà Nội
190	30L-918.25	Hà Nội	1390	30L-853.88	Hà Nội	2590	30L-850.51	Hà Nội
191	30L-919.38	Hà Nội	1391	30L-856.25	Hà Nội	2591	30L-851.11	Hà Nội
192	30L-925.28	Hà Nội	1392	30L-857.09	Hà Nội	2592	30L-851.44	Hà Nội
193	30L-925.65	Hà Nội	1393	30L-858.59	Hà Nội	2593	30L-852.08	Hà Nội
194	30L-926.36	Hà Nội	1394	30L-863.58	Hà Nội	2594	30L-859.15	Hà Nội
195	30L-929.39	Hà Nội	1395	30L-864.29	Hà Nội	2595	30L-859.29	Hà Nội
196	30L-930.03	Hà Nội	1396	30L-866.09	Hà Nội	2596	30L-859.66	Hà Nội
197	30L-931.16	Hà Nội	1397	30L-867.36	Hà Nội	2597	30L-862.11	Hà Nội
198	30L-933.98	Hà Nội	1398	30L-871.25	Hà Nội	2598	30L-863.00	Hà Nội
199	30L-938.96	Hà Nội	1399	30L-872.99	Hà Nội	2599	30L-865.18	Hà Nội
200	30L-944.55	Hà Nội	1400	30L-886.55	Hà Nội	2600	30L-865.99	Hà Nội
201	30L-945.88	Hà Nội	1401	30L-888.37	Hà Nội	2601	30L-866.23	Hà Nội
202	30L-945.96	Hà Nội	1402	30L-888.53	Hà Nội	2602	30L-867.55	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
203	30L-948.18	Hà Nội	1403	30L-892.55	Hà Nội	2603	30L-869.88	Hà Nội
204	30L-949.38	Hà Nội	1404	30L-899.11	Hà Nội	2604	30L-870.59	Hà Nội
205	30L-951.55	Hà Nội	1405	30L-899.73	Hà Nội	2605	30L-878.96	Hà Nội
206	30L-951.99	Hà Nội	1406	30L-900.28	Hà Nội	2606	30L-879.69	Hà Nội
207	30L-953.11	Hà Nội	1407	30L-900.85	Hà Nội	2607	30L-879.83	Hà Nội
208	30L-955.52	Hà Nội	1408	30L-901.79	Hà Nội	2608	30L-880.79	Hà Nội
209	30L-955.79	Hà Nội	1409	30L-903.33	Hà Nội	2609	30L-881.69	Hà Nội
210	30L-957.66	Hà Nội	1410	30L-909.38	Hà Nội	2610	30L-885.99	Hà Nội
211	30L-961.25	Hà Nội	1411	30L-910.59	Hà Nội	2611	30L-886.03	Hà Nội
212	30L-963.26	Hà Nội	1412	30L-910.65	Hà Nội	2612	30L-887.11	Hà Nội
213	30L-963.68	Hà Nội	1413	30L-919.64	Hà Nội	2613	30L-888.43	Hà Nội
214	30L-964.69	Hà Nội	1414	30L-921.25	Hà Nội	2614	30L-888.73	Hà Nội
215	30L-966.18	Hà Nội	1415	30L-923.83	Hà Nội	2615	30L-892.08	Hà Nội
216	30L-967.76	Hà Nội	1416	30L-925.06	Hà Nội	2616	30L-892.11	Hà Nội
217	30L-974.69	Hà Nội	1417	30L-928.18	Hà Nội	2617	30L-895.65	Hà Nội
218	30L-975.36	Hà Nội	1418	30L-931.09	Hà Nội	2618	30L-899.62	Hà Nội
219	30L-978.98	Hà Nội	1419	30L-932.29	Hà Nội	2619	30L-905.26	Hà Nội
220	30L-979.08	Hà Nội	1420	30L-932.77	Hà Nội	2620	30L-906.35	Hà Nội
221	30L-983.84	Hà Nội	1421	30L-940.69	Hà Nội	2621	30L-910.58	Hà Nội
222	30L-986.35	Hà Nội	1422	30L-941.36	Hà Nội	2622	30L-913.11	Hà Nội
223	30L-987.59	Hà Nội	1423	30L-944.56	Hà Nội	2623	30L-914.96	Hà Nội
224	30L-991.92	Hà Nội	1424	30L-948.35	Hà Nội	2624	30L-923.98	Hà Nội
225	30L-994.06	Hà Nội	1425	30L-950.18	Hà Nội	2625	30L-924.19	Hà Nội
226	30L-997.74	Hà Nội	1426	30L-957.36	Hà Nội	2626	30L-926.09	Hà Nội
227	30L-997.94	Hà Nội	1427	30L-959.18	Hà Nội	2627	30L-928.89	Hà Nội
228	30M-000.13	Hà Nội	1428	30L-966.19	Hà Nội	2628	30L-935.09	Hà Nội
229	30M-002.58	Hà Nội	1429	30L-967.44	Hà Nội	2629	30L-935.18	Hà Nội
230	30M-003.98	Hà Nội	1430	30L-971.44	Hà Nội	2630	30L-935.28	Hà Nội
231	30M-004.05	Hà Nội	1431	30L-973.11	Hà Nội	2631	30L-941.65	Hà Nội
232	30M-004.19	Hà Nội	1432	30L-975.15	Hà Nội	2632	30L-943.79	Hà Nội
233	30M-004.88	Hà Nội	1433	30L-977.65	Hà Nội	2633	30L-944.94	Hà Nội
234	30M-007.22	Hà Nội	1434	30L-977.78	Hà Nội	2634	30L-945.54	Hà Nội
235	30M-014.38	Hà Nội	1435	30L-978.56	Hà Nội	2635	30L-947.26	Hà Nội
236	30M-016.09	Hà Nội	1436	30L-982.82	Hà Nội	2636	30L-947.95	Hà Nội
237	30M-017.69	Hà Nội	1437	30L-987.26	Hà Nội	2637	30L-955.18	Hà Nội
238	30M-018.33	Hà Nội	1438	30L-987.35	Hà Nội	2638	30L-957.38	Hà Nội
239	30M-019.06	Hà Nội	1439	30L-994.88	Hà Nội	2639	30L-958.06	Hà Nội
240	30M-020.25	Hà Nội	1440	30L-995.86	Hà Nội	2640	30L-959.11	Hà Nội
241	30M-022.59	Hà Nội	1441	30L-997.72	Hà Nội	2641	30L-962.18	Hà Nội
242	30M-027.66	Hà Nội	1442	30L-998.99	Hà Nội	2642	30L-964.36	Hà Nội
243	30M-028.06	Hà Nội	1443	30M-000.12	Hà Nội	2643	30L-972.28	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
244	51L-620.19	Hồ Chí Minh	1444	30M-002.68	Hà Nội	2644	30L-973.38	Hà Nội
245	51L-624.65	Hồ Chí Minh	1445	30M-007.25	Hà Nội	2645	30L-974.09	Hà Nội
246	51L-629.29	Hồ Chí Minh	1446	30M-015.09	Hà Nội	2646	30L-974.99	Hà Nội
247	51L-633.06	Hồ Chí Minh	1447	30M-015.86	Hà Nội	2647	30L-981.29	Hà Nội
248	51L-635.00	Hồ Chí Minh	1448	30M-016.78	Hà Nội	2648	30L-984.38	Hà Nội
249	51L-637.66	Hồ Chí Minh	1449	30M-018.86	Hà Nội	2649	30L-984.85	Hà Nội
250	51L-639.26	Hồ Chí Minh	1450	30M-019.61	Hà Nội	2650	30L-986.28	Hà Nội
251	51L-641.55	Hồ Chí Minh	1451	30M-022.29	Hà Nội	2651	30L-988.16	Hà Nội
252	51L-642.29	Hồ Chí Minh	1452	30M-023.29	Hà Nội	2652	30L-991.86	Hà Nội
253	51L-644.55	Hồ Chí Minh	1453	30M-026.39	Hà Nội	2653	30L-994.65	Hà Nội
254	51L-645.83	Hồ Chí Minh	1454	30M-026.79	Hà Nội	2654	30L-994.69	Hà Nội
255	51L-648.44	Hồ Chí Minh	1455	30M-027.72	Hà Nội	2655	30L-996.18	Hà Nội
256	51L-648.84	Hồ Chí Minh	1456	51L-619.81	Hồ Chí Minh	2656	30L-996.44	Hà Nội
257	51L-652.86	Hồ Chí Minh	1457	51L-620.68	Hồ Chí Minh	2657	30M-001.97	Hà Nội
258	51L-656.55	Hồ Chí Minh	1458	51L-620.77	Hồ Chí Minh	2658	30M-002.66	Hà Nội
259	51L-656.79	Hồ Chí Minh	1459	51L-624.26	Hồ Chí Minh	2659	30M-006.95	Hà Nội
260	51L-664.15	Hồ Chí Minh	1460	51L-624.55	Hồ Chí Minh	2660	30M-009.00	Hà Nội
261	51L-670.86	Hồ Chí Minh	1461	51L-626.85	Hồ Chí Minh	2661	30M-011.65	Hà Nội
262	51L-672.08	Hồ Chí Minh	1462	51L-628.36	Hồ Chí Minh	2662	30M-013.22	Hà Nội
263	51L-674.28	Hồ Chí Minh	1463	51L-631.22	Hồ Chí Minh	2663	30M-013.79	Hà Nội
264	51L-675.11	Hồ Chí Minh	1464	51L-635.79	Hồ Chí Minh	2664	30M-015.11	Hà Nội
265	51L-675.35	Hồ Chí Minh	1465	51L-638.59	Hồ Chí Minh	2665	30M-018.25	Hà Nội
266	51L-678.72	Hồ Chí Minh	1466	51L-639.22	Hồ Chí Minh	2666	30M-019.09	Hà Nội
267	51L-679.36	Hồ Chí Minh	1467	51L-641.97	Hồ Chí Minh	2667	30M-021.35	Hà Nội
268	51L-680.15	Hồ Chí Minh	1468	51L-644.95	Hồ Chí Minh	2668	30M-022.95	Hà Nội
269	51L-682.11	Hồ Chí Minh	1469	51L-645.19	Hồ Chí Minh	2669	30M-025.19	Hà Nội
270	51L-682.65	Hồ Chí Minh	1470	51L-646.25	Hồ Chí Minh	2670	30M-025.22	Hà Nội
271	51L-682.77	Hồ Chí Minh	1471	51L-648.66	Hồ Chí Minh	2671	30M-026.00	Hà Nội
272	51L-684.19	Hồ Chí Minh	1472	51L-650.69	Hồ Chí Minh	2672	51L-619.36	Hồ Chí Minh
273	51L-684.96	Hồ Chí Minh	1473	51L-651.28	Hồ Chí Minh	2673	51L-634.35	Hồ Chí Minh
274	51L-688.12	Hồ Chí Minh	1474	51L-654.33	Hồ Chí Minh	2674	51L-634.68	Hồ Chí Minh
275	51L-691.28	Hồ Chí Minh	1475	51L-654.55	Hồ Chí Minh	2675	51L-635.99	Hồ Chí Minh
276	51L-691.39	Hồ Chí Minh	1476	51L-662.77	Hồ Chí Minh	2676	51L-636.98	Hồ Chí Minh
277	51L-693.36	Hồ Chí Minh	1477	51L-663.35	Hồ Chí Minh	2677	51L-637.37	Hồ Chí Minh
278	51L-693.77	Hồ Chí Minh	1478	51L-667.19	Hồ Chí Minh	2678	51L-642.38	Hồ Chí Minh
279	51L-696.35	Hồ Chí Minh	1479	51L-669.38	Hồ Chí Minh	2679	51L-642.79	Hồ Chí Minh
280	51L-700.38	Hồ Chí Minh	1480	51L-671.96	Hồ Chí Minh	2680	51L-644.64	Hồ Chí Minh
281	51L-704.55	Hồ Chí Minh	1481	51L-672.58	Hồ Chí Minh	2681	51L-644.68	Hồ Chí Minh
282	51L-704.77	Hồ Chí Minh	1482	51L-677.25	Hồ Chí Minh	2682	51L-647.36	Hồ Chí Minh
283	51L-705.70	Hồ Chí Minh	1483	51L-684.66	Hồ Chí Minh	2683	51L-650.11	Hồ Chí Minh
284	51L-707.35	Hồ Chí Minh	1484	51L-694.09	Hồ Chí Minh	2684	51L-652.25	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
285	51L-707.88	Hồ Chí Minh	1485	51L-695.28	Hồ Chí Minh	2685	51L-653.69	Hồ Chí Minh
286	51L-709.07	Hồ Chí Minh	1486	51L-695.88	Hồ Chí Minh	2686	51L-653.89	Hồ Chí Minh
287	51L-709.83	Hồ Chí Minh	1487	51L-696.15	Hồ Chí Minh	2687	51L-655.29	Hồ Chí Minh
288	51L-711.16	Hồ Chí Minh	1488	51L-698.96	Hồ Chí Minh	2688	51L-660.22	Hồ Chí Minh
289	51L-715.71	Hồ Chí Minh	1489	51L-702.70	Hồ Chí Minh	2689	51L-661.15	Hồ Chí Minh
290	51L-717.11	Hồ Chí Minh	1490	51L-706.08	Hồ Chí Minh	2690	51L-661.35	Hồ Chí Minh
291	51L-719.33	Hồ Chí Minh	1491	51L-710.28	Hồ Chí Minh	2691	51L-663.19	Hồ Chí Minh
292	51L-719.72	Hồ Chí Minh	1492	51L-711.09	Hồ Chí Minh	2692	51L-663.68	Hồ Chí Minh
293	51L-719.73	Hồ Chí Minh	1493	51L-714.59	Hồ Chí Minh	2693	51L-669.08	Hồ Chí Minh
294	51L-719.88	Hồ Chí Minh	1494	51L-715.89	Hồ Chí Minh	2694	51L-682.00	Hồ Chí Minh
295	51L-720.15	Hồ Chí Minh	1495	51L-717.15	Hồ Chí Minh	2695	51L-683.29	Hồ Chí Minh
296	51L-723.33	Hồ Chí Minh	1496	51L-720.35	Hồ Chí Minh	2696	51L-683.85	Hồ Chí Minh
297	51L-730.85	Hồ Chí Minh	1497	51L-723.19	Hồ Chí Minh	2697	51L-687.26	Hồ Chí Minh
298	51L-734.59	Hồ Chí Minh	1498	51L-724.42	Hồ Chí Minh	2698	51L-688.75	Hồ Chí Minh
299	51L-734.69	Hồ Chí Minh	1499	51L-727.69	Hồ Chí Minh	2699	51L-690.00	Hồ Chí Minh
300	51L-735.00	Hồ Chí Minh	1500	51L-735.59	Hồ Chí Minh	2700	51L-695.08	Hồ Chí Minh
301	51L-736.11	Hồ Chí Minh	1501	51L-736.77	Hồ Chí Minh	2701	51L-698.56	Hồ Chí Minh
302	51L-736.63	Hồ Chí Minh	1502	51L-736.99	Hồ Chí Minh	2702	51L-702.69	Hồ Chí Minh
303	51L-738.25	Hồ Chí Minh	1503	51L-738.15	Hồ Chí Minh	2703	51L-706.22	Hồ Chí Minh
304	51L-738.36	Hồ Chí Minh	1504	51L-741.96	Hồ Chí Minh	2704	51L-707.65	Hồ Chí Minh
305	51L-740.55	Hồ Chí Minh	1505	51L-744.36	Hồ Chí Minh	2705	51L-710.55	Hồ Chí Minh
306	51L-743.69	Hồ Chí Minh	1506	51L-744.95	Hồ Chí Minh	2706	51L-715.98	Hồ Chí Minh
307	51L-743.79	Hồ Chí Minh	1507	51L-745.66	Hồ Chí Minh	2707	51L-724.15	Hồ Chí Minh
308	51L-747.36	Hồ Chí Minh	1508	51L-749.08	Hồ Chí Minh	2708	51L-728.86	Hồ Chí Minh
309	51L-751.39	Hồ Chí Minh	1509	51L-750.55	Hồ Chí Minh	2709	51L-730.18	Hồ Chí Minh
310	51L-752.85	Hồ Chí Minh	1510	51L-752.19	Hồ Chí Minh	2710	51L-730.35	Hồ Chí Minh
311	51L-753.25	Hồ Chí Minh	1511	51L-752.33	Hồ Chí Minh	2711	51L-731.65	Hồ Chí Minh
312	51L-753.57	Hồ Chí Minh	1512	51L-754.98	Hồ Chí Minh	2712	51L-733.25	Hồ Chí Minh
313	51L-754.99	Hồ Chí Minh	1513	51L-755.09	Hồ Chí Minh	2713	51L-738.16	Hồ Chí Minh
314	51L-763.36	Hồ Chí Minh	1514	51L-761.08	Hồ Chí Minh	2714	51L-740.58	Hồ Chí Minh
315	51L-768.06	Hồ Chí Minh	1515	51L-762.36	Hồ Chí Minh	2715	51L-740.65	Hồ Chí Minh
316	51L-776.16	Hồ Chí Minh	1516	51L-767.67	Hồ Chí Minh	2716	51L-741.59	Hồ Chí Minh
317	51L-778.33	Hồ Chí Minh	1517	51L-768.81	Hồ Chí Minh	2717	51L-743.00	Hồ Chí Minh
318	51L-779.26	Hồ Chí Minh	1518	51L-768.89	Hồ Chí Minh	2718	51L-748.36	Hồ Chí Minh
319	51L-785.69	Hồ Chí Minh	1519	51L-770.18	Hồ Chí Minh	2719	51L-749.33	Hồ Chí Minh
320	51L-785.79	Hồ Chí Minh	1520	51L-774.19	Hồ Chí Minh	2720	51L-756.25	Hồ Chí Minh
321	51L-787.99	Hồ Chí Minh	1521	51L-774.47	Hồ Chí Minh	2721	51L-756.59	Hồ Chí Minh
322	51L-789.97	Hồ Chí Minh	1522	51L-782.19	Hồ Chí Minh	2722	51L-756.69	Hồ Chí Minh
323	51L-790.22	Hồ Chí Minh	1523	51L-783.11	Hồ Chí Minh	2723	51L-769.85	Hồ Chí Minh
324	51L-791.55	Hồ Chí Minh	1524	51L-783.55	Hồ Chí Minh	2724	51L-770.00	Hồ Chí Minh
325	51L-794.26	Hồ Chí Minh	1525	51L-783.96	Hồ Chí Minh	2725	51L-774.86	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
326	51L-794.33	Hồ Chí Minh	1526	51L-785.19	Hồ Chí Minh	2726	51L-776.39	Hồ Chí Minh
327	51L-794.77	Hồ Chí Minh	1527	51L-785.33	Hồ Chí Minh	2727	51L-777.45	Hồ Chí Minh
328	51L-794.94	Hồ Chí Minh	1528	51L-786.59	Hồ Chí Minh	2728	51L-783.99	Hồ Chí Minh
329	51L-801.95	Hồ Chí Minh	1529	51L-787.08	Hồ Chí Minh	2729	51L-788.18	Hồ Chí Minh
330	51L-803.77	Hồ Chí Minh	1530	51L-787.18	Hồ Chí Minh	2730	51L-789.75	Hồ Chí Minh
331	51L-804.40	Hồ Chí Minh	1531	51L-788.09	Hồ Chí Minh	2731	51L-792.56	Hồ Chí Minh
332	51L-809.15	Hồ Chí Minh	1532	51L-789.61	Hồ Chí Minh	2732	51L-795.09	Hồ Chí Minh
333	51L-813.00	Hồ Chí Minh	1533	51L-792.55	Hồ Chí Minh	2733	51L-799.29	Hồ Chí Minh
334	51L-813.36	Hồ Chí Minh	1534	51L-797.19	Hồ Chí Minh	2734	51L-808.58	Hồ Chí Minh
335	51L-814.22	Hồ Chí Minh	1535	51L-807.22	Hồ Chí Minh	2735	51L-808.95	Hồ Chí Minh
336	51L-815.15	Hồ Chí Minh	1536	51L-807.28	Hồ Chí Minh	2736	51L-810.68	Hồ Chí Minh
337	51L-815.77	Hồ Chí Minh	1537	51L-811.35	Hồ Chí Minh	2737	51L-811.36	Hồ Chí Minh
338	51L-816.38	Hồ Chí Minh	1538	51L-819.55	Hồ Chí Minh	2738	51L-813.14	Hồ Chí Minh
339	51L-817.35	Hồ Chí Minh	1539	51L-820.25	Hồ Chí Minh	2739	51L-816.39	Hồ Chí Minh
340	51L-820.79	Hồ Chí Minh	1540	51L-824.25	Hồ Chí Minh	2740	51L-816.95	Hồ Chí Minh
341	51L-825.33	Hồ Chí Minh	1541	51L-824.77	Hồ Chí Minh	2741	51L-817.16	Hồ Chí Minh
342	51L-828.19	Hồ Chí Minh	1542	51L-825.16	Hồ Chí Minh	2742	51L-817.56	Hồ Chí Minh
343	51L-829.18	Hồ Chí Minh	1543	51L-828.00	Hồ Chí Minh	2743	51L-824.19	Hồ Chí Minh
344	51L-832.83	Hồ Chí Minh	1544	51L-830.98	Hồ Chí Minh	2744	51L-825.98	Hồ Chí Minh
345	51L-834.25	Hồ Chí Minh	1545	51L-835.89	Hồ Chí Minh	2745	51L-826.69	Hồ Chí Minh
346	51L-839.86	Hồ Chí Minh	1546	51L-837.99	Hồ Chí Minh	2746	51L-827.25	Hồ Chí Minh
347	51L-847.69	Hồ Chí Minh	1547	51L-838.66	Hồ Chí Minh	2747	51L-829.98	Hồ Chí Minh
348	51L-848.84	Hồ Chí Minh	1548	51L-843.15	Hồ Chí Minh	2748	51L-832.35	Hồ Chí Minh
349	51L-850.05	Hồ Chí Minh	1549	51L-846.83	Hồ Chí Minh	2749	51L-834.58	Hồ Chí Minh
350	51L-851.16	Hồ Chí Minh	1550	51L-850.35	Hồ Chí Minh	2750	51L-835.29	Hồ Chí Minh
351	51L-851.38	Hồ Chí Minh	1551	51L-850.88	Hồ Chí Minh	2751	51L-835.56	Hồ Chí Minh
352	51L-854.54	Hồ Chí Minh	1552	51L-851.95	Hồ Chí Minh	2752	51L-835.58	Hồ Chí Minh
353	51L-856.57	Hồ Chí Minh	1553	51L-858.00	Hồ Chí Minh	2753	51L-835.85	Hồ Chí Minh
354	51L-860.09	Hồ Chí Minh	1554	51L-858.16	Hồ Chí Minh	2754	51L-843.28	Hồ Chí Minh
355	51L-860.35	Hồ Chí Minh	1555	51L-859.25	Hồ Chí Minh	2755	51L-843.29	Hồ Chí Minh
356	51L-860.85	Hồ Chí Minh	1556	51L-859.77	Hồ Chí Minh	2756	51L-844.00	Hồ Chí Minh
357	51L-861.86	Hồ Chí Minh	1557	51L-866.25	Hồ Chí Minh	2757	51L-845.99	Hồ Chí Minh
358	51L-862.29	Hồ Chí Minh	1558	51L-870.07	Hồ Chí Minh	2758	51L-847.44	Hồ Chí Minh
359	51L-866.48	Hồ Chí Minh	1559	51L-872.00	Hồ Chí Minh	2759	51L-847.86	Hồ Chí Minh
360	51L-866.74	Hồ Chí Minh	1560	51L-872.16	Hồ Chí Minh	2760	51L-851.55	Hồ Chí Minh
361	51L-874.96	Hồ Chí Minh	1561	51L-873.58	Hồ Chí Minh	2761	51L-852.33	Hồ Chí Minh
362	51L-876.65	Hồ Chí Minh	1562	51L-875.19	Hồ Chí Minh	2762	51L-853.68	Hồ Chí Minh
363	51L-877.22	Hồ Chí Minh	1563	51L-875.36	Hồ Chí Minh	2763	51L-853.83	Hồ Chí Minh
364	51L-878.25	Hồ Chí Minh	1564	51L-881.65	Hồ Chí Minh	2764	51L-856.22	Hồ Chí Minh
365	51L-880.18	Hồ Chí Minh	1565	51L-885.66	Hồ Chí Minh	2765	51L-859.35	Hồ Chí Minh
366	51L-880.77	Hồ Chí Minh	1566	51L-886.31	Hồ Chí Minh	2766	51L-860.11	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
367	51L-882.26	Hồ Chí Minh	1567	51L-888.17	Hồ Chí Minh	2767	51L-866.38	Hồ Chí Minh
368	51L-885.58	Hồ Chí Minh	1568	51L-891.19	Hồ Chí Minh	2768	51L-866.41	Hồ Chí Minh
369	51L-892.16	Hồ Chí Minh	1569	51L-896.22	Hồ Chí Minh	2769	51L-866.80	Hồ Chí Minh
370	51L-892.66	Hồ Chí Minh	1570	11A-131.83	Cao Bằng	2770	51L-867.44	Hồ Chí Minh
371	51L-893.08	Hồ Chí Minh	1571	11A-133.98	Cao Bằng	2771	51L-868.80	Hồ Chí Minh
372	11A-132.15	Cao Bằng	1572	11B-011.69	Cao Bằng	2772	51L-870.44	Hồ Chí Minh
373	11A-133.44	Cao Bằng	1573	11C-082.82	Cao Bằng	2773	51L-874.35	Hồ Chí Minh
374	11A-133.88	Cao Bằng	1574	12A-228.86	Lạng Sơn	2774	51L-878.56	Hồ Chí Minh
375	11A-134.28	Cao Bằng	1575	12A-254.54	Lạng Sơn	2775	51L-880.98	Hồ Chí Minh
376	12A-223.89	Lạng Sơn	1576	12A-258.06	Lạng Sơn	2776	51L-884.56	Hồ Chí Minh
377	12A-254.59	Lạng Sơn	1577	12A-258.58	Lạng Sơn	2777	51L-886.19	Hồ Chí Minh
378	12A-257.19	Lạng Sơn	1578	12A-259.22	Lạng Sơn	2778	51L-887.29	Hồ Chí Minh
379	12A-257.89	Lạng Sơn	1579	12A-259.28	Lạng Sơn	2779	51L-889.11	Hồ Chí Minh
380	12A-259.08	Lạng Sơn	1580	12A-260.18	Lạng Sơn	2780	51L-890.36	Hồ Chí Minh
381	14A-931.65	Quảng Ninh	1581	12A-260.55	Lạng Sơn	2781	51L-891.00	Hồ Chí Minh
382	14A-932.26	Quảng Ninh	1582	12A-261.18	Lạng Sơn	2782	11A-130.95	Cao Bằng
383	14A-944.77	Quảng Ninh	1583	14A-932.33	Quảng Ninh	2783	11A-133.35	Cao Bằng
384	14A-946.95	Quảng Ninh	1584	14A-932.38	Quảng Ninh	2784	11A-133.95	Cao Bằng
385	14A-948.84	Quảng Ninh	1585	14A-938.83	Quảng Ninh	2785	12A-255.11	Lạng Sơn
386	14A-949.11	Quảng Ninh	1586	14A-940.38	Quảng Ninh	2786	12A-256.22	Lạng Sơn
387	14A-952.96	Quảng Ninh	1587	14A-940.69	Quảng Ninh	2787	12A-260.08	Lạng Sơn
388	14A-957.19	Quảng Ninh	1588	14A-941.69	Quảng Ninh	2788	12A-261.79	Lạng Sơn
389	14A-961.56	Quảng Ninh	1589	14A-944.79	Quảng Ninh	2789	12B-012.86	Lạng Sơn
390	14A-965.79	Quảng Ninh	1590	14A-945.29	Quảng Ninh	2790	12C-137.69	Lạng Sơn
391	14A-970.58	Quảng Ninh	1591	14A-945.58	Quảng Ninh	2791	14A-937.22	Quảng Ninh
392	14A-971.38	Quảng Ninh	1592	14A-945.77	Quảng Ninh	2792	14A-938.15	Quảng Ninh
393	14A-973.19	Quảng Ninh	1593	14A-946.89	Quảng Ninh	2793	14A-941.88	Quảng Ninh
394	14A-977.59	Quảng Ninh	1594	14A-947.48	Quảng Ninh	2794	14A-943.33	Quảng Ninh
395	14A-978.58	Quảng Ninh	1595	14A-957.44	Quảng Ninh	2795	14A-943.34	Quảng Ninh
396	14A-982.77	Quảng Ninh	1596	14A-961.88	Quảng Ninh	2796	14A-945.00	Quảng Ninh
397	14A-986.19	Quảng Ninh	1597	14A-965.99	Quảng Ninh	2797	14A-958.83	Quảng Ninh
398	14A-987.95	Quảng Ninh	1598	14A-966.64	Quảng Ninh	2798	14A-961.61	Quảng Ninh
399	14D-026.99	Quảng Ninh	1599	14A-967.22	Quảng Ninh	2799	14A-968.36	Quảng Ninh
400	15K-340.98	Hải Phòng	1600	14A-972.27	Quảng Ninh	2800	14A-968.95	Quảng Ninh
401	15K-341.28	Hải Phòng	1601	14A-973.22	Quảng Ninh	2801	14A-969.11	Quảng Ninh
402	15K-342.88	Hải Phòng	1602	14A-977.58	Quảng Ninh	2802	14A-970.22	Quảng Ninh
403	15K-345.18	Hải Phòng	1603	14A-982.26	Quảng Ninh	2803	14A-970.59	Quảng Ninh
404	15K-345.98	Hải Phòng	1604	14A-982.35	Quảng Ninh	2804	14A-975.75	Quảng Ninh
405	15K-348.36	Hải Phòng	1605	14A-987.18	Quảng Ninh	2805	14A-976.35	Quảng Ninh
406	15K-353.58	Hải Phòng	1606	15K-337.83	Hải Phòng	2806	14A-976.56	Quảng Ninh
407	15K-357.06	Hải Phòng	1607	15K-341.38	Hải Phòng	2807	14A-980.66	Quảng Ninh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
408	15K-361.79	Hải Phòng	1608	15K-341.89	Hải Phòng	2808	14A-983.96	Quảng Ninh
409	15K-363.18	Hải Phòng	1609	15K-342.26	Hải Phòng	2809	15K-337.18	Hải Phòng
410	15K-365.08	Hải Phòng	1610	15K-345.25	Hải Phòng	2810	15K-338.55	Hải Phòng
411	15K-369.95	Hải Phòng	1611	15K-350.16	Hải Phòng	2811	15K-343.85	Hải Phòng
412	15K-370.11	Hải Phòng	1612	15K-350.88	Hải Phòng	2812	15K-347.08	Hải Phòng
413	15K-370.19	Hải Phòng	1613	15K-351.88	Hải Phòng	2813	15K-359.28	Hải Phòng
414	15K-370.88	Hải Phòng	1614	15K-351.97	Hải Phòng	2814	15K-360.36	Hải Phòng
415	15K-373.29	Hải Phòng	1615	15K-360.96	Hải Phòng	2815	15K-360.44	Hải Phòng
416	15K-373.86	Hải Phòng	1616	15K-364.64	Hải Phòng	2816	15K-364.26	Hải Phòng
417	15K-374.29	Hải Phòng	1617	15K-365.18	Hải Phòng	2817	15K-367.44	Hải Phòng
418	15K-374.33	Hải Phòng	1618	15K-370.83	Hải Phòng	2818	15K-370.69	Hải Phòng
419	15K-375.25	Hải Phòng	1619	15K-371.16	Hải Phòng	2819	15K-371.08	Hải Phòng
420	15K-375.96	Hải Phòng	1620	15K-371.25	Hải Phòng	2820	15K-374.47	Hải Phòng
421	15K-381.25	Hải Phòng	1621	15K-371.28	Hải Phòng	2821	15K-374.69	Hải Phòng
422	15K-386.19	Hải Phòng	1622	15K-375.16	Hải Phòng	2822	15K-375.76	Hải Phòng
423	15K-388.11	Hải Phòng	1623	15K-376.68	Hải Phòng	2823	15K-375.98	Hải Phòng
424	15K-388.80	Hải Phòng	1624	15K-377.35	Hải Phòng	2824	15K-376.22	Hải Phòng
425	15K-392.44	Hải Phòng	1625	15K-379.19	Hải Phòng	2825	15K-380.00	Hải Phòng
426	15K-393.88	Hải Phòng	1626	15K-383.98	Hải Phòng	2826	15K-383.29	Hải Phòng
427	15K-395.11	Hải Phòng	1627	15K-387.68	Hải Phòng	2827	15K-385.38	Hải Phòng
428	15K-398.26	Hải Phòng	1628	15K-391.36	Hải Phòng	2828	15K-396.25	Hải Phòng
429	15K-405.38	Hải Phòng	1629	15K-395.26	Hải Phòng	2829	15K-396.35	Hải Phòng
430	15K-408.29	Hải Phòng	1630	15K-399.62	Hải Phòng	2830	15K-396.89	Hải Phòng
431	15K-409.88	Hải Phòng	1631	15K-401.95	Hải Phòng	2831	15K-402.11	Hải Phòng
432	15K-412.21	Hải Phòng	1632	15K-402.95	Hải Phòng	2832	15K-402.77	Hải Phòng
433	15K-412.41	Hải Phòng	1633	15K-404.16	Hải Phòng	2833	15K-403.04	Hải Phòng
434	15K-421.68	Hải Phòng	1634	15K-409.40	Hải Phòng	2834	15K-404.35	Hải Phòng
435	15K-421.95	Hải Phòng	1635	15K-419.18	Hải Phòng	2835	15K-416.69	Hải Phòng
436	15K-422.23	Hải Phòng	1636	15K-419.41	Hải Phòng	2836	15K-416.89	Hải Phòng
437	15K-422.24	Hải Phòng	1637	15K-419.59	Hải Phòng	2837	15K-419.44	Hải Phòng
438	15K-422.44	Hải Phòng	1638	15K-423.16	Hải Phòng	2838	15K-420.16	Hải Phòng
439	15K-423.85	Hải Phòng	1639	17A-468.82	Thái Bình	2839	17A-469.33	Thái Bình
440	17A-471.25	Thái Bình	1640	17A-469.39	Thái Bình	2840	17A-470.89	Thái Bình
441	17A-474.89	Thái Bình	1641	17A-469.83	Thái Bình	2841	17A-473.35	Thái Bình
442	17A-475.25	Thái Bình	1642	17A-473.09	Thái Bình	2842	17A-475.68	Thái Bình
443	17A-475.58	Thái Bình	1643	17A-473.22	Thái Bình	2843	17A-478.29	Thái Bình
444	17A-476.56	Thái Bình	1644	17A-476.38	Thái Bình	2844	17A-479.77	Thái Bình
445	17A-491.97	Thái Bình	1645	17A-478.22	Thái Bình	2845	17A-488.11	Thái Bình
446	17A-492.18	Thái Bình	1646	17A-479.36	Thái Bình	2846	17A-489.65	Thái Bình
447	17B-026.68	Thái Bình	1647	17A-480.68	Thái Bình	2847	17C-208.79	Thái Bình
448	17C-213.68	Thái Bình	1648	17A-482.33	Thái Bình	2848	17C-212.99	Thái Bình

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
449	17D-011.79	Thái Bình	1649	17A-483.89	Thái Bình	2849	18A-467.88	Nam Định
450	18A-468.56	Nam Định	1650	17A-491.92	Thái Bình	2850	18A-473.56	Nam Định
451	18A-476.95	Nam Định	1651	17C-208.69	Thái Bình	2851	18A-473.99	Nam Định
452	18A-476.98	Nam Định	1652	17D-012.69	Thái Bình	2852	18A-474.58	Nam Định
453	18A-480.39	Nam Định	1653	18A-467.81	Nam Định	2853	18A-476.08	Nam Định
454	18A-481.19	Nam Định	1654	18A-471.19	Nam Định	2854	18A-476.86	Nam Định
455	18A-481.88	Nam Định	1655	18A-475.65	Nam Định	2855	18A-477.19	Nam Định
456	18A-483.00	Nam Định	1656	18A-482.58	Nam Định	2856	18A-481.84	Nam Định
457	18A-486.78	Nam Định	1657	18A-482.96	Nam Định	2857	18A-482.95	Nam Định
458	18A-488.96	Nam Định	1658	18A-484.06	Nam Định	2858	18A-485.89	Nam Định
459	18A-489.00	Nam Định	1659	18A-484.77	Nam Định	2859	18B-029.88	Nam Định
460	18B-028.82	Nam Định	1660	18A-487.33	Nam Định	2860	18C-168.88	Nam Định
461	18D-011.89	Nam Định	1661	18A-489.19	Nam Định	2861	19A-672.22	Phú Thọ
462	19A-671.85	Phú Thọ	1662	18B-028.66	Nam Định	2862	19A-675.22	Phú Thọ
463	19A-676.76	Phú Thọ	1663	18C-167.86	Nam Định	2863	19A-676.33	Phú Thọ
464	19A-678.17	Phú Thọ	1664	19A-673.44	Phú Thọ	2864	19A-680.96	Phú Thọ
465	19A-678.28	Phú Thọ	1665	19A-674.16	Phú Thọ	2865	19A-683.15	Phú Thọ
466	19A-680.55	Phú Thọ	1666	19A-676.56	Phú Thọ	2866	19A-684.19	Phú Thọ
467	19A-684.18	Phú Thọ	1667	19A-677.95	Phú Thọ	2867	19A-686.22	Phú Thọ
468	19A-688.18	Phú Thọ	1668	19A-678.45	Phú Thọ	2868	19A-687.88	Phú Thọ
469	19A-690.19	Phú Thọ	1669	19A-679.25	Phú Thọ	2869	19A-688.24	Phú Thọ
470	19A-690.39	Phú Thọ	1670	19A-679.36	Phú Thọ	2870	19A-693.08	Phú Thọ
471	19A-694.94	Phú Thọ	1671	19A-687.68	Phú Thọ	2871	19A-694.08	Phú Thọ
472	19A-698.83	Phú Thọ	1672	19A-691.98	Phú Thọ	2872	19A-696.18	Phú Thọ
473	19A-701.77	Phú Thọ	1673	19A-692.22	Phú Thọ	2873	19A-700.15	Phú Thọ
474	19A-702.44	Phú Thọ	1674	19A-694.65	Phú Thọ	2874	19A-700.36	Phú Thọ
475	19A-703.69	Phú Thọ	1675	19A-694.95	Phú Thọ	2875	19A-703.07	Phú Thọ
476	19A-705.98	Phú Thọ	1676	19A-695.44	Phú Thọ	2876	19A-703.79	Phú Thọ
477	19A-707.19	Phú Thọ	1677	19A-698.65	Phú Thọ	2877	19A-706.95	Phú Thọ
478	19A-709.44	Phú Thọ	1678	19A-699.85	Phú Thọ	2878	19A-711.44	Phú Thọ
479	19A-710.39	Phú Thọ	1679	19A-701.22	Phú Thọ	2879	19A-711.98	Phú Thọ
480	19A-713.89	Phú Thọ	1680	19A-703.09	Phú Thọ	2880	19A-713.17	Phú Thọ
481	19B-025.86	Phú Thọ	1681	19A-704.09	Phú Thọ	2881	19C-252.69	Phú Thọ
482	19C-257.89	Phú Thọ	1682	19A-707.00	Phú Thọ	2882	19C-255.79	Phú Thọ
483	19C-261.86	Phú Thọ	1683	19A-708.11	Phú Thọ	2883	19C-260.06	Phú Thọ
484	19C-262.99	Phú Thọ	1684	19A-708.98	Phú Thọ	2884	20A-812.85	Thái Nguyên
485	19D-012.99	Phú Thọ	1685	19A-714.95	Phú Thọ	2885	20A-813.98	Thái Nguyên
486	20A-816.81	Thái Nguyên	1686	19B-027.27	Phú Thọ	2886	20A-816.15	Thái Nguyên
487	20A-819.74	Thái Nguyên	1687	19C-258.99	Phú Thọ	2887	20A-817.66	Thái Nguyên
488	20A-820.55	Thái Nguyên	1688	20A-820.09	Thái Nguyên	2888	20A-819.55	Thái Nguyên
489	20A-828.79	Thái Nguyên	1689	20A-821.56	Thái Nguyên	2889	20A-820.16	Thái Nguyên

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
490	20A-832.68	Thái Nguyên	1690	20A-835.00	Thái Nguyên	2890	20A-825.68	Thái Nguyên
491	20A-834.08	Thái Nguyên	1691	20A-840.56	Thái Nguyên	2891	20A-826.55	Thái Nguyên
492	20A-839.89	Thái Nguyên	1692	20A-844.59	Thái Nguyên	2892	20A-827.09	Thái Nguyên
493	20A-840.89	Thái Nguyên	1693	20A-845.54	Thái Nguyên	2893	20A-833.56	Thái Nguyên
494	20A-842.55	Thái Nguyên	1694	20A-846.29	Thái Nguyên	2894	20A-833.69	Thái Nguyên
495	20A-842.98	Thái Nguyên	1695	20A-847.39	Thái Nguyên	2895	20A-835.96	Thái Nguyên
496	20A-845.25	Thái Nguyên	1696	20A-847.86	Thái Nguyên	2896	20A-835.98	Thái Nguyên
497	20A-848.48	Thái Nguyên	1697	20A-847.96	Thái Nguyên	2897	20A-840.68	Thái Nguyên
498	20A-859.15	Thái Nguyên	1698	20A-850.35	Thái Nguyên	2898	20A-842.15	Thái Nguyên
499	20A-860.19	Thái Nguyên	1699	20A-850.38	Thái Nguyên	2899	20A-848.79	Thái Nguyên
500	20C-296.96	Thái Nguyên	1700	20A-853.09	Thái Nguyên	2900	20A-849.25	Thái Nguyên
501	20C-297.77	Thái Nguyên	1701	20A-854.69	Thái Nguyên	2901	20A-850.77	Thái Nguyên
502	21A-211.35	Yên Bái	1702	20A-854.99	Thái Nguyên	2902	20A-851.96	Thái Nguyên
503	21A-211.85	Yên Bái	1703	20A-855.86	Thái Nguyên	2903	20A-852.83	Thái Nguyên
504	21A-216.08	Yên Bái	1704	20A-857.58	Thái Nguyên	2904	20A-854.26	Thái Nguyên
505	21A-217.21	Yên Bái	1705	20A-858.39	Thái Nguyên	2905	20A-854.33	Thái Nguyên
506	21A-219.55	Yên Bái	1706	20B-033.86	Thái Nguyên	2906	20A-856.98	Thái Nguyên
507	21A-219.68	Yên Bái	1707	21A-211.25	Yên Bái	2907	20A-858.85	Thái Nguyên
508	21B-012.88	Yên Bái	1708	21A-211.55	Yên Bái	2908	20A-859.59	Thái Nguyên
509	22A-260.55	Tuyên Quang	1709	21A-214.66	Yên Bái	2909	20C-308.66	Thái Nguyên
510	22A-263.79	Tuyên Quang	1710	21A-215.58	Yên Bái	2910	21A-211.66	Yên Bái
511	22A-265.77	Tuyên Quang	1711	21A-217.25	Yên Bái	2911	21A-212.55	Yên Bái
512	22A-266.83	Tuyên Quang	1712	21A-217.71	Yên Bái	2912	21A-217.36	Yên Bái
513	22A-267.35	Tuyên Quang	1713	21A-220.00	Yên Bái	2913	21A-217.95	Yên Bái
514	22A-267.65	Tuyên Quang	1714	22A-257.15	Tuyên Quang	2914	21A-219.22	Yên Bái
515	23A-157.89	Hà Giang	1715	22A-257.19	Tuyên Quang	2915	22A-257.68	Tuyên Quang
516	23A-158.22	Hà Giang	1716	22A-257.79	Tuyên Quang	2916	22A-258.09	Tuyên Quang
517	23A-159.97	Hà Giang	1717	22A-260.56	Tuyên Quang	2917	22A-259.35	Tuyên Quang
518	23A-160.22	Hà Giang	1718	22A-264.68	Tuyên Quang	2918	22A-261.09	Tuyên Quang
519	23A-161.33	Hà Giang	1719	22A-264.69	Tuyên Quang	2919	22A-261.22	Tuyên Quang
520	23A-161.36	Hà Giang	1720	22A-265.59	Tuyên Quang	2920	22A-262.15	Tuyên Quang
521	23C-087.86	Hà Giang	1721	22A-269.39	Tuyên Quang	2921	22A-263.66	Tuyên Quang
522	24A-306.77	Lào Cai	1722	22B-013.86	Tuyên Quang	2922	22A-266.16	Tuyên Quang
523	24A-307.30	Lào Cai	1723	23A-155.89	Hà Giang	2923	22A-267.00	Tuyên Quang
524	24A-311.25	Lào Cai	1724	23A-159.35	Hà Giang	2924	23A-159.28	Hà Giang
525	24C-161.69	Lào Cai	1725	23A-159.65	Hà Giang	2925	23A-160.65	Hà Giang
526	25A-082.18	Lai Châu	1726	23A-160.99	Hà Giang	2926	23A-162.59	Hà Giang
527	25A-082.25	Lai Châu	1727	23A-162.06	Hà Giang	2927	23A-163.25	Hà Giang
528	25A-084.65	Lai Châu	1728	23A-163.55	Hà Giang	2928	24A-304.55	Lào Cai
529	25C-056.88	Lai Châu	1729	23C-089.66	Hà Giang	2929	24A-306.28	Lào Cai
530	26A-224.96	Sơn La	1730	24A-305.96	Lào Cai	2930	24A-306.44	Lào Cai

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
531	26A-225.00	Sơn La	1731	24A-313.28	Lào Cai	2931	24A-306.99	Lào Cai
532	26A-229.29	Sơn La	1732	24A-313.69	Lào Cai	2932	24A-311.83	Lào Cai
533	26A-230.08	Sơn La	1733	24A-314.66	Lào Cai	2933	24A-312.59	Lào Cai
534	26A-230.30	Sơn La	1734	24A-315.28	Lào Cai	2934	24A-315.06	Lào Cai
535	26A-233.99	Sơn La	1735	24C-163.36	Lào Cai	2935	24C-162.22	Lào Cai
536	26A-234.65	Sơn La	1736	25A-082.33	Lai Châu	2936	25A-084.33	Lai Châu
537	26A-235.06	Sơn La	1737	25A-083.77	Lai Châu	2937	25C-059.66	Lai Châu
538	27A-125.86	Điện Biên	1738	26A-224.33	Sơn La	2938	26A-224.79	Sơn La
539	27A-128.35	Điện Biên	1739	26A-225.16	Sơn La	2939	26A-226.36	Sơn La
540	27B-011.86	Điện Biên	1740	26A-232.18	Sơn La	2940	26A-227.00	Sơn La
541	27B-011.89	Điện Biên	1741	26A-234.79	Sơn La	2941	26A-227.69	Sơn La
542	28A-250.98	Hòa Bình	1742	26C-157.66	Sơn La	2942	26A-229.11	Sơn La
543	28A-252.22	Hòa Bình	1743	26C-157.68	Sơn La	2943	26A-229.26	Sơn La
544	28A-252.33	Hòa Bình	1744	27A-124.12	Điện Biên	2944	26C-156.79	Sơn La
545	28A-254.22	Hòa Bình	1745	27A-126.85	Điện Biên	2945	27C-073.89	Điện Biên
546	28A-256.89	Hòa Bình	1746	27A-128.55	Điện Biên	2946	28A-249.44	Hòa Bình
547	28A-258.65	Hòa Bình	1747	28A-247.85	Hòa Bình	2947	28A-251.59	Hòa Bình
548	28C-121.68	Hòa Bình	1748	28A-251.16	Hòa Bình	2948	28A-252.58	Hòa Bình
549	29D-609.09	Hà Nội	1749	28A-257.19	Hòa Bình	2949	28A-252.96	Hòa Bình
550	29D-619.89	Hà Nội	1750	29D-613.86	Hà Nội	2950	28A-254.66	Hòa Bình
551	29K-222.02	Hà Nội	1751	29D-618.89	Hà Nội	2951	28A-254.96	Hòa Bình
552	29K-225.35	Hà Nội	1752	29K-220.29	Hà Nội	2952	29B-652.86	Hà Nội
553	29K-225.56	Hà Nội	1753	29K-220.58	Hà Nội	2953	29D-616.79	Hà Nội
554	29K-226.55	Hà Nội	1754	29K-223.33	Hà Nội	2954	30K-889.98	Hà Nội
555	29K-226.65	Hà Nội	1755	29K-228.68	Hà Nội	2955	29K-223.08	Hà Nội
556	29K-230.44	Hà Nội	1756	29K-229.29	Hà Nội	2956	29K-225.19	Hà Nội
557	29K-230.95	Hà Nội	1757	29K-231.18	Hà Nội	2957	29K-225.44	Hà Nội
558	29K-231.11	Hà Nội	1758	29K-233.09	Hà Nội	2958	29K-228.16	Hà Nội
559	29K-232.39	Hà Nội	1759	29K-235.83	Hà Nội	2959	29K-228.33	Hà Nội
560	29K-237.39	Hà Nội	1760	29K-236.79	Hà Nội	2960	29K-228.89	Hà Nội
561	29K-238.79	Hà Nội	1761	29K-237.32	Hà Nội	2961	29K-229.00	Hà Nội
562	29K-243.83	Hà Nội	1762	29K-240.22	Hà Nội	2962	29K-230.33	Hà Nội
563	29K-246.46	Hà Nội	1763	29K-241.19	Hà Nội	2963	29K-233.19	Hà Nội
564	29K-249.36	Hà Nội	1764	29K-241.98	Hà Nội	2964	29K-235.56	Hà Nội
565	29K-251.96	Hà Nội	1765	29K-247.42	Hà Nội	2965	29K-236.08	Hà Nội
566	29K-253.29	Hà Nội	1766	29K-248.39	Hà Nội	2966	29K-236.85	Hà Nội
567	29K-257.57	Hà Nội	1767	29K-250.50	Hà Nội	2967	29K-241.99	Hà Nội
568	29K-260.68	Hà Nội	1768	29K-251.16	Hà Nội	2968	29K-252.88	Hà Nội
569	29K-270.22	Hà Nội	1769	29K-252.98	Hà Nội	2969	29K-255.06	Hà Nội
570	29K-275.65	Hà Nội	1770	29K-253.08	Hà Nội	2970	29K-255.88	Hà Nội
571	29K-275.83	Hà Nội	1771	29K-254.55	Hà Nội	2971	29K-256.39	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
572	29K-276.44	Hà Nội	1772	29K-256.56	Hà Nội	2972	29K-265.09	Hà Nội
573	29K-278.86	Hà Nội	1773	29K-257.22	Hà Nội	2973	29K-267.26	Hà Nội
574	29K-285.28	Hà Nội	1774	29K-257.86	Hà Nội	2974	29K-274.00	Hà Nội
575	29K-288.29	Hà Nội	1775	29K-261.25	Hà Nội	2975	29K-276.16	Hà Nội
576	29K-290.55	Hà Nội	1776	29K-263.35	Hà Nội	2976	29K-276.35	Hà Nội
577	29K-297.97	Hà Nội	1777	29K-263.85	Hà Nội	2977	29K-280.66	Hà Nội
578	29K-298.86	Hà Nội	1778	29K-264.83	Hà Nội	2978	29K-281.11	Hà Nội
579	29K-301.68	Hà Nội	1779	29K-265.98	Hà Nội	2979	29K-281.18	Hà Nội
580	29K-302.19	Hà Nội	1780	29K-270.89	Hà Nội	2980	29K-281.56	Hà Nội
581	29K-303.06	Hà Nội	1781	29K-271.86	Hà Nội	2981	29K-286.44	Hà Nội
582	29K-304.25	Hà Nội	1782	29K-273.28	Hà Nội	2982	29K-288.56	Hà Nội
583	29K-304.58	Hà Nội	1783	29K-276.36	Hà Nội	2983	29K-289.00	Hà Nội
584	29K-305.26	Hà Nội	1784	29K-277.00	Hà Nội	2984	29K-289.36	Hà Nội
585	29K-306.88	Hà Nội	1785	29K-278.39	Hà Nội	2985	29K-291.11	Hà Nội
586	29K-313.44	Hà Nội	1786	29K-278.83	Hà Nội	2986	29K-294.29	Hà Nội
587	29K-320.68	Hà Nội	1787	29K-285.15	Hà Nội	2987	29K-295.69	Hà Nội
588	29K-324.29	Hà Nội	1788	29K-286.67	Hà Nội	2988	29K-296.08	Hà Nội
589	34A-857.56	Hải Dương	1789	29K-289.38	Hà Nội	2989	29K-305.16	Hà Nội
590	34A-858.16	Hải Dương	1790	29K-290.16	Hà Nội	2990	29K-307.07	Hà Nội
591	34A-860.89	Hải Dương	1791	29K-291.99	Hà Nội	2991	29K-307.19	Hà Nội
592	34A-861.58	Hải Dương	1792	29K-293.09	Hà Nội	2992	29K-310.26	Hà Nội
593	34A-862.09	Hải Dương	1793	29K-293.94	Hà Nội	2993	29K-313.11	Hà Nội
594	34A-866.23	Hải Dương	1794	29K-295.25	Hà Nội	2994	29K-313.39	Hà Nội
595	34A-866.30	Hải Dương	1795	29K-302.38	Hà Nội	2995	29K-315.65	Hà Nội
596	34A-876.15	Hải Dương	1796	29K-306.69	Hà Nội	2996	29K-316.78	Hà Nội
597	34A-880.86	Hải Dương	1797	29K-308.15	Hà Nội	2997	29K-318.89	Hà Nội
598	34A-881.83	Hải Dương	1798	29K-310.19	Hà Nội	2998	29K-319.79	Hà Nội
599	34A-886.42	Hải Dương	1799	29K-311.25	Hà Nội	2999	34A-861.35	Hải Dương
600	34A-886.90	Hải Dương	1800	29K-311.26	Hà Nội	3000	34A-863.95	Hải Dương
601	34A-887.15	Hải Dương	1801	29K-313.95	Hà Nội	3001	34A-864.28	Hải Dương
602	34A-893.55	Hải Dương	1802	29K-315.55	Hà Nội	3002	34A-865.38	Hải Dương
603	34A-895.69	Hải Dương	1803	29K-316.16	Hà Nội	3003	34A-867.08	Hải Dương
604	34A-905.18	Hải Dương	1804	29K-316.88	Hà Nội	3004	34A-868.58	Hải Dương
605	34A-908.65	Hải Dương	1805	29K-321.68	Hà Nội	3005	34A-874.87	Hải Dương
606	34A-909.58	Hải Dương	1806	29K-322.09	Hà Nội	3006	34A-874.88	Hải Dương
607	34A-909.66	Hải Dương	1807	29K-322.85	Hà Nội	3007	34A-876.68	Hải Dương
608	34A-909.98	Hải Dương	1808	34A-859.33	Hải Dương	3008	34A-877.56	Hải Dương
609	34A-915.29	Hải Dương	1809	34A-861.39	Hải Dương	3009	34A-877.83	Hải Dương
610	34A-915.91	Hải Dương	1810	34A-861.44	Hải Dương	3010	34A-879.85	Hải Dương
611	34A-918.29	Hải Dương	1811	34A-864.19	Hải Dương	3011	34A-881.36	Hải Dương
612	34A-918.69	Hải Dương	1812	34A-869.83	Hải Dương	3012	34A-881.66	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
613	35A-445.11	Ninh Bình	1813	34A-871.78	Hải Dương	3013	34A-881.95	Hải Dương
614	35A-447.66	Ninh Bình	1814	34A-873.36	Hải Dương	3014	34A-882.96	Hải Dương
615	35A-452.86	Ninh Bình	1815	34A-874.78	Hải Dương	3015	34A-886.58	Hải Dương
616	35A-453.66	Ninh Bình	1816	34A-876.55	Hải Dương	3016	34A-887.85	Hải Dương
617	35A-455.15	Ninh Bình	1817	34A-876.77	Hải Dương	3017	34A-887.96	Hải Dương
618	35A-458.44	Ninh Bình	1818	34A-881.82	Hải Dương	3018	34A-888.34	Hải Dương
619	35A-458.96	Ninh Bình	1819	34A-884.36	Hải Dương	3019	34A-889.56	Hải Dương
620	35A-459.98	Ninh Bình	1820	34A-885.26	Hải Dương	3020	34A-889.90	Hải Dương
621	35A-460.77	Ninh Bình	1821	34A-886.02	Hải Dương	3021	34A-891.56	Hải Dương
622	35A-461.59	Ninh Bình	1822	34A-886.43	Hải Dương	3022	34A-892.09	Hải Dương
623	35A-462.69	Ninh Bình	1823	34A-888.73	Hải Dương	3023	34A-895.86	Hải Dương
624	35A-463.11	Ninh Bình	1824	34A-893.66	Hải Dương	3024	34A-899.95	Hải Dương
625	36C-528.86	Thanh Hóa	1825	34A-895.35	Hải Dương	3025	34A-902.69	Hải Dương
626	36K-138.58	Thanh Hóa	1826	34A-895.44	Hải Dương	3026	34A-903.08	Hải Dương
627	36K-140.95	Thanh Hóa	1827	34A-896.33	Hải Dương	3027	34A-906.38	Hải Dương
628	36K-142.83	Thanh Hóa	1828	34A-898.59	Hải Dương	3028	34A-908.68	Hải Dương
629	36K-143.35	Thanh Hóa	1829	34A-903.11	Hải Dương	3029	34A-911.25	Hải Dương
630	36K-143.55	Thanh Hóa	1830	34A-903.58	Hải Dương	3030	34A-912.88	Hải Dương
631	36K-144.69	Thanh Hóa	1831	34A-907.25	Hải Dương	3031	34A-913.31	Hải Dương
632	36K-145.38	Thanh Hóa	1832	34A-913.58	Hải Dương	3032	35A-444.57	Ninh Bình
633	36K-146.29	Thanh Hóa	1833	34A-913.66	Hải Dương	3033	35A-446.96	Ninh Bình
634	36K-146.38	Thanh Hóa	1834	34A-914.95	Hải Dương	3034	35A-447.99	Ninh Bình
635	36K-147.96	Thanh Hóa	1835	34A-915.98	Hải Dương	3035	35A-449.59	Ninh Bình
636	36K-149.08	Thanh Hóa	1836	35A-458.77	Ninh Bình	3036	35A-451.45	Ninh Bình
637	36K-151.59	Thanh Hóa	1837	35A-459.97	Ninh Bình	3037	35A-457.11	Ninh Bình
638	36K-154.56	Thanh Hóa	1838	36C-511.39	Thanh Hóa	3038	36C-508.86	Thanh Hóa
639	36K-156.39	Thanh Hóa	1839	36C-518.99	Thanh Hóa	3039	36C-512.12	Thanh Hóa
640	36K-158.22	Thanh Hóa	1840	36C-527.69	Thanh Hóa	3040	36K-137.35	Thanh Hóa
641	36K-166.16	Thanh Hóa	1841	36C-528.82	Thanh Hóa	3041	36K-139.31	Thanh Hóa
642	36K-166.22	Thanh Hóa	1842	36D-025.69	Thanh Hóa	3042	36K-139.95	Thanh Hóa
643	36K-170.08	Thanh Hóa	1843	36K-137.29	Thanh Hóa	3043	36K-149.18	Thanh Hóa
644	36K-170.19	Thanh Hóa	1844	36K-141.44	Thanh Hóa	3044	36K-150.55	Thanh Hóa
645	36K-175.19	Thanh Hóa	1845	36K-141.89	Thanh Hóa	3045	36K-154.66	Thanh Hóa
646	36K-180.00	Thanh Hóa	1846	36K-143.44	Thanh Hóa	3046	36K-155.38	Thanh Hóa
647	36K-183.06	Thanh Hóa	1847	36K-143.96	Thanh Hóa	3047	36K-156.06	Thanh Hóa
648	36K-183.99	Thanh Hóa	1848	36K-144.06	Thanh Hóa	3048	36K-156.44	Thanh Hóa
649	36K-184.66	Thanh Hóa	1849	36K-146.96	Thanh Hóa	3049	36K-167.82	Thanh Hóa
650	36K-190.58	Thanh Hóa	1850	36K-150.68	Thanh Hóa	3050	36K-170.79	Thanh Hóa
651	36K-190.69	Thanh Hóa	1851	36K-151.00	Thanh Hóa	3051	36K-173.79	Thanh Hóa
652	36K-192.66	Thanh Hóa	1852	36K-151.38	Thanh Hóa	3052	36K-174.25	Thanh Hóa
653	36K-195.85	Thanh Hóa	1853	36K-153.38	Thanh Hóa	3053	36K-179.66	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
654	36K-196.00	Thanh Hóa	1854	36K-154.96	Thanh Hóa	3054	36K-184.88	Thanh Hóa
655	36K-199.47	Thanh Hóa	1855	36K-159.18	Thanh Hóa	3055	36K-188.96	Thanh Hóa
656	36K-199.59	Thanh Hóa	1856	36K-160.19	Thanh Hóa	3056	36K-191.06	Thanh Hóa
657	36K-202.55	Thanh Hóa	1857	36K-163.99	Thanh Hóa	3057	36K-191.99	Thanh Hóa
658	36K-208.39	Thanh Hóa	1858	36K-165.16	Thanh Hóa	3058	36K-196.37	Thanh Hóa
659	36K-208.55	Thanh Hóa	1859	36K-166.15	Thanh Hóa	3059	36K-196.77	Thanh Hóa
660	36K-209.96	Thanh Hóa	1860	36K-167.15	Thanh Hóa	3060	36K-197.00	Thanh Hóa
661	36K-213.25	Thanh Hóa	1861	36K-167.80	Thanh Hóa	3061	36K-197.97	Thanh Hóa
662	36K-214.26	Thanh Hóa	1862	36K-168.26	Thanh Hóa	3062	36K-198.02	Thanh Hóa
663	36K-220.06	Thanh Hóa	1863	36K-171.77	Thanh Hóa	3063	36K-198.48	Thanh Hóa
664	36K-224.29	Thanh Hóa	1864	36K-173.35	Thanh Hóa	3064	36K-199.50	Thanh Hóa
665	36K-224.98	Thanh Hóa	1865	36K-175.85	Thanh Hóa	3065	36K-201.96	Thanh Hóa
666	37C-552.69	Nghệ An	1866	36K-178.95	Thanh Hóa	3066	36K-202.39	Thanh Hóa
667	37K-388.22	Nghệ An	1867	36K-181.55	Thanh Hóa	3067	36K-204.83	Thanh Hóa
668	37K-389.08	Nghệ An	1868	36K-184.38	Thanh Hóa	3068	36K-207.08	Thanh Hóa
669	37K-391.19	Nghệ An	1869	36K-185.85	Thanh Hóa	3069	36K-208.65	Thanh Hóa
670	37K-391.56	Nghệ An	1870	36K-186.19	Thanh Hóa	3070	36K-208.80	Thanh Hóa
671	37K-392.26	Nghệ An	1871	36K-186.26	Thanh Hóa	3071	36K-212.15	Thanh Hóa
672	37K-392.68	Nghệ An	1872	36K-192.33	Thanh Hóa	3072	36K-212.29	Thanh Hóa
673	37K-392.69	Nghệ An	1873	36K-196.20	Thanh Hóa	3073	36K-216.83	Thanh Hóa
674	37K-393.11	Nghệ An	1874	36K-196.73	Thanh Hóa	3074	36K-222.46	Thanh Hóa
675	37K-397.89	Nghệ An	1875	36K-197.51	Thanh Hóa	3075	36K-224.95	Thanh Hóa
676	37K-402.98	Nghệ An	1876	36K-202.02	Thanh Hóa	3076	37C-561.99	Nghệ An
677	37K-406.89	Nghệ An	1877	36K-202.88	Thanh Hóa	3077	37C-563.66	Nghệ An
678	37K-406.99	Nghệ An	1878	36K-206.79	Thanh Hóa	3078	37K-387.29	Nghệ An
679	37K-408.25	Nghệ An	1879	36K-207.33	Thanh Hóa	3079	37K-387.99	Nghệ An
680	37K-412.79	Nghệ An	1880	36K-216.36	Thanh Hóa	3080	37K-388.16	Nghệ An
681	37K-413.68	Nghệ An	1881	36K-216.95	Thanh Hóa	3081	37K-394.11	Nghệ An
682	37K-415.00	Nghệ An	1882	36K-222.16	Thanh Hóa	3082	37K-395.06	Nghệ An
683	37K-415.56	Nghệ An	1883	36K-225.28	Thanh Hóa	3083	37K-396.36	Nghệ An
684	37K-416.83	Nghệ An	1884	36K-226.16	Thanh Hóa	3084	37K-397.35	Nghệ An
685	37K-419.74	Nghệ An	1885	36K-226.56	Thanh Hóa	3085	37K-405.68	Nghệ An
686	37K-421.25	Nghệ An	1886	36K-227.98	Thanh Hóa	3086	37K-407.88	Nghệ An
687	37K-422.15	Nghệ An	1887	37C-566.55	Nghệ An	3087	37K-418.16	Nghệ An
688	37K-425.66	Nghệ An	1888	37K-394.26	Nghệ An	3088	37K-420.38	Nghệ An
689	37K-427.08	Nghệ An	1889	37K-395.83	Nghệ An	3089	37K-422.42	Nghệ An
690	37K-427.88	Nghệ An	1890	37K-398.35	Nghệ An	3090	37K-422.86	Nghệ An
691	37K-428.06	Nghệ An	1891	37K-399.75	Nghệ An	3091	37K-425.19	Nghệ An
692	37K-436.65	Nghệ An	1892	37K-419.39	Nghệ An	3092	37K-425.39	Nghệ An
693	37K-439.86	Nghệ An	1893	37K-420.68	Nghệ An	3093	37K-426.15	Nghệ An
694	37K-444.96	Nghệ An	1894	37K-421.66	Nghệ An	3094	37K-428.65	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
695	37K-446.29	Nghệ An	1895	37K-423.66	Nghệ An	3095	37K-436.11	Nghệ An
696	37K-447.56	Nghệ An	1896	37K-428.24	Nghệ An	3096	37K-438.44	Nghệ An
697	37K-454.77	Nghệ An	1897	37K-429.66	Nghệ An	3097	37K-442.29	Nghệ An
698	37K-456.85	Nghệ An	1898	37K-433.89	Nghệ An	3098	37K-444.03	Nghệ An
699	37K-459.28	Nghệ An	1899	37K-435.95	Nghệ An	3099	37K-445.08	Nghệ An
700	37K-460.56	Nghệ An	1900	37K-436.89	Nghệ An	3100	37K-447.66	Nghệ An
701	37K-467.64	Nghệ An	1901	37K-437.28	Nghệ An	3101	37K-454.79	Nghệ An
702	37K-467.66	Nghệ An	1902	37K-437.37	Nghệ An	3102	37K-455.29	Nghệ An
703	37K-469.06	Nghệ An	1903	37K-438.09	Nghệ An	3103	37K-458.39	Nghệ An
704	37K-469.22	Nghệ An	1904	37K-442.08	Nghệ An	3104	37K-461.18	Nghệ An
705	37K-471.19	Nghệ An	1905	37K-443.43	Nghệ An	3105	37K-461.35	Nghệ An
706	37K-471.36	Nghệ An	1906	37K-448.55	Nghệ An	3106	37K-462.08	Nghệ An
707	37K-479.26	Nghệ An	1907	37K-448.83	Nghệ An	3107	37K-463.56	Nghệ An
708	37K-479.35	Nghệ An	1908	37K-449.00	Nghệ An	3108	37K-464.18	Nghệ An
709	38A-638.83	Hà Tĩnh	1909	37K-449.08	Nghệ An	3109	37K-464.98	Nghệ An
710	38A-641.06	Hà Tĩnh	1910	37K-454.88	Nghệ An	3110	37K-465.08	Nghệ An
711	38A-641.22	Hà Tĩnh	1911	37K-455.88	Nghệ An	3111	37K-465.85	Nghệ An
712	38A-643.00	Hà Tĩnh	1912	37K-464.06	Nghệ An	3112	37K-470.89	Nghệ An
713	38A-645.08	Hà Tĩnh	1913	37K-464.77	Nghệ An	3113	37K-472.28	Nghệ An
714	38A-646.64	Hà Tĩnh	1914	37K-465.56	Nghệ An	3114	37K-475.16	Nghệ An
715	38A-652.09	Hà Tĩnh	1915	37K-468.36	Nghệ An	3115	37K-479.08	Nghệ An
716	38A-653.56	Hà Tĩnh	1916	37K-472.56	Nghệ An	3116	38A-637.79	Hà Tĩnh
717	38A-653.96	Hà Tĩnh	1917	37K-472.69	Nghệ An	3117	38A-644.83	Hà Tĩnh
718	38A-657.15	Hà Tĩnh	1918	37K-480.15	Nghệ An	3118	38A-645.79	Hà Tĩnh
719	38A-659.33	Hà Tĩnh	1919	37K-480.66	Nghệ An	3119	38A-648.85	Hà Tĩnh
720	38A-665.00	Hà Tĩnh	1920	37K-481.97	Nghệ An	3120	38A-649.68	Hà Tĩnh
721	38A-670.39	Hà Tĩnh	1921	38A-638.29	Hà Tĩnh	3121	38A-654.58	Hà Tĩnh
722	38A-675.89	Hà Tĩnh	1922	38A-640.35	Hà Tĩnh	3122	38A-658.18	Hà Tĩnh
723	38A-676.08	Hà Tĩnh	1923	38A-644.59	Hà Tĩnh	3123	38A-660.16	Hà Tĩnh
724	38A-676.67	Hà Tĩnh	1924	38A-645.77	Hà Tĩnh	3124	38A-661.56	Hà Tĩnh
725	38A-678.58	Hà Tĩnh	1925	38A-645.99	Hà Tĩnh	3125	38A-661.69	Hà Tĩnh
726	38B-021.79	Hà Tĩnh	1926	38A-648.64	Hà Tĩnh	3126	38A-665.26	Hà Tĩnh
727	38D-016.99	Hà Tĩnh	1927	38A-650.35	Hà Tĩnh	3127	38A-665.85	Hà Tĩnh
728	43A-899.26	Đà Nẵng	1928	38A-652.98	Hà Tĩnh	3128	38A-666.18	Hà Tĩnh
729	43A-900.86	Đà Nẵng	1929	38A-653.59	Hà Tĩnh	3129	38A-666.74	Hà Tĩnh
730	43A-901.85	Đà Nẵng	1930	38A-654.22	Hà Tĩnh	3130	38A-667.58	Hà Tĩnh
731	43A-901.97	Đà Nẵng	1931	38A-657.36	Hà Tĩnh	3131	38A-667.66	Hà Tĩnh
732	43A-903.28	Đà Nẵng	1932	38A-657.88	Hà Tĩnh	3132	38A-667.81	Hà Tĩnh
733	43A-903.68	Đà Nẵng	1933	38A-664.88	Hà Tĩnh	3133	38A-673.79	Hà Tĩnh
734	43A-915.09	Đà Nẵng	1934	38A-666.03	Hà Tĩnh	3134	38A-677.35	Hà Tĩnh
735	43A-915.59	Đà Nẵng	1935	38A-666.34	Hà Tĩnh	3135	38D-016.86	Hà Tĩnh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
736	43A-916.61	Đà Nẵng	1936	38A-667.08	Hà Tĩnh	3136	43A-900.95	Đà Nẵng
737	43A-919.39	Đà Nẵng	1937	38A-667.96	Hà Tĩnh	3137	43A-901.11	Đà Nẵng
738	43A-919.85	Đà Nẵng	1938	38A-669.38	Hà Tĩnh	3138	43A-903.35	Đà Nẵng
739	43A-920.11	Đà Nẵng	1939	38A-670.15	Hà Tĩnh	3139	43A-904.65	Đà Nẵng
740	43A-921.16	Đà Nẵng	1940	38A-674.75	Hà Tĩnh	3140	43A-906.25	Đà Nẵng
741	43A-922.86	Đà Nẵng	1941	38A-674.99	Hà Tĩnh	3141	43A-906.83	Đà Nẵng
742	43A-922.99	Đà Nẵng	1942	38A-675.15	Hà Tĩnh	3142	43A-910.29	Đà Nẵng
743	43A-924.22	Đà Nẵng	1943	38A-677.08	Hà Tĩnh	3143	43A-913.09	Đà Nẵng
744	43A-924.26	Đà Nẵng	1944	38A-677.69	Hà Tĩnh	3144	43A-914.98	Đà Nẵng
745	43A-924.36	Đà Nẵng	1945	38A-678.24	Hà Tĩnh	3145	43A-915.96	Đà Nẵng
746	43A-925.26	Đà Nẵng	1946	38C-237.77	Hà Tĩnh	3146	43A-918.06	Đà Nẵng
747	43A-926.65	Đà Nẵng	1947	43A-898.91	Đà Nẵng	3147	43A-921.44	Đà Nẵng
748	43A-930.44	Đà Nẵng	1948	43A-901.55	Đà Nẵng	3148	43A-923.22	Đà Nẵng
749	43A-932.56	Đà Nẵng	1949	43A-902.06	Đà Nẵng	3149	43A-925.18	Đà Nẵng
750	43A-935.18	Đà Nẵng	1950	43A-903.96	Đà Nẵng	3150	43A-929.83	Đà Nẵng
751	43A-936.22	Đà Nẵng	1951	43A-904.06	Đà Nẵng	3151	43A-930.08	Đà Nẵng
752	43A-940.38	Đà Nẵng	1952	43A-905.39	Đà Nẵng	3152	43A-932.19	Đà Nẵng
753	43A-940.77	Đà Nẵng	1953	43A-908.18	Đà Nẵng	3153	43A-933.34	Đà Nẵng
754	43C-307.86	Đà Nẵng	1954	43A-913.18	Đà Nẵng	3154	43A-939.88	Đà Nẵng
755	43C-308.89	Đà Nẵng	1955	43A-916.29	Đà Nẵng	3155	43A-939.89	Đà Nẵng
756	47A-760.96	Đắk Lắk	1956	43A-919.72	Đà Nẵng	3156	43B-061.16	Đà Nẵng
757	47A-763.55	Đắk Lắk	1957	43A-919.89	Đà Nẵng	3157	43C-305.99	Đà Nẵng
758	47A-765.67	Đắk Lắk	1958	43A-921.22	Đà Nẵng	3158	47A-761.33	Đắk Lắk
759	47A-767.81	Đắk Lắk	1959	43A-925.89	Đà Nẵng	3159	47A-761.65	Đắk Lắk
760	47A-774.59	Đắk Lắk	1960	43A-928.86	Đà Nẵng	3160	47A-767.18	Đắk Lắk
761	47A-776.65	Đắk Lắk	1961	43A-931.28	Đà Nẵng	3161	47A-772.69	Đắk Lắk
762	47A-782.33	Đắk Lắk	1962	43A-931.89	Đà Nẵng	3162	47A-776.36	Đắk Lắk
763	47A-783.68	Đắk Lắk	1963	43A-933.59	Đà Nẵng	3163	47A-777.34	Đắk Lắk
764	47A-792.29	Đắk Lắk	1964	43A-935.26	Đà Nẵng	3164	47A-779.58	Đắk Lắk
765	47A-795.83	Đắk Lắk	1965	43C-307.79	Đà Nẵng	3165	47A-779.66	Đắk Lắk
766	47A-799.69	Đắk Lắk	1966	47A-761.55	Đắk Lắk	3166	47A-781.88	Đắk Lắk
767	47A-801.18	Đắk Lắk	1967	47A-763.88	Đắk Lắk	3167	47A-785.44	Đắk Lắk
768	47A-802.26	Đắk Lắk	1968	47A-778.89	Đắk Lắk	3168	47A-787.98	Đắk Lắk
769	47A-807.89	Đắk Lắk	1969	47A-780.59	Đắk Lắk	3169	47A-788.80	Đắk Lắk
770	47A-808.65	Đắk Lắk	1970	47A-782.38	Đắk Lắk	3170	47A-789.57	Đắk Lắk
771	47A-808.79	Đắk Lắk	1971	47A-784.38	Đắk Lắk	3171	47A-794.38	Đắk Lắk
772	47A-810.59	Đắk Lắk	1972	47A-784.99	Đắk Lắk	3172	47A-796.38	Đắk Lắk
773	47A-811.15	Đắk Lắk	1973	47A-785.56	Đắk Lắk	3173	47A-799.56	Đắk Lắk
774	47A-812.36	Đắk Lắk	1974	47A-788.84	Đắk Lắk	3174	47A-799.58	Đắk Lắk
775	47C-387.68	Đắk Lắk	1975	47A-795.15	Đắk Lắk	3175	47A-801.08	Đắk Lắk
776	47D-017.86	Đắk Lắk	1976	47A-797.29	Đắk Lắk	3176	47A-802.80	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
777	48A-237.83	Đắk Nông	1977	47A-799.15	Đắk Lắk	3177	47A-803.16	Đắk Lắk
778	48A-239.25	Đắk Nông	1978	47A-799.19	Đắk Lắk	3178	47A-803.66	Đắk Lắk
779	48A-243.33	Đắk Nông	1979	47A-802.08	Đắk Lắk	3179	47A-806.18	Đắk Lắk
780	48A-247.39	Đắk Nông	1980	47A-807.80	Đắk Lắk	3180	47A-807.56	Đắk Lắk
781	48C-112.99	Đắk Nông	1981	47A-808.26	Đắk Lắk	3181	47A-808.00	Đắk Lắk
782	49A-708.86	Lâm Đồng	1982	47A-808.86	Đắk Lắk	3182	47A-808.28	Đắk Lắk
783	49A-709.08	Lâm Đồng	1983	47A-812.44	Đắk Lắk	3183	47A-809.55	Đắk Lắk
784	49A-709.68	Lâm Đồng	1984	47C-393.33	Đắk Lắk	3184	47A-809.88	Đắk Lắk
785	49A-711.77	Lâm Đồng	1985	47C-395.59	Đắk Lắk	3185	47A-812.96	Đắk Lắk
786	49A-715.16	Lâm Đồng	1986	47D-018.18	Đắk Lắk	3186	47C-379.66	Đắk Lắk
787	49A-717.89	Lâm Đồng	1987	48A-236.55	Đắk Nông	3187	47D-016.99	Đắk Lắk
788	49A-720.85	Lâm Đồng	1988	48A-240.19	Đắk Nông	3188	48A-237.23	Đắk Nông
789	49A-721.79	Lâm Đồng	1989	49A-709.98	Lâm Đồng	3189	48A-238.28	Đắk Nông
790	49A-721.95	Lâm Đồng	1990	49A-710.10	Lâm Đồng	3190	48A-244.99	Đắk Nông
791	49A-727.26	Lâm Đồng	1991	49A-712.26	Lâm Đồng	3191	48A-247.42	Đắk Nông
792	49A-728.44	Lâm Đồng	1992	49A-714.68	Lâm Đồng	3192	49A-712.85	Lâm Đồng
793	49A-731.11	Lâm Đồng	1993	49A-721.96	Lâm Đồng	3193	49A-713.88	Lâm Đồng
794	49A-731.85	Lâm Đồng	1994	49A-727.44	Lâm Đồng	3194	49A-715.58	Lâm Đồng
795	49A-732.15	Lâm Đồng	1995	49A-727.69	Lâm Đồng	3195	49A-721.55	Lâm Đồng
796	49A-733.73	Lâm Đồng	1996	49A-729.39	Lâm Đồng	3196	49A-731.56	Lâm Đồng
797	49A-733.85	Lâm Đồng	1997	49A-733.96	Lâm Đồng	3197	49A-731.96	Lâm Đồng
798	49A-736.22	Lâm Đồng	1998	49A-734.73	Lâm Đồng	3198	49A-732.09	Lâm Đồng
799	49A-738.38	Lâm Đồng	1999	49A-735.22	Lâm Đồng	3199	49A-733.09	Lâm Đồng
800	49A-738.96	Lâm Đồng	2000	49A-741.42	Lâm Đồng	3200	49A-733.83	Lâm Đồng
801	49A-739.09	Lâm Đồng	2001	49A-742.95	Lâm Đồng	3201	49A-735.36	Lâm Đồng
802	49A-739.73	Lâm Đồng	2002	49A-745.29	Lâm Đồng	3202	49A-736.56	Lâm Đồng
803	49A-740.40	Lâm Đồng	2003	49C-369.88	Lâm Đồng	3203	49A-737.65	Lâm Đồng
804	49A-742.96	Lâm Đồng	2004	49C-372.79	Lâm Đồng	3204	49A-744.68	Lâm Đồng
805	49A-744.16	Lâm Đồng	2005	49C-378.99	Lâm Đồng	3205	49B-031.68	Lâm Đồng
806	49C-370.07	Lâm Đồng	2006	51B-602.99	Hồ Chí Minh	3206	49B-031.89	Lâm Đồng
807	49C-377.79	Lâm Đồng	2007	51D-865.68	Hồ Chí Minh	3207	49C-375.66	Lâm Đồng
808	49D-013.89	Lâm Đồng	2008	51D-881.66	Hồ Chí Minh	3208	49C-382.68	Lâm Đồng
809	51B-515.99	Hồ Chí Minh	2009	51D-885.55	Hồ Chí Minh	3209	49D-013.79	Lâm Đồng
810	51B-711.66	Hồ Chí Minh	2010	51D-895.39	Hồ Chí Minh	3210	51B-603.88	Hồ Chí Minh
811	51D-839.89	Hồ Chí Minh	2011	51D-895.69	Hồ Chí Minh	3211	51D-825.66	Hồ Chí Minh
812	51D-851.86	Hồ Chí Minh	2012	51E-322.99	Hồ Chí Minh	3212	51D-833.66	Hồ Chí Minh
813	51D-872.22	Hồ Chí Minh	2013	51E-327.86	Hồ Chí Minh	3213	51D-883.69	Hồ Chí Minh
814	51D-875.68	Hồ Chí Minh	2014	51M-014.96	Hồ Chí Minh	3214	51D-887.99	Hồ Chí Minh
815	51D-892.86	Hồ Chí Minh	2015	51M-015.36	Hồ Chí Minh	3215	51D-889.39	Hồ Chí Minh
816	51D-893.68	Hồ Chí Minh	2016	51M-019.60	Hồ Chí Minh	3216	51D-895.99	Hồ Chí Minh
817	51E-323.69	Hồ Chí Minh	2017	51M-019.93	Hồ Chí Minh	3217	51D-897.77	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
818	51E-329.86	Hồ Chí Minh	2018	51M-022.23	Hồ Chí Minh	3218	51D-899.79	Hồ Chí Minh
819	51M-008.79	Hồ Chí Minh	2019	51M-022.68	Hồ Chí Minh	3219	51M-008.83	Hồ Chí Minh
820	51M-009.55	Hồ Chí Minh	2020	51M-022.89	Hồ Chí Minh	3220	51M-013.19	Hồ Chí Minh
821	51M-014.36	Hồ Chí Minh	2021	51M-024.00	Hồ Chí Minh	3221	51M-013.26	Hồ Chí Minh
822	51M-016.10	Hồ Chí Minh	2022	51M-025.88	Hồ Chí Minh	3222	51M-017.38	Hồ Chí Minh
823	51M-016.85	Hồ Chí Minh	2023	51M-035.66	Hồ Chí Minh	3223	51M-017.44	Hồ Chí Minh
824	51M-017.25	Hồ Chí Minh	2024	51M-037.03	Hồ Chí Minh	3224	51M-027.69	Hồ Chí Minh
825	51M-017.68	Hồ Chí Minh	2025	51M-041.35	Hồ Chí Minh	3225	51M-028.33	Hồ Chí Minh
826	51M-018.85	Hồ Chí Minh	2026	51M-043.43	Hồ Chí Minh	3226	51M-031.98	Hồ Chí Minh
827	51M-019.55	Hồ Chí Minh	2027	51M-047.39	Hồ Chí Minh	3227	51M-032.44	Hồ Chí Minh
828	51M-020.58	Hồ Chí Minh	2028	51M-048.38	Hồ Chí Minh	3228	51M-034.22	Hồ Chí Minh
829	51M-021.26	Hồ Chí Minh	2029	51M-051.16	Hồ Chí Minh	3229	51M-035.44	Hồ Chí Minh
830	51M-021.35	Hồ Chí Minh	2030	60C-729.86	Đồng Nai	3230	51M-036.11	Hồ Chí Minh
831	51M-023.36	Hồ Chí Minh	2031	60D-018.99	Đồng Nai	3231	51M-036.33	Hồ Chí Minh
832	51M-024.20	Hồ Chí Minh	2032	60K-546.98	Đồng Nai	3232	51M-037.59	Hồ Chí Minh
833	51M-027.38	Hồ Chí Minh	2033	60K-547.56	Đồng Nai	3233	51M-041.38	Hồ Chí Minh
834	51M-027.68	Hồ Chí Minh	2034	60K-550.08	Đồng Nai	3234	51M-044.06	Hồ Chí Minh
835	51M-031.96	Hồ Chí Minh	2035	60K-551.51	Đồng Nai	3235	51M-045.88	Hồ Chí Minh
836	51M-036.08	Hồ Chí Minh	2036	60K-554.06	Đồng Nai	3236	51M-050.08	Hồ Chí Minh
837	51M-037.09	Hồ Chí Minh	2037	60K-555.08	Đồng Nai	3237	60C-732.32	Đồng Nai
838	51M-037.99	Hồ Chí Minh	2038	60K-556.28	Đồng Nai	3238	60K-546.38	Đồng Nai
839	51M-038.39	Hồ Chí Minh	2039	60K-560.09	Đồng Nai	3239	60K-553.89	Đồng Nai
840	51M-038.95	Hồ Chí Minh	2040	60K-561.08	Đồng Nai	3240	60K-554.45	Đồng Nai
841	51M-039.83	Hồ Chí Minh	2041	60K-561.97	Đồng Nai	3241	60K-554.83	Đồng Nai
842	51M-041.11	Hồ Chí Minh	2042	60K-564.64	Đồng Nai	3242	60K-555.20	Đồng Nai
843	51M-041.29	Hồ Chí Minh	2043	60K-564.65	Đồng Nai	3243	60K-556.33	Đồng Nai
844	51M-045.16	Hồ Chí Minh	2044	60K-566.67	Đồng Nai	3244	60K-559.38	Đồng Nai
845	51M-051.00	Hồ Chí Minh	2045	60K-570.00	Đồng Nai	3245	60K-561.69	Đồng Nai
846	60C-728.28	Đồng Nai	2046	60K-578.19	Đồng Nai	3246	60K-562.36	Đồng Nai
847	60K-545.83	Đồng Nai	2047	60K-579.38	Đồng Nai	3247	60K-564.96	Đồng Nai
848	60K-546.25	Đồng Nai	2048	60K-582.19	Đồng Nai	3248	60K-565.88	Đồng Nai
849	60K-547.85	Đồng Nai	2049	60K-585.22	Đồng Nai	3249	60K-568.08	Đồng Nai
850	60K-550.83	Đồng Nai	2050	60K-586.29	Đồng Nai	3250	60K-568.16	Đồng Nai
851	60K-551.25	Đồng Nai	2051	60K-587.66	Đồng Nai	3251	60K-569.00	Đồng Nai
852	60K-552.11	Đồng Nai	2052	60K-588.60	Đồng Nai	3252	60K-574.98	Đồng Nai
853	60K-554.25	Đồng Nai	2053	60K-589.19	Đồng Nai	3253	60K-575.89	Đồng Nai
854	60K-557.28	Đồng Nai	2054	60K-590.66	Đồng Nai	3254	60K-578.77	Đồng Nai
855	60K-558.33	Đồng Nai	2055	60K-593.77	Đồng Nai	3255	60K-578.89	Đồng Nai
856	60K-562.29	Đồng Nai	2056	60K-594.35	Đồng Nai	3256	60K-581.25	Đồng Nai
857	60K-563.59	Đồng Nai	2057	60K-595.09	Đồng Nai	3257	60K-582.36	Đồng Nai
858	60K-563.69	Đồng Nai	2058	60K-596.19	Đồng Nai	3258	60K-585.06	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
859	60K-564.18	Đồng Nai	2059	60K-599.38	Đồng Nai	3259	60K-587.26	Đồng Nai
860	60K-565.38	Đồng Nai	2060	60K-600.39	Đồng Nai	3260	60K-588.55	Đồng Nai
861	60K-567.76	Đồng Nai	2061	60K-600.79	Đồng Nai	3261	60K-589.88	Đồng Nai
862	60K-569.65	Đồng Nai	2062	60K-601.19	Đồng Nai	3262	60K-590.18	Đồng Nai
863	60K-570.06	Đồng Nai	2063	60K-604.83	Đồng Nai	3263	60K-593.16	Đồng Nai
864	60K-571.57	Đồng Nai	2064	60K-610.38	Đồng Nai	3264	60K-593.58	Đồng Nai
865	60K-571.96	Đồng Nai	2065	60K-611.59	Đồng Nai	3265	60K-599.36	Đồng Nai
866	60K-573.88	Đồng Nai	2066	60K-618.65	Đồng Nai	3266	60K-599.65	Đồng Nai
867	60K-574.59	Đồng Nai	2067	61C-592.86	Bình Dương	3267	60K-604.38	Đồng Nai
868	60K-576.55	Đồng Nai	2068	61C-593.39	Bình Dương	3268	60K-604.68	Đồng Nai
869	60K-577.35	Đồng Nai	2069	61C-598.39	Bình Dương	3269	60K-614.86	Đồng Nai
870	60K-581.77	Đồng Nai	2070	61C-602.68	Bình Dương	3270	60K-618.15	Đồng Nai
871	60K-582.06	Đồng Nai	2071	61C-605.88	Bình Dương	3271	61C-599.89	Bình Dương
872	60K-584.19	Đồng Nai	2072	61K-442.33	Bình Dương	3272	61K-446.44	Bình Dương
873	60K-584.29	Đồng Nai	2073	61K-444.07	Bình Dương	3273	61K-446.68	Bình Dương
874	60K-584.39	Đồng Nai	2074	61K-445.85	Bình Dương	3274	61K-457.35	Bình Dương
875	60K-592.11	Đồng Nai	2075	61K-446.22	Bình Dương	3275	61K-457.65	Bình Dương
876	60K-593.65	Đồng Nai	2076	61K-447.06	Bình Dương	3276	61K-458.83	Bình Dương
877	60K-594.95	Đồng Nai	2077	61K-447.83	Bình Dương	3277	61K-462.96	Bình Dương
878	60K-598.26	Đồng Nai	2078	61K-449.22	Bình Dương	3278	61K-468.08	Bình Dương
879	60K-601.39	Đồng Nai	2079	61K-453.08	Bình Dương	3279	61K-477.44	Bình Dương
880	60K-601.55	Đồng Nai	2080	61K-453.65	Bình Dương	3280	61K-477.68	Bình Dương
881	60K-604.28	Đồng Nai	2081	61K-453.86	Bình Dương	3281	61K-479.00	Bình Dương
882	60K-605.26	Đồng Nai	2082	61K-454.66	Bình Dương	3282	61K-479.69	Bình Dương
883	60K-605.33	Đồng Nai	2083	61K-456.59	Bình Dương	3283	61K-487.08	Bình Dương
884	60K-607.15	Đồng Nai	2084	61K-457.79	Bình Dương	3284	61K-489.59	Bình Dương
885	60K-608.19	Đồng Nai	2085	61K-462.59	Bình Dương	3285	61K-492.58	Bình Dương
886	60K-610.29	Đồng Nai	2086	61K-463.33	Bình Dương	3286	61K-496.29	Bình Dương
887	60K-612.29	Đồng Nai	2087	61K-465.18	Bình Dương	3287	61K-499.72	Bình Dương
888	60K-612.68	Đồng Nai	2088	61K-467.56	Bình Dương	3288	61K-499.86	Bình Dương
889	60K-618.09	Đồng Nai	2089	61K-467.59	Bình Dương	3289	61K-501.25	Bình Dương
890	61C-598.79	Bình Dương	2090	61K-470.07	Bình Dương	3290	61K-501.69	Bình Dương
891	61K-442.43	Bình Dương	2091	61K-482.26	Bình Dương	3291	61K-505.33	Bình Dương
892	61K-442.79	Bình Dương	2092	61K-482.55	Bình Dương	3292	61K-506.59	Bình Dương
893	61K-450.39	Bình Dương	2093	61K-488.67	Bình Dương	3293	61K-507.96	Bình Dương
894	61K-452.98	Bình Dương	2094	61K-491.55	Bình Dương	3294	61K-508.18	Bình Dương
895	61K-453.59	Bình Dương	2095	61K-495.35	Bình Dương	3295	61K-511.25	Bình Dương
896	61K-462.28	Bình Dương	2096	61K-500.55	Bình Dương	3296	61K-511.36	Bình Dương
897	61K-463.89	Bình Dương	2097	61K-503.95	Bình Dương	3297	61K-513.65	Bình Dương
898	61K-466.22	Bình Dương	2098	61K-507.33	Bình Dương	3298	61K-514.25	Bình Dương
899	61K-471.59	Bình Dương	2099	61K-507.68	Bình Dương	3299	61K-516.33	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
900	61K-473.25	Bình Dương	2100	61K-509.09	Bình Dương	3300	61K-516.39	Bình Dương
901	61K-473.26	Bình Dương	2101	61K-513.55	Bình Dương	3301	62A-451.79	Long An
902	61K-474.08	Bình Dương	2102	61K-515.29	Bình Dương	3302	62A-453.28	Long An
903	61K-479.58	Bình Dương	2103	62A-458.36	Long An	3303	62A-455.45	Long An
904	61K-484.06	Bình Dương	2104	62A-459.83	Long An	3304	62A-458.18	Long An
905	61K-491.65	Bình Dương	2105	62A-464.58	Long An	3305	62A-460.00	Long An
906	61K-499.62	Bình Dương	2106	62C-215.88	Long An	3306	62A-460.16	Long An
907	61K-502.38	Bình Dương	2107	63A-307.79	Tiền Giang	3307	62A-462.65	Long An
908	61K-503.05	Bình Dương	2108	63A-310.55	Tiền Giang	3308	62A-464.98	Long An
909	61K-510.79	Bình Dương	2109	63A-311.86	Tiền Giang	3309	62C-216.16	Long An
910	61K-512.96	Bình Dương	2110	63A-317.08	Tiền Giang	3310	63A-308.99	Tiền Giang
911	61K-517.35	Bình Dương	2111	63A-319.72	Tiền Giang	3311	63A-310.65	Tiền Giang
912	62A-452.18	Long An	2112	63A-321.32	Tiền Giang	3312	63A-315.06	Tiền Giang
913	62A-453.06	Long An	2113	63A-321.38	Tiền Giang	3313	63A-315.08	Tiền Giang
914	62A-453.11	Long An	2114	63D-011.39	Tiền Giang	3314	63A-315.19	Tiền Giang
915	62A-453.45	Long An	2115	64A-195.15	Vĩnh Long	3315	63A-320.85	Tiền Giang
916	62A-454.19	Long An	2116	64A-197.47	Vĩnh Long	3316	63A-321.99	Tiền Giang
917	62A-457.44	Long An	2117	64A-197.60	Vĩnh Long	3317	63A-324.26	Tiền Giang
918	62A-460.59	Long An	2118	64A-197.83	Vĩnh Long	3318	63C-225.52	Tiền Giang
919	62A-461.38	Long An	2119	64A-198.04	Vĩnh Long	3319	63C-227.27	Tiền Giang
920	62A-462.86	Long An	2120	64A-198.25	Vĩnh Long	3320	64A-195.08	Vĩnh Long
921	63A-309.56	Tiền Giang	2121	64C-123.39	Vĩnh Long	3321	64A-197.30	Vĩnh Long
922	63A-312.89	Tiền Giang	2122	64C-123.66	Vĩnh Long	3322	64A-197.58	Vĩnh Long
923	63A-313.13	Tiền Giang	2123	65A-492.55	Cần Thơ	3323	64A-199.15	Vĩnh Long
924	63A-313.19	Tiền Giang	2124	65A-500.26	Cần Thơ	3324	65A-492.08	Cần Thơ
925	63A-316.99	Tiền Giang	2125	65A-500.44	Cần Thơ	3325	65A-492.18	Cần Thơ
926	63A-318.09	Tiền Giang	2126	65A-500.68	Cần Thơ	3326	65A-493.00	Cần Thơ
927	63A-319.98	Tiền Giang	2127	65A-503.66	Cần Thơ	3327	65A-494.06	Cần Thơ
928	63B-031.69	Tiền Giang	2128	65A-509.66	Cần Thơ	3328	65A-495.44	Cần Thơ
929	63C-219.86	Tiền Giang	2129	65A-510.35	Cần Thơ	3329	65A-497.44	Cần Thơ
930	63C-226.86	Tiền Giang	2130	65A-510.98	Cần Thơ	3330	65A-500.65	Cần Thơ
931	64A-194.56	Vĩnh Long	2131	65A-511.95	Cần Thơ	3331	65A-502.09	Cần Thơ
932	64A-197.29	Vĩnh Long	2132	65A-513.19	Cần Thơ	3332	65A-503.96	Cần Thơ
933	64A-198.86	Vĩnh Long	2133	65A-513.56	Cần Thơ	3333	65A-505.05	Cần Thơ
934	64A-199.16	Vĩnh Long	2134	65A-514.33	Cần Thơ	3334	65A-505.29	Cần Thơ
935	64A-199.43	Vĩnh Long	2135	65A-515.06	Cần Thơ	3335	65A-507.36	Cần Thơ
936	64B-016.39	Vĩnh Long	2136	65B-023.23	Cần Thơ	3336	65A-508.85	Cần Thơ
937	65A-492.11	Cần Thơ	2137	66A-291.99	Đồng Tháp	3337	65A-509.83	Cần Thơ
938	65A-502.25	Cần Thơ	2138	66A-295.39	Đồng Tháp	3338	65A-512.11	Cần Thơ
939	65A-506.59	Cần Thơ	2139	66A-296.11	Đồng Tháp	3339	65A-512.66	Cần Thơ
940	65A-507.39	Cần Thơ	2140	66A-297.97	Đồng Tháp	3340	65A-514.96	Cần Thơ

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
941	65A-511.12	Cần Thơ	2141	66A-299.61	Đồng Tháp	3341	65B-022.66	Cần Thơ
942	65A-515.15	Cần Thơ	2142	66A-299.74	Đồng Tháp	3342	65C-231.13	Cần Thơ
943	66A-290.55	Đồng Tháp	2143	66B-022.39	Đồng Tháp	3343	66A-288.84	Đồng Tháp
944	66A-294.59	Đồng Tháp	2144	67A-317.55	An Giang	3344	66A-293.44	Đồng Tháp
945	66A-295.68	Đồng Tháp	2145	67A-318.08	An Giang	3345	66A-295.18	Đồng Tháp
946	66A-295.96	Đồng Tháp	2146	67A-321.26	An Giang	3346	66D-011.79	Đồng Tháp
947	66A-297.15	Đồng Tháp	2147	67A-321.35	An Giang	3347	67A-321.28	An Giang
948	66A-300.68	Đồng Tháp	2148	67A-322.09	An Giang	3348	67A-325.36	An Giang
949	66B-022.86	Đồng Tháp	2149	67A-323.38	An Giang	3349	67A-326.00	An Giang
950	67A-323.55	An Giang	2150	67A-324.39	An Giang	3350	67A-326.27	An Giang
951	67A-326.29	An Giang	2151	67A-328.83	An Giang	3351	67C-187.39	An Giang
952	67C-183.86	An Giang	2152	67B-029.79	An Giang	3352	68A-353.25	Kiên Giang
953	68A-351.99	Kiên Giang	2153	68A-352.08	Kiên Giang	3353	68A-354.38	Kiên Giang
954	68A-353.98	Kiên Giang	2154	68A-356.26	Kiên Giang	3354	68A-355.86	Kiên Giang
955	68A-354.08	Kiên Giang	2155	68A-357.39	Kiên Giang	3355	68A-358.66	Kiên Giang
956	68A-354.39	Kiên Giang	2156	69A-164.44	Cà Mau	3356	68A-364.85	Kiên Giang
957	68A-361.26	Kiên Giang	2157	69A-165.16	Cà Mau	3357	69A-164.11	Cà Mau
958	69A-162.83	Cà Mau	2158	69A-167.83	Cà Mau	3358	69B-012.79	Cà Mau
959	69A-165.19	Cà Mau	2159	70A-559.22	Tây Ninh	3359	70A-557.06	Tây Ninh
960	69A-166.39	Cà Mau	2160	70A-565.19	Tây Ninh	3360	70A-564.15	Tây Ninh
961	69A-166.95	Cà Mau	2161	70A-565.65	Tây Ninh	3361	70A-567.09	Tây Ninh
962	70A-557.44	Tây Ninh	2162	70A-566.29	Tây Ninh	3362	70A-572.98	Tây Ninh
963	70A-560.65	Tây Ninh	2163	70A-567.66	Tây Ninh	3363	70A-576.59	Tây Ninh
964	70A-560.66	Tây Ninh	2164	70A-574.09	Tây Ninh	3364	70A-580.79	Tây Ninh
965	70A-563.86	Tây Ninh	2165	70A-574.19	Tây Ninh	3365	70A-581.96	Tây Ninh
966	70A-564.22	Tây Ninh	2166	70A-578.22	Tây Ninh	3366	70A-583.11	Tây Ninh
967	70A-570.11	Tây Ninh	2167	71A-202.77	Bến Tre	3367	70A-584.28	Tây Ninh
968	70A-571.44	Tây Ninh	2168	71A-203.98	Bến Tre	3368	70C-211.39	Tây Ninh
969	70A-573.06	Tây Ninh	2169	71A-205.99	Bến Tre	3369	70C-212.69	Tây Ninh
970	70A-573.39	Tây Ninh	2170	71A-208.56	Bến Tre	3370	71A-204.96	Bến Tre
971	70A-575.98	Tây Ninh	2171	71A-209.11	Bến Tre	3371	71A-205.36	Bến Tre
972	70A-576.67	Tây Ninh	2172	72A-809.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	3372	71A-210.10	Bến Tre
973	70A-576.89	Tây Ninh	2173	72A-810.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	3373	71A-210.35	Bến Tre
974	70A-579.00	Tây Ninh	2174	72A-810.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	3374	71A-210.69	Bến Tre
975	70A-581.36	Tây Ninh	2175	72A-810.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	3375	71A-211.21	Bến Tre
976	70A-584.06	Tây Ninh	2176	72A-819.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	3376	72A-806.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
977	70A-584.11	Tây Ninh	2177	72A-824.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	3377	72A-808.78	Bà Rịa - Vũng Tàu
978	70B-032.39	Tây Ninh	2178	72A-828.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	3378	72A-808.98	Bà Rịa - Vũng Tàu
979	71A-202.38	Bến Tre	2179	72A-831.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	3379	72A-809.35	Bà Rịa - Vũng Tàu
980	71A-203.25	Bến Tre	2180	72A-831.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	3380	72A-813.00	Bà Rịa - Vũng Tàu
981	71A-203.65	Bến Tre	2181	72A-835.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3381	72A-817.79	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
982	71A-203.66	Bến Tre	2182	72A-836.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	3382	72A-823.79	Bà Rịa - Vũng Tàu
983	71A-204.18	Bến Tre	2183	72A-837.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	3383	72A-825.35	Bà Rịa - Vũng Tàu
984	71A-207.35	Bến Tre	2184	72C-239.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	3384	72A-825.65	Bà Rịa - Vũng Tàu
985	71A-207.56	Bến Tre	2185	73A-357.25	Quảng Bình	3385	72A-827.99	Bà Rịa - Vũng Tàu
986	71A-209.19	Bến Tre	2186	73A-364.83	Quảng Bình	3386	72A-828.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
987	71A-209.29	Bến Tre	2187	73A-365.33	Quảng Bình	3387	72A-829.77	Bà Rịa - Vũng Tàu
988	71A-209.36	Bến Tre	2188	74A-267.79	Quảng Trị	3388	72A-834.00	Bà Rịa - Vũng Tàu
989	71C-132.89	Bến Tre	2189	74A-267.80	Quảng Trị	3389	72A-836.65	Bà Rịa - Vũng Tàu
990	72A-808.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	2190	74A-271.25	Quảng Trị	3390	72A-837.38	Bà Rịa - Vũng Tàu
991	72A-810.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2191	74A-272.36	Quảng Trị	3391	72A-838.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
992	72A-812.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	2192	74A-277.25	Quảng Trị	3392	73A-358.98	Quảng Bình
993	72A-812.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2193	75A-371.79	Thừa Thiên Huế	3393	73A-360.33	Quảng Bình
994	72A-813.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	2194	75A-371.99	Thừa Thiên Huế	3394	73A-360.65	Quảng Bình
995	72A-816.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2195	75A-373.08	Thừa Thiên Huế	3395	73A-367.38	Quảng Bình
996	72A-817.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	2196	75A-373.73	Thừa Thiên Huế	3396	74A-268.15	Quảng Trị
997	72A-820.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	2197	75A-376.00	Thừa Thiên Huế	3397	74A-268.85	Quảng Trị
998	72A-821.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	2198	75A-384.48	Thừa Thiên Huế	3398	74A-271.58	Quảng Trị
999	72A-822.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	2199	75A-385.95	Thừa Thiên Huế	3399	74A-275.36	Quảng Trị
1000	72A-822.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	2200	76A-312.68	Quảng Ngãi	3400	74A-275.85	Quảng Trị
1001	72A-822.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	2201	76A-314.09	Quảng Ngãi	3401	74A-276.00	Quảng Trị
1002	72A-823.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	2202	76A-318.85	Quảng Ngãi	3402	74B-015.68	Quảng Trị
1003	72A-827.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2203	76A-319.67	Quảng Ngãi	3403	74B-015.88	Quảng Trị
1004	72A-829.82	Bà Rịa - Vũng Tàu	2204	76A-320.35	Quảng Ngãi	3404	74C-138.83	Quảng Trị
1005	72A-830.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	2205	76A-322.99	Quảng Ngãi	3405	75A-373.37	Thừa Thiên Huế
1006	72A-831.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	2206	76B-025.25	Quảng Ngãi	3406	75A-373.86	Thừa Thiên Huế
1007	72A-835.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	2207	76D-011.39	Quảng Ngãi	3407	75A-375.95	Thừa Thiên Huế
1008	72A-836.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	2208	77A-341.83	Bình Định	3408	75A-378.39	Thừa Thiên Huế
1009	72A-838.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	2209	77A-342.36	Bình Định	3409	75A-379.15	Thừa Thiên Huế
1010	72A-838.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	2210	77A-342.39	Bình Định	3410	75A-379.55	Thừa Thiên Huế
1011	73A-358.25	Quảng Bình	2211	77A-343.58	Bình Định	3411	75A-386.08	Thừa Thiên Huế
1012	73A-360.61	Quảng Bình	2212	77A-346.89	Bình Định	3412	76A-313.13	Quảng Ngãi
1013	74A-268.08	Quảng Trị	2213	77A-347.86	Bình Định	3413	76A-313.38	Quảng Ngãi
1014	74A-275.28	Quảng Trị	2214	77A-348.18	Bình Định	3414	76A-314.86	Quảng Ngãi
1015	75A-373.58	Thừa Thiên Huế	2215	77A-348.59	Bình Định	3415	76A-319.65	Quảng Ngãi
1016	75A-375.36	Thừa Thiên Huế	2216	77A-349.94	Bình Định	3416	76A-321.96	Quảng Ngãi
1017	75A-376.88	Thừa Thiên Huế	2217	77A-352.65	Bình Định	3417	76A-323.55	Quảng Ngãi
1018	75A-380.38	Thừa Thiên Huế	2218	78A-209.28	Phú Yên	3418	77A-341.79	Bình Định
1019	75A-381.58	Thừa Thiên Huế	2219	78A-214.36	Phú Yên	3419	77A-342.68	Bình Định
1020	75A-382.35	Thừa Thiên Huế	2220	78C-125.89	Phú Yên	3420	77A-350.56	Bình Định
1021	75A-387.38	Thừa Thiên Huế	2221	79A-544.79	Khánh Hòa	3421	77A-352.06	Bình Định
1022	76A-313.68	Quảng Ngãi	2222	79A-545.09	Khánh Hòa	3422	77A-352.19	Bình Định

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1023	76A-313.77	Quảng Ngãi	2223	79A-548.84	Khánh Hòa	3423	77A-353.25	Bình Định
1024	76A-317.06	Quảng Ngãi	2224	79A-551.09	Khánh Hòa	3424	77A-353.66	Bình Định
1025	76A-318.39	Quảng Ngãi	2225	79A-561.69	Khánh Hòa	3425	77A-353.77	Bình Định
1026	76A-319.74	Quảng Ngãi	2226	81A-425.86	Gia Lai	3426	77C-252.69	Bình Định
1027	76A-321.79	Quảng Ngãi	2227	81A-426.29	Gia Lai	3427	78A-206.38	Phú Yên
1028	76A-322.25	Quảng Ngãi	2228	81A-429.38	Gia Lai	3428	78A-207.35	Phú Yên
1029	76A-322.32	Quảng Ngãi	2229	81A-429.59	Gia Lai	3429	78A-210.56	Phú Yên
1030	76A-322.55	Quảng Ngãi	2230	81A-431.00	Gia Lai	3430	78A-211.98	Phú Yên
1031	76A-323.29	Quảng Ngãi	2231	81A-432.25	Gia Lai	3431	78A-214.22	Phú Yên
1032	77A-344.79	Bình Định	2232	81A-432.86	Gia Lai	3432	78A-214.28	Phú Yên
1033	77A-347.99	Bình Định	2233	81A-437.86	Gia Lai	3433	79A-545.16	Khánh Hòa
1034	77A-352.99	Bình Định	2234	81A-439.22	Gia Lai	3434	79A-547.48	Khánh Hòa
1035	77A-355.35	Bình Định	2235	81A-440.86	Gia Lai	3435	79A-547.55	Khánh Hòa
1036	77A-355.52	Bình Định	2236	81A-442.28	Gia Lai	3436	79A-547.74	Khánh Hòa
1037	77C-255.39	Bình Định	2237	81A-442.35	Gia Lai	3437	79A-549.69	Khánh Hòa
1038	77C-256.88	Bình Định	2238	81A-447.95	Gia Lai	3438	79A-565.59	Khánh Hòa
1039	78A-208.38	Phú Yên	2239	81A-451.00	Gia Lai	3439	79A-565.68	Khánh Hòa
1040	78A-212.56	Phú Yên	2240	81C-278.66	Gia Lai	3440	81A-429.86	Gia Lai
1041	78B-017.69	Phú Yên	2241	82A-151.59	Kon Tum	3441	81A-434.19	Gia Lai
1042	78C-122.88	Phú Yên	2242	82A-154.83	Kon Tum	3442	81A-435.18	Gia Lai
1043	79A-548.18	Khánh Hòa	2243	82A-157.96	Kon Tum	3443	81A-436.78	Gia Lai
1044	79A-549.22	Khánh Hòa	2244	82C-093.79	Kon Tum	3444	81A-436.79	Gia Lai
1045	79A-552.65	Khánh Hòa	2245	82C-093.93	Kon Tum	3445	81A-439.33	Gia Lai
1046	79A-559.88	Khánh Hòa	2246	83A-187.18	Sóc Trăng	3446	81A-441.55	Gia Lai
1047	79A-560.06	Khánh Hòa	2247	83A-187.65	Sóc Trăng	3447	81A-442.08	Gia Lai
1048	79A-560.16	Khánh Hòa	2248	83A-190.85	Sóc Trăng	3448	81A-442.11	Gia Lai
1049	79A-561.99	Khánh Hòa	2249	83A-192.79	Sóc Trăng	3449	81A-442.24	Gia Lai
1050	79A-562.35	Khánh Hòa	2250	84A-143.43	Trà Vinh	3450	81A-443.56	Gia Lai
1051	79A-565.18	Khánh Hòa	2251	84A-146.47	Trà Vinh	3451	81A-444.25	Gia Lai
1052	79A-565.83	Khánh Hòa	2252	84C-122.88	Trà Vinh	3452	81A-444.69	Gia Lai
1053	79A-566.22	Khánh Hòa	2253	85A-141.19	Ninh Thuận	3453	81A-447.16	Gia Lai
1054	79A-568.08	Khánh Hòa	2254	85A-142.68	Ninh Thuận	3454	81A-447.99	Gia Lai
1055	81A-425.19	Gia Lai	2255	85A-142.77	Ninh Thuận	3455	81A-450.99	Gia Lai
1056	81A-431.36	Gia Lai	2256	86A-309.09	Bình Thuận	3456	81A-451.11	Gia Lai
1057	81A-435.56	Gia Lai	2257	86A-309.38	Bình Thuận	3457	81A-451.58	Gia Lai
1058	81A-437.95	Gia Lai	2258	86A-309.85	Bình Thuận	3458	81A-451.59	Gia Lai
1059	81A-438.43	Gia Lai	2259	86A-311.39	Bình Thuận	3459	81A-453.28	Gia Lai
1060	81A-439.58	Gia Lai	2260	86A-311.44	Bình Thuận	3460	81C-273.73	Gia Lai
1061	81A-440.15	Gia Lai	2261	86A-311.89	Bình Thuận	3461	82A-151.65	Kon Tum
1062	81A-443.98	Gia Lai	2262	86A-312.25	Bình Thuận	3462	82A-152.85	Kon Tum
1063	81A-446.69	Gia Lai	2263	86A-312.58	Bình Thuận	3463	82A-156.59	Kon Tum

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1064	81A-447.36	Gia Lai	2264	86A-317.36	Bình Thuận	3464	82A-157.06	Kon Tum
1065	81A-448.48	Gia Lai	2265	86C-206.88	Bình Thuận	3465	84A-139.97	Trà Vinh
1066	81A-450.66	Gia Lai	2266	86C-208.66	Bình Thuận	3466	84A-140.22	Trà Vinh
1067	82A-155.00	Kon Tum	2267	88A-745.06	Vĩnh Phúc	3467	84A-143.09	Trà Vinh
1068	82A-157.29	Kon Tum	2268	88A-747.09	Vĩnh Phúc	3468	84A-145.58	Trà Vinh
1069	82A-158.08	Kon Tum	2269	88A-748.66	Vĩnh Phúc	3469	85A-143.59	Ninh Thuận
1070	83A-189.15	Sóc Trăng	2270	88A-749.56	Vĩnh Phúc	3470	85A-143.99	Ninh Thuận
1071	83A-192.25	Sóc Trăng	2271	88A-750.44	Vĩnh Phúc	3471	85A-145.11	Ninh Thuận
1072	83C-129.68	Sóc Trăng	2272	88A-752.86	Vĩnh Phúc	3472	85A-145.69	Ninh Thuận
1073	84A-143.59	Trà Vinh	2273	88A-752.89	Vĩnh Phúc	3473	86A-311.66	Bình Thuận
1074	84A-144.36	Trà Vinh	2274	88A-755.51	Vĩnh Phúc	3474	86A-313.58	Bình Thuận
1075	84A-145.96	Trà Vinh	2275	88A-756.58	Vĩnh Phúc	3475	86A-315.85	Bình Thuận
1076	84A-146.41	Trà Vinh	2276	88A-759.22	Vĩnh Phúc	3476	86A-316.59	Bình Thuận
1077	85A-142.24	Ninh Thuận	2277	88A-760.38	Vĩnh Phúc	3477	86A-318.29	Bình Thuận
1078	85A-142.86	Ninh Thuận	2278	88A-761.97	Vĩnh Phúc	3478	88A-744.18	Vĩnh Phúc
1079	85A-144.59	Ninh Thuận	2279	88A-762.28	Vĩnh Phúc	3479	88A-749.83	Vĩnh Phúc
1080	85A-145.56	Ninh Thuận	2280	88A-763.77	Vĩnh Phúc	3480	88A-750.75	Vĩnh Phúc
1081	85B-013.66	Ninh Thuận	2281	88A-769.25	Vĩnh Phúc	3481	88A-755.52	Vĩnh Phúc
1082	85C-081.99	Ninh Thuận	2282	88A-772.09	Vĩnh Phúc	3482	88A-763.67	Vĩnh Phúc
1083	86A-312.44	Bình Thuận	2283	88A-772.59	Vĩnh Phúc	3483	88A-763.95	Vĩnh Phúc
1084	86A-313.13	Bình Thuận	2284	88A-778.85	Vĩnh Phúc	3484	88A-764.35	Vĩnh Phúc
1085	86A-313.79	Bình Thuận	2285	88A-778.90	Vĩnh Phúc	3485	88A-765.95	Vĩnh Phúc
1086	86A-319.08	Bình Thuận	2286	88A-781.56	Vĩnh Phúc	3486	88A-766.19	Vĩnh Phúc
1087	86A-319.11	Bình Thuận	2287	88A-782.35	Vĩnh Phúc	3487	88A-774.00	Vĩnh Phúc
1088	86A-319.22	Bình Thuận	2288	88A-783.22	Vĩnh Phúc	3488	88A-774.98	Vĩnh Phúc
1089	86A-319.29	Bình Thuận	2289	88A-784.06	Vĩnh Phúc	3489	88A-776.33	Vĩnh Phúc
1090	88A-744.69	Vĩnh Phúc	2290	88A-785.35	Vĩnh Phúc	3490	88A-776.76	Vĩnh Phúc
1091	88A-744.74	Vĩnh Phúc	2291	88A-785.68	Vĩnh Phúc	3491	88A-776.77	Vĩnh Phúc
1092	88A-745.58	Vĩnh Phúc	2292	88A-787.55	Vĩnh Phúc	3492	88A-776.95	Vĩnh Phúc
1093	88A-746.28	Vĩnh Phúc	2293	88C-307.68	Vĩnh Phúc	3493	88A-776.96	Vĩnh Phúc
1094	88A-750.08	Vĩnh Phúc	2294	89A-498.99	Hưng Yên	3494	88A-780.08	Vĩnh Phúc
1095	88A-757.56	Vĩnh Phúc	2295	89A-499.64	Hưng Yên	3495	88A-786.63	Vĩnh Phúc
1096	88A-758.16	Vĩnh Phúc	2296	89A-499.73	Hưng Yên	3496	88A-787.19	Vĩnh Phúc
1097	88A-759.36	Vĩnh Phúc	2297	89A-504.69	Hưng Yên	3497	88B-018.86	Vĩnh Phúc
1098	88A-764.96	Vĩnh Phúc	2298	89A-505.44	Hưng Yên	3498	88C-307.66	Vĩnh Phúc
1099	88A-767.95	Vĩnh Phúc	2299	89A-508.39	Hưng Yên	3499	89A-499.67	Hưng Yên
1100	88A-769.06	Vĩnh Phúc	2300	89A-508.85	Hưng Yên	3500	89A-502.66	Hưng Yên
1101	88A-770.16	Vĩnh Phúc	2301	89A-510.55	Hưng Yên	3501	89A-503.65	Hưng Yên
1102	88A-778.28	Vĩnh Phúc	2302	89A-510.83	Hưng Yên	3502	89A-504.06	Hưng Yên
1103	88A-781.65	Vĩnh Phúc	2303	89A-511.06	Hưng Yên	3503	89A-506.50	Hưng Yên
1104	88A-782.36	Vĩnh Phúc	2304	89A-513.08	Hưng Yên	3504	89A-512.08	Hưng Yên

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1105	88A-786.83	Vĩnh Phúc	2305	89A-516.22	Hưng Yên	3505	89A-516.44	Hưng Yên
1106	88A-787.33	Vĩnh Phúc	2306	89A-516.25	Hưng Yên	3506	89A-518.25	Hưng Yên
1107	89A-497.98	Hưng Yên	2307	89A-519.78	Hưng Yên	3507	89A-519.06	Hưng Yên
1108	89A-498.66	Hưng Yên	2308	89A-520.38	Hưng Yên	3508	89A-521.36	Hưng Yên
1109	89A-499.06	Hưng Yên	2309	89A-523.08	Hưng Yên	3509	89A-521.77	Hưng Yên
1110	89A-499.18	Hưng Yên	2310	89A-523.19	Hưng Yên	3510	89A-529.89	Hưng Yên
1111	89A-500.68	Hưng Yên	2311	89A-525.28	Hưng Yên	3511	89A-530.36	Hưng Yên
1112	89A-501.35	Hưng Yên	2312	89A-526.38	Hưng Yên	3512	89A-531.59	Hưng Yên
1113	89A-510.10	Hưng Yên	2313	89A-528.77	Hưng Yên	3513	89B-023.79	Hưng Yên
1114	89A-516.33	Hưng Yên	2314	89D-021.79	Hưng Yên	3514	89C-335.89	Hưng Yên
1115	89A-517.68	Hưng Yên	2315	90A-274.26	Hà Nam	3515	89C-338.79	Hưng Yên
1116	89A-519.16	Hưng Yên	2316	90A-276.22	Hà Nam	3516	90A-275.36	Hà Nam
1117	89A-524.65	Hưng Yên	2317	90A-278.26	Hà Nam	3517	90A-277.00	Hà Nam
1118	89A-529.29	Hưng Yên	2318	90A-279.18	Hà Nam	3518	90A-279.55	Hà Nam
1119	89A-529.44	Hưng Yên	2319	90A-279.25	Hà Nam	3519	90A-283.11	Hà Nam
1120	89A-529.59	Hưng Yên	2320	90A-279.44	Hà Nam	3520	90A-283.38	Hà Nam
1121	89C-337.79	Hưng Yên	2321	90A-279.95	Hà Nam	3521	90A-283.89	Hà Nam
1122	90A-275.85	Hà Nam	2322	90A-287.38	Hà Nam	3522	90A-285.18	Hà Nam
1123	90A-286.18	Hà Nam	2323	92A-425.35	Quảng Nam	3523	90A-285.69	Hà Nam
1124	90A-286.22	Hà Nam	2324	92A-428.79	Quảng Nam	3524	90A-286.28	Hà Nam
1125	90A-286.65	Hà Nam	2325	92A-428.85	Quảng Nam	3525	90A-286.58	Hà Nam
1126	90B-011.79	Hà Nam	2326	92A-429.95	Quảng Nam	3526	90A-287.39	Hà Nam
1127	92A-422.58	Quảng Nam	2327	92A-430.55	Quảng Nam	3527	90B-011.66	Hà Nam
1128	92A-422.88	Quảng Nam	2328	92A-431.59	Quảng Nam	3528	92A-417.19	Quảng Nam
1129	92A-423.26	Quảng Nam	2329	93A-487.59	Bình Phước	3529	92A-422.15	Quảng Nam
1130	92A-424.86	Quảng Nam	2330	93A-489.69	Bình Phước	3530	92A-427.39	Quảng Nam
1131	92A-424.89	Quảng Nam	2331	93A-491.86	Bình Phước	3531	92A-430.09	Quảng Nam
1132	92A-429.22	Quảng Nam	2332	93A-492.11	Bình Phước	3532	92B-033.88	Quảng Nam
1133	92A-431.56	Quảng Nam	2333	93A-493.16	Bình Phước	3533	92D-011.33	Quảng Nam
1134	93A-486.56	Bình Phước	2334	93A-496.08	Bình Phước	3534	93A-489.58	Bình Phước
1135	93A-495.35	Bình Phước	2335	93A-497.06	Bình Phước	3535	93A-495.00	Bình Phước
1136	93A-496.65	Bình Phước	2336	93A-500.55	Bình Phước	3536	93A-497.19	Bình Phước
1137	93A-496.78	Bình Phước	2337	93A-501.15	Bình Phước	3537	93A-504.39	Bình Phước
1138	93A-497.58	Bình Phước	2338	93A-502.39	Bình Phước	3538	94A-106.86	Bạc Liêu
1139	93A-498.68	Bình Phước	2339	93A-503.15	Bình Phước	3539	94A-108.22	Bạc Liêu
1140	93A-500.26	Bình Phước	2340	93A-504.09	Bình Phước	3540	94A-108.56	Bạc Liêu
1141	93A-500.36	Bình Phước	2341	93A-504.55	Bình Phước	3541	94B-013.66	Bạc Liêu
1142	93A-502.28	Bình Phước	2342	94A-107.15	Bạc Liêu	3542	95A-130.56	Hậu Giang
1143	93A-504.36	Bình Phước	2343	94A-109.09	Bạc Liêu	3543	95A-135.22	Hậu Giang
1144	93A-504.59	Bình Phước	2344	95A-131.88	Hậu Giang	3544	95C-087.78	Hậu Giang
1145	94A-108.39	Bạc Liêu	2345	95A-134.33	Hậu Giang	3545	97A-093.26	Bắc Kạn

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1146	95A-132.36	Hậu Giang	2346	95A-135.66	Hậu Giang	3546	97A-093.95	Bắc Kạn
1147	95A-132.99	Hậu Giang	2347	95B-013.69	Hậu Giang	3547	97A-094.56	Bắc Kạn
1148	95D-022.69	Hậu Giang	2348	95B-015.86	Hậu Giang	3548	98A-797.59	Bắc Giang
1149	97A-094.35	Bắc Kạn	2349	97A-095.09	Bắc Kạn	3549	98A-802.99	Bắc Giang
1150	98A-800.16	Bắc Giang	2350	98A-799.35	Bắc Giang	3550	98A-804.88	Bắc Giang
1151	98A-803.66	Bắc Giang	2351	98A-799.83	Bắc Giang	3551	98A-805.39	Bắc Giang
1152	98A-807.99	Bắc Giang	2352	98A-801.56	Bắc Giang	3552	98A-806.08	Bắc Giang
1153	98A-809.90	Bắc Giang	2353	98A-803.83	Bắc Giang	3553	98A-806.35	Bắc Giang
1154	98A-810.36	Bắc Giang	2354	98A-807.28	Bắc Giang	3554	98A-807.68	Bắc Giang
1155	98A-812.88	Bắc Giang	2355	98A-807.39	Bắc Giang	3555	98A-812.39	Bắc Giang
1156	98A-814.33	Bắc Giang	2356	98A-808.89	Bắc Giang	3556	98A-813.77	Bắc Giang
1157	98A-816.28	Bắc Giang	2357	98A-812.69	Bắc Giang	3557	98A-814.11	Bắc Giang
1158	98A-817.86	Bắc Giang	2358	98A-814.69	Bắc Giang	3558	98A-816.18	Bắc Giang
1159	98A-822.25	Bắc Giang	2359	98A-817.71	Bắc Giang	3559	98A-817.38	Bắc Giang
1160	98A-823.36	Bắc Giang	2360	98A-818.38	Bắc Giang	3560	98A-819.81	Bắc Giang
1161	98A-823.98	Bắc Giang	2361	98A-818.79	Bắc Giang	3561	98A-824.24	Bắc Giang
1162	98A-824.85	Bắc Giang	2362	98A-820.26	Bắc Giang	3562	98A-825.19	Bắc Giang
1163	98A-827.00	Bắc Giang	2363	98A-820.66	Bắc Giang	3563	98A-827.99	Bắc Giang
1164	98A-828.82	Bắc Giang	2364	98A-830.26	Bắc Giang	3564	98A-834.18	Bắc Giang
1165	98A-829.36	Bắc Giang	2365	98A-831.28	Bắc Giang	3565	98A-836.29	Bắc Giang
1166	98A-829.98	Bắc Giang	2366	98A-835.00	Bắc Giang	3566	98A-841.19	Bắc Giang
1167	98A-833.18	Bắc Giang	2367	98A-843.79	Bắc Giang	3567	98A-841.95	Bắc Giang
1168	98A-834.96	Bắc Giang	2368	98A-846.59	Bắc Giang	3568	98A-843.11	Bắc Giang
1169	98A-836.35	Bắc Giang	2369	98A-848.98	Bắc Giang	3569	98A-843.29	Bắc Giang
1170	98A-836.39	Bắc Giang	2370	98A-850.35	Bắc Giang	3570	98A-845.85	Bắc Giang
1171	98A-836.83	Bắc Giang	2371	98A-852.39	Bắc Giang	3571	98A-846.25	Bắc Giang
1172	98A-840.39	Bắc Giang	2372	98A-853.53	Bắc Giang	3572	98A-846.39	Bắc Giang
1173	98A-841.41	Bắc Giang	2373	98A-855.52	Bắc Giang	3573	98A-846.96	Bắc Giang
1174	98A-848.06	Bắc Giang	2374	98A-858.16	Bắc Giang	3574	98A-849.38	Bắc Giang
1175	98A-851.51	Bắc Giang	2375	98C-357.99	Bắc Giang	3575	98A-851.35	Bắc Giang
1176	98A-852.08	Bắc Giang	2376	98C-359.59	Bắc Giang	3576	98A-856.19	Bắc Giang
1177	98A-853.06	Bắc Giang	2377	99A-762.62	Bắc Ninh	3577	98C-356.86	Bắc Giang
1178	98A-858.19	Bắc Giang	2378	99A-808.66	Bắc Ninh	3578	98C-356.89	Bắc Giang
1179	98A-858.44	Bắc Giang	2379	99A-809.00	Bắc Ninh	3579	98C-363.89	Bắc Giang
1180	98C-363.39	Bắc Giang	2380	99A-818.35	Bắc Ninh	3580	98C-366.86	Bắc Giang
1181	99A-803.26	Bắc Ninh	2381	99A-818.58	Bắc Ninh	3581	99A-756.68	Bắc Ninh
1182	99A-813.33	Bắc Ninh	2382	99A-821.08	Bắc Ninh	3582	99A-802.22	Bắc Ninh
1183	99A-814.79	Bắc Ninh	2383	99A-822.00	Bắc Ninh	3583	99A-803.83	Bắc Ninh
1184	99A-816.18	Bắc Ninh	2384	99A-822.35	Bắc Ninh	3584	99A-811.66	Bắc Ninh
1185	99A-816.77	Bắc Ninh	2385	99A-826.44	Bắc Ninh	3585	99A-812.11	Bắc Ninh
1186	99A-817.19	Bắc Ninh	2386	99A-830.56	Bắc Ninh	3586	99A-812.96	Bắc Ninh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1187	99A-819.65	Bắc Ninh	2387	99A-831.32	Bắc Ninh	3587	99A-815.56	Bắc Ninh
1188	99A-823.77	Bắc Ninh	2388	99A-831.89	Bắc Ninh	3588	99A-817.17	Bắc Ninh
1189	99A-827.72	Bắc Ninh	2389	99A-837.19	Bắc Ninh	3589	99A-819.84	Bắc Ninh
1190	99A-828.00	Bắc Ninh	2390	99A-841.98	Bắc Ninh	3590	99A-821.55	Bắc Ninh
1191	99A-829.18	Bắc Ninh	2391	99A-844.09	Bắc Ninh	3591	99A-829.16	Bắc Ninh
1192	99A-831.36	Bắc Ninh	2392	99A-844.36	Bắc Ninh	3592	99A-831.68	Bắc Ninh
1193	99A-832.98	Bắc Ninh	2393	99A-845.39	Bắc Ninh	3593	99A-834.43	Bắc Ninh
1194	99A-835.44	Bắc Ninh	2394	99A-847.74	Bắc Ninh	3594	99A-837.06	Bắc Ninh
1195	99A-840.41	Bắc Ninh	2395	99A-848.84	Bắc Ninh	3595	99A-840.65	Bắc Ninh
1196	99A-843.36	Bắc Ninh	2396	99A-849.16	Bắc Ninh	3596	99A-841.83	Bắc Ninh
1197	99B-028.69	Bắc Ninh	2397	99A-850.85	Bắc Ninh	3597	99A-845.19	Bắc Ninh
1198	99C-322.89	Bắc Ninh	2398	99A-850.99	Bắc Ninh	3598	99A-845.85	Bắc Ninh
1199	99D-021.68	Bắc Ninh	2399	99B-029.79	Bắc Ninh	3599	99C-328.79	Bắc Ninh
1200	99D-023.89	Bắc Ninh	2400	99C-325.52	Bắc Ninh	3600	99D-021.99	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3601	26A-229.99	Sơn La	4801	30L-086.86	Hà Nội			
3602	37K-389.99	Nghệ An	4802	37K-399.89	Nghệ An			
3603	69A-167.89	Cà Mau	4803	69A-166.99	Cà Mau			
3604	79A-555.88	Khánh Hòa	4804	78A-209.99	Phú Yên			
3605	14A-979.39	Quảng Ninh	4805	14A-945.55	Quảng Ninh			
3606	15K-392.79	Hải Phòng	4806	14A-956.96	Quảng Ninh			
3607	15K-401.23	Hải Phòng	4807	14A-966.93	Quảng Ninh			
3608	15K-407.77	Hải Phòng	4808	15K-417.77	Hải Phòng			
3609	19A-687.90	Phú Thọ	4809	18A-467.77	Nam Định			
3610	27A-123.68	Điện Biên	4810	18A-469.66	Nam Định			
3611	30L-616.18	Hà Nội	4811	18C-169.68	Nam Định			
3612	30L-669.92	Hà Nội	4812	19A-705.55	Phú Thọ			
3613	30L-684.79	Hà Nội	4813	19A-707.77	Phú Thọ			
3614	30L-686.69	Hà Nội	4814	20A-845.67	Thái Nguyên			
3615	30L-687.99	Hà Nội	4815	22A-267.89	Tuyên Quang			
3616	30L-819.88	Hà Nội	4816	27A-126.66	Điện Biên			
3617	30L-823.45	Hà Nội	4817	29K-222.99	Hà Nội			
3618	30L-838.68	Hà Nội	4818	30L-623.45	Hà Nội			
3619	30L-862.68	Hà Nội	4819	30L-638.86	Hà Nội			
3620	30L-918.68	Hà Nội	4820	30L-678.94	Hà Nội			
3621	30L-948.86	Hà Nội	4821	30L-712.34	Hà Nội			
3622	30L-966.91	Hà Nội	4822	30L-833.88	Hà Nội			
3623	30L-996.99	Hà Nội	4823	30L-936.66	Hà Nội			
3624	30M-006.96	Hà Nội	4824	30L-969.96	Hà Nội			
3625	34A-856.68	Hải Dương	4825	30L-978.88	Hà Nội			
3626	34A-889.66	Hải Dương	4826	30L-996.86	Hà Nội			
3627	35A-444.55	Ninh Bình	4827	30M-014.28	Hà Nội			
3628	38A-666.78	Hà Tĩnh	4828	34A-877.79	Hải Dương			
3629	38A-668.85	Hà Tĩnh	4829	35A-444.46	Ninh Bình			
3630	51E-326.26	Hồ Chí Minh	4830	49A-729.99	Lâm Đồng			
3631	51E-333.66	Hồ Chí Minh	4831	51D-867.89	Hồ Chí Minh			
3632	51L-626.68	Hồ Chí Minh	4832	51L-662.62	Hồ Chí Minh			
3633	51L-666.16	Hồ Chí Minh	4833	51L-666.86	Hồ Chí Minh			
3634	51L-686.79	Hồ Chí Minh	4834	51L-737.77	Hồ Chí Minh			
3635	60K-586.89	Đồng Nai	4835	51L-800.08	Hồ Chí Minh			
3636	60K-596.68	Đồng Nai	4836	51L-836.66	Hồ Chí Minh			
3637	60K-599.98	Đồng Nai	4837	60C-739.99	Đồng Nai			
3638	61K-500.00	Bình Dương	4838	60K-577.75	Đồng Nai			
3639	61K-512.34	Bình Dương	4839	60K-597.77	Đồng Nai			
3640	62A-457.77	Long An	4840	61K-515.55	Bình Dương			
3641	62A-465.55	Long An	4841	62A-458.88	Long An			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3642	66A-288.86	Đồng Tháp	4842	68A-356.78	Kiên Giang			
3643	66A-299.39	Đồng Tháp	4843	70A-579.99	Tây Ninh			
3644	72A-806.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	4844	73A-362.62	Quảng Bình			
3645	72A-816.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	4845	77A-355.53	Bình Định			
3646	79C-222.24	Khánh Hòa	4846	79A-547.77	Khánh Hòa			
3647	88A-777.39	Vĩnh Phúc	4847	79A-558.68	Khánh Hòa			
3648	90A-277.72	Hà Nam	4848	88A-759.99	Vĩnh Phúc			
3649	98A-846.66	Bắc Giang	4849	88C-298.88	Vĩnh Phúc			
3650	98C-368.79	Bắc Giang	4850	89C-338.38	Hưng Yên			
3651	99A-816.66	Bắc Ninh	4851	92A-418.88	Quảng Nam			
3652	99A-828.68	Bắc Ninh	4852	98A-855.58	Bắc Giang			
3653	99A-833.38	Bắc Ninh	4853	99A-819.88	Bắc Ninh			
3654	30L-548.66	Hà Nội	4854	30L-550.99	Hà Nội			
3655	30L-558.59	Hà Nội	4855	30L-552.11	Hà Nội			
3656	30L-560.09	Hà Nội	4856	30L-552.39	Hà Nội			
3657	30L-563.35	Hà Nội	4857	30L-553.06	Hà Nội			
3658	30L-569.86	Hà Nội	4858	30L-555.49	Hà Nội			
3659	30L-570.68	Hà Nội	4859	30L-561.06	Hà Nội			
3660	30L-572.26	Hà Nội	4860	30L-568.69	Hà Nội			
3661	30L-574.38	Hà Nội	4861	30L-570.25	Hà Nội			
3662	30L-576.95	Hà Nội	4862	30L-571.11	Hà Nội			
3663	30L-577.08	Hà Nội	4863	30L-571.17	Hà Nội			
3664	30L-582.89	Hà Nội	4864	30L-572.36	Hà Nội			
3665	30L-586.55	Hà Nội	4865	30L-575.58	Hà Nội			
3666	30L-588.61	Hà Nội	4866	30L-575.65	Hà Nội			
3667	30L-591.18	Hà Nội	4867	30L-580.28	Hà Nội			
3668	30L-593.35	Hà Nội	4868	30L-582.82	Hà Nội			
3669	30L-593.88	Hà Nội	4869	30L-584.38	Hà Nội			
3670	30L-597.88	Hà Nội	4870	30L-585.08	Hà Nội			
3671	30L-599.78	Hà Nội	4871	30L-586.60	Hà Nội			
3672	30L-601.35	Hà Nội	4872	30L-586.79	Hà Nội			
3673	30L-602.86	Hà Nội	4873	30L-588.33	Hà Nội			
3674	30L-603.16	Hà Nội	4874	30L-592.95	Hà Nội			
3675	30L-603.29	Hà Nội	4875	30L-596.79	Hà Nội			
3676	30L-606.22	Hà Nội	4876	30L-597.35	Hà Nội			
3677	30L-606.36	Hà Nội	4877	30L-603.25	Hà Nội			
3678	30L-608.58	Hà Nội	4878	30L-607.16	Hà Nội			
3679	30L-610.65	Hà Nội	4879	30L-608.86	Hà Nội			
3680	30L-614.88	Hà Nội	4880	30L-609.85	Hà Nội			
3681	30L-615.85	Hà Nội	4881	30L-610.26	Hà Nội			
3682	30L-621.88	Hà Nội	4882	30L-612.66	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3683	30L-622.68	Hà Nội	4883	30L-613.55	Hà Nội			
3684	30L-623.09	Hà Nội	4884	30L-616.19	Hà Nội			
3685	30L-623.59	Hà Nội	4885	30L-616.25	Hà Nội			
3686	30L-624.06	Hà Nội	4886	30L-617.44	Hà Nội			
3687	30L-624.55	Hà Nội	4887	30L-619.11	Hà Nội			
3688	30L-624.79	Hà Nội	4888	30L-620.36	Hà Nội			
3689	30L-625.22	Hà Nội	4889	30L-621.95	Hà Nội			
3690	30L-638.15	Hà Nội	4890	30L-623.96	Hà Nội			
3691	30L-638.56	Hà Nội	4891	30L-624.66	Hà Nội			
3692	30L-638.98	Hà Nội	4892	30L-629.77	Hà Nội			
3693	30L-646.55	Hà Nội	4893	30L-630.66	Hà Nội			
3694	30L-651.66	Hà Nội	4894	30L-631.55	Hà Nội			
3695	30L-652.36	Hà Nội	4895	30L-632.09	Hà Nội			
3696	30L-652.52	Hà Nội	4896	30L-632.28	Hà Nội			
3697	30L-654.09	Hà Nội	4897	30L-633.83	Hà Nội			
3698	30L-657.36	Hà Nội	4898	30L-636.68	Hà Nội			
3699	30L-662.38	Hà Nội	4899	30L-637.18	Hà Nội			
3700	30L-664.00	Hà Nội	4900	30L-639.65	Hà Nội			
3701	30L-670.33	Hà Nội	4901	30L-641.85	Hà Nội			
3702	30L-673.16	Hà Nội	4902	30L-644.29	Hà Nội			
3703	30L-675.39	Hà Nội	4903	30L-651.95	Hà Nội			
3704	30L-677.00	Hà Nội	4904	30L-653.98	Hà Nội			
3705	30L-678.08	Hà Nội	4905	30L-657.16	Hà Nội			
3706	30L-678.17	Hà Nội	4906	30L-659.97	Hà Nội			
3707	30L-678.18	Hà Nội	4907	30L-660.60	Hà Nội			
3708	30L-680.33	Hà Nội	4908	30L-661.22	Hà Nội			
3709	30L-680.98	Hà Nội	4909	30L-661.88	Hà Nội			
3710	30L-682.59	Hà Nội	4910	30L-663.65	Hà Nội			
3711	30L-683.56	Hà Nội	4911	30L-665.59	Hà Nội			
3712	30L-685.98	Hà Nội	4912	30L-669.77	Hà Nội			
3713	30L-686.08	Hà Nội	4913	30L-671.58	Hà Nội			
3714	30L-693.15	Hà Nội	4914	30L-672.28	Hà Nội			
3715	30L-694.66	Hà Nội	4915	30L-676.85	Hà Nội			
3716	30L-694.96	Hà Nội	4916	30L-678.21	Hà Nội			
3717	30L-700.58	Hà Nội	4917	30L-678.46	Hà Nội			
3718	30L-702.03	Hà Nội	4918	30L-681.83	Hà Nội			
3719	30L-703.83	Hà Nội	4919	30L-684.33	Hà Nội			
3720	30L-704.36	Hà Nội	4920	30L-689.95	Hà Nội			
3721	30L-704.40	Hà Nội	4921	30L-693.18	Hà Nội			
3722	30L-710.59	Hà Nội	4922	30L-694.59	Hà Nội			
3723	30L-716.08	Hà Nội	4923	30L-697.98	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3724	30L-716.29	Hà Nội	4924	30L-698.28	Hà Nội			
3725	30L-720.69	Hà Nội	4925	30L-702.29	Hà Nội			
3726	30L-721.19	Hà Nội	4926	30L-704.77	Hà Nội			
3727	30L-721.27	Hà Nội	4927	30L-705.05	Hà Nội			
3728	30L-722.35	Hà Nội	4928	30L-705.96	Hà Nội			
3729	30L-723.59	Hà Nội	4929	30L-708.58	Hà Nội			
3730	30L-726.98	Hà Nội	4930	30L-713.25	Hà Nội			
3731	30L-728.28	Hà Nội	4931	30L-719.36	Hà Nội			
3732	30L-729.18	Hà Nội	4932	30L-721.25	Hà Nội			
3733	30L-729.25	Hà Nội	4933	30L-722.95	Hà Nội			
3734	30L-730.98	Hà Nội	4934	30L-725.72	Hà Nội			
3735	30L-732.22	Hà Nội	4935	30L-726.09	Hà Nội			
3736	30L-739.69	Hà Nội	4936	30L-730.66	Hà Nội			
3737	30L-741.25	Hà Nội	4937	30L-731.55	Hà Nội			
3738	30L-741.26	Hà Nội	4938	30L-731.83	Hà Nội			
3739	30L-745.46	Hà Nội	4939	30L-735.09	Hà Nội			
3740	30L-745.65	Hà Nội	4940	30L-737.83	Hà Nội			
3741	30L-746.88	Hà Nội	4941	30L-739.93	Hà Nội			
3742	30L-747.19	Hà Nội	4942	30L-743.44	Hà Nội			
3743	30L-749.25	Hà Nội	4943	30L-746.36	Hà Nội			
3744	30L-752.75	Hà Nội	4944	30L-747.39	Hà Nội			
3745	30L-756.69	Hà Nội	4945	30L-747.98	Hà Nội			
3746	30L-759.18	Hà Nội	4946	30L-747.99	Hà Nội			
3747	30L-759.88	Hà Nội	4947	30L-759.38	Hà Nội			
3748	30L-762.36	Hà Nội	4948	30L-763.69	Hà Nội			
3749	30L-772.86	Hà Nội	4949	30L-766.29	Hà Nội			
3750	30L-773.66	Hà Nội	4950	30L-770.65	Hà Nội			
3751	30L-774.75	Hà Nội	4951	30L-771.06	Hà Nội			
3752	30L-778.77	Hà Nội	4952	30L-774.65	Hà Nội			
3753	30L-779.65	Hà Nội	4953	30L-775.83	Hà Nội			
3754	30L-784.95	Hà Nội	4954	30L-775.89	Hà Nội			
3755	30L-785.59	Hà Nội	4955	30L-778.65	Hà Nội			
3756	30L-799.26	Hà Nội	4956	30L-778.94	Hà Nội			
3757	30L-802.66	Hà Nội	4957	30L-781.38	Hà Nội			
3758	30L-804.88	Hà Nội	4958	30L-787.28	Hà Nội			
3759	30L-805.28	Hà Nội	4959	30L-792.25	Hà Nội			
3760	30L-806.18	Hà Nội	4960	30L-794.69	Hà Nội			
3761	30L-807.69	Hà Nội	4961	30L-797.19	Hà Nội			
3762	30L-807.96	Hà Nội	4962	30L-799.70	Hà Nội			
3763	30L-809.26	Hà Nội	4963	30L-806.77	Hà Nội			
3764	30L-810.59	Hà Nội	4964	30L-808.35	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3765	30L-813.16	Hà Nội	4965	30L-811.25	Hà Nội			
3766	30L-814.44	Hà Nội	4966	30L-816.69	Hà Nội			
3767	30L-815.98	Hà Nội	4967	30L-816.99	Hà Nội			
3768	30L-817.65	Hà Nội	4968	30L-818.55	Hà Nội			
3769	30L-819.22	Hà Nội	4969	30L-819.61	Hà Nội			
3770	30L-819.39	Hà Nội	4970	30L-820.98	Hà Nội			
3771	30L-819.97	Hà Nội	4971	30L-822.99	Hà Nội			
3772	30L-825.39	Hà Nội	4972	30L-824.82	Hà Nội			
3773	30L-828.06	Hà Nội	4973	30L-826.16	Hà Nội			
3774	30L-828.95	Hà Nội	4974	30L-827.09	Hà Nội			
3775	30L-831.33	Hà Nội	4975	30L-828.85	Hà Nội			
3776	30L-833.15	Hà Nội	4976	30L-828.98	Hà Nội			
3777	30L-835.11	Hà Nội	4977	30L-832.58	Hà Nội			
3778	30L-837.58	Hà Nội	4978	30L-835.44	Hà Nội			
3779	30L-839.55	Hà Nội	4979	30L-837.89	Hà Nội			
3780	30L-840.83	Hà Nội	4980	30L-838.28	Hà Nội			
3781	30L-840.96	Hà Nội	4981	30L-839.96	Hà Nội			
3782	30L-842.11	Hà Nội	4982	30L-840.89	Hà Nội			
3783	30L-844.25	Hà Nội	4983	30L-843.48	Hà Nội			
3784	30L-846.77	Hà Nội	4984	30L-844.77	Hà Nội			
3785	30L-846.79	Hà Nội	4985	30L-845.99	Hà Nội			
3786	30L-851.58	Hà Nội	4986	30L-846.15	Hà Nội			
3787	30L-854.11	Hà Nội	4987	30L-847.00	Hà Nội			
3788	30L-855.59	Hà Nội	4988	30L-847.38	Hà Nội			
3789	30L-857.26	Hà Nội	4989	30L-849.88	Hà Nội			
3790	30L-866.33	Hà Nội	4990	30L-852.28	Hà Nội			
3791	30L-870.85	Hà Nội	4991	30L-854.08	Hà Nội			
3792	30L-873.66	Hà Nội	4992	30L-854.29	Hà Nội			
3793	30L-873.85	Hà Nội	4993	30L-855.83	Hà Nội			
3794	30L-874.88	Hà Nội	4994	30L-860.56	Hà Nội			
3795	30L-876.87	Hà Nội	4995	30L-862.39	Hà Nội			
3796	30L-878.08	Hà Nội	4996	30L-865.08	Hà Nội			
3797	30L-879.28	Hà Nội	4997	30L-869.59	Hà Nội			
3798	30L-886.26	Hà Nội	4998	30L-871.89	Hà Nội			
3799	30L-888.23	Hà Nội	4999	30L-872.83	Hà Nội			
3800	30L-896.26	Hà Nội	5000	30L-875.98	Hà Nội			
3801	30L-899.29	Hà Nội	5001	30L-879.59	Hà Nội			
3802	30L-899.68	Hà Nội	5002	30L-885.96	Hà Nội			
3803	30L-900.68	Hà Nội	5003	30L-901.28	Hà Nội			
3804	30L-903.06	Hà Nội	5004	30L-901.86	Hà Nội			
3805	30L-903.36	Hà Nội	5005	30L-906.69	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3806	30L-905.86	Hà Nội	5006	30L-910.91	Hà Nội			
3807	30L-907.88	Hà Nội	5007	30L-912.25	Hà Nội			
3808	30L-912.00	Hà Nội	5008	30L-913.44	Hà Nội			
3809	30L-914.91	Hà Nội	5009	30L-914.36	Hà Nội			
3810	30L-914.98	Hà Nội	5010	30L-914.69	Hà Nội			
3811	30L-916.88	Hà Nội	5011	30L-915.89	Hà Nội			
3812	30L-918.58	Hà Nội	5012	30L-916.29	Hà Nội			
3813	30L-920.08	Hà Nội	5013	30L-916.69	Hà Nội			
3814	30L-924.28	Hà Nội	5014	30L-921.98	Hà Nội			
3815	30L-926.95	Hà Nội	5015	30L-926.29	Hà Nội			
3816	30L-927.65	Hà Nội	5016	30L-926.92	Hà Nội			
3817	30L-932.08	Hà Nội	5017	30L-929.58	Hà Nội			
3818	30L-936.63	Hà Nội	5018	30L-930.68	Hà Nội			
3819	30L-937.16	Hà Nội	5019	30L-930.77	Hà Nội			
3820	30L-941.56	Hà Nội	5020	30L-932.58	Hà Nội			
3821	30L-945.69	Hà Nội	5021	30L-932.59	Hà Nội			
3822	30L-946.78	Hà Nội	5022	30L-933.56	Hà Nội			
3823	30L-948.95	Hà Nội	5023	30L-941.16	Hà Nội			
3824	30L-949.29	Hà Nội	5024	30L-950.35	Hà Nội			
3825	30L-950.09	Hà Nội	5025	30L-952.44	Hà Nội			
3826	30L-951.68	Hà Nội	5026	30L-953.39	Hà Nội			
3827	30L-952.09	Hà Nội	5027	30L-955.85	Hà Nội			
3828	30L-953.35	Hà Nội	5028	30L-956.18	Hà Nội			
3829	30L-954.89	Hà Nội	5029	30L-956.19	Hà Nội			
3830	30L-956.95	Hà Nội	5030	30L-956.58	Hà Nội			
3831	30L-957.59	Hà Nội	5031	30L-964.15	Hà Nội			
3832	30L-960.16	Hà Nội	5032	30L-972.33	Hà Nội			
3833	30L-964.38	Hà Nội	5033	30L-980.38	Hà Nội			
3834	30L-964.44	Hà Nội	5034	30L-982.25	Hà Nội			
3835	30L-968.38	Hà Nội	5035	30L-982.33	Hà Nội			
3836	30L-970.33	Hà Nội	5036	30L-986.19	Hà Nội			
3837	30L-970.36	Hà Nội	5037	30L-993.16	Hà Nội			
3838	30L-971.18	Hà Nội	5038	30L-996.34	Hà Nội			
3839	30L-972.77	Hà Nội	5039	30L-996.76	Hà Nội			
3840	30L-975.28	Hà Nội	5040	30M-000.26	Hà Nội			
3841	30L-979.65	Hà Nội	5041	30M-005.18	Hà Nội			
3842	30L-981.59	Hà Nội	5042	30M-005.33	Hà Nội			
3843	30L-984.65	Hà Nội	5043	30M-008.69	Hà Nội			
3844	30L-986.67	Hà Nội	5044	30M-018.77	Hà Nội			
3845	30L-992.69	Hà Nội	5045	30M-019.25	Hà Nội			
3846	30L-993.65	Hà Nội	5046	30M-020.69	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3847	30L-993.95	Hà Nội	5047	30M-024.28	Hà Nội			
3848	30L-994.00	Hà Nội	5048	30M-026.98	Hà Nội			
3849	30L-995.58	Hà Nội	5049	51L-621.86	Hồ Chí Minh			
3850	30L-997.99	Hà Nội	5050	51L-623.29	Hồ Chí Minh			
3851	30L-998.83	Hà Nội	5051	51L-623.44	Hồ Chí Minh			
3852	30M-002.38	Hà Nội	5052	51L-627.56	Hồ Chí Minh			
3853	30M-006.60	Hà Nội	5053	51L-632.06	Hồ Chí Minh			
3854	30M-007.38	Hà Nội	5054	51L-632.26	Hồ Chí Minh			
3855	30M-007.58	Hà Nội	5055	51L-632.99	Hồ Chí Minh			
3856	30M-014.18	Hà Nội	5056	51L-635.66	Hồ Chí Minh			
3857	30M-014.29	Hà Nội	5057	51L-636.11	Hồ Chí Minh			
3858	30M-014.33	Hà Nội	5058	51L-636.25	Hồ Chí Minh			
3859	30M-014.39	Hà Nội	5059	51L-636.85	Hồ Chí Minh			
3860	30M-017.35	Hà Nội	5060	51L-640.26	Hồ Chí Minh			
3861	30M-018.00	Hà Nội	5061	51L-642.85	Hồ Chí Minh			
3862	30M-020.00	Hà Nội	5062	51L-643.96	Hồ Chí Minh			
3863	30M-024.06	Hà Nội	5063	51L-645.46	Hồ Chí Minh			
3864	30M-024.20	Hà Nội	5064	51L-652.77	Hồ Chí Minh			
3865	30M-028.65	Hà Nội	5065	51L-654.06	Hồ Chí Minh			
3866	51L-620.02	Hồ Chí Minh	5066	51L-656.00	Hồ Chí Minh			
3867	51L-620.36	Hồ Chí Minh	5067	51L-659.08	Hồ Chí Minh			
3868	51L-620.65	Hồ Chí Minh	5068	51L-660.35	Hồ Chí Minh			
3869	51L-623.06	Hồ Chí Minh	5069	51L-662.28	Hồ Chí Minh			
3870	51L-623.26	Hồ Chí Minh	5070	51L-667.87	Hồ Chí Minh			
3871	51L-626.65	Hồ Chí Minh	5071	51L-668.15	Hồ Chí Minh			
3872	51L-629.83	Hồ Chí Minh	5072	51L-668.58	Hồ Chí Minh			
3873	51L-631.08	Hồ Chí Minh	5073	51L-670.00	Hồ Chí Minh			
3874	51L-632.56	Hồ Chí Minh	5074	51L-670.33	Hồ Chí Minh			
3875	51L-633.79	Hồ Chí Minh	5075	51L-671.58	Hồ Chí Minh			
3876	51L-639.25	Hồ Chí Minh	5076	51L-673.11	Hồ Chí Minh			
3877	51L-641.88	Hồ Chí Minh	5077	51L-674.02	Hồ Chí Minh			
3878	51L-644.69	Hồ Chí Minh	5078	51L-674.77	Hồ Chí Minh			
3879	51L-645.16	Hồ Chí Minh	5079	51L-676.35	Hồ Chí Minh			
3880	51L-646.55	Hồ Chí Minh	5080	51L-676.99	Hồ Chí Minh			
3881	51L-649.79	Hồ Chí Minh	5081	51L-684.89	Hồ Chí Minh			
3882	51L-661.09	Hồ Chí Minh	5082	51L-688.26	Hồ Chí Minh			
3883	51L-667.95	Hồ Chí Minh	5083	51L-688.53	Hồ Chí Minh			
3884	51L-668.55	Hồ Chí Minh	5084	51L-689.95	Hồ Chí Minh			
3885	51L-668.59	Hồ Chí Minh	5085	51L-692.92	Hồ Chí Minh			
3886	51L-669.86	Hồ Chí Minh	5086	51L-693.08	Hồ Chí Minh			
3887	51L-670.71	Hồ Chí Minh	5087	51L-693.15	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3888	51L-671.18	Hồ Chí Minh	5088	51L-696.29	Hồ Chí Minh			
3889	51L-675.65	Hồ Chí Minh	5089	51L-697.98	Hồ Chí Minh			
3890	51L-677.44	Hồ Chí Minh	5090	51L-702.33	Hồ Chí Minh			
3891	51L-678.00	Hồ Chí Minh	5091	51L-705.26	Hồ Chí Minh			
3892	51L-680.89	Hồ Chí Minh	5092	51L-706.19	Hồ Chí Minh			
3893	51L-681.82	Hồ Chí Minh	5093	51L-708.26	Hồ Chí Minh			
3894	51L-682.55	Hồ Chí Minh	5094	51L-712.56	Hồ Chí Minh			
3895	51L-683.26	Hồ Chí Minh	5095	51L-713.89	Hồ Chí Minh			
3896	51L-683.89	Hồ Chí Minh	5096	51L-714.09	Hồ Chí Minh			
3897	51L-684.00	Hồ Chí Minh	5097	51L-714.77	Hồ Chí Minh			
3898	51L-685.11	Hồ Chí Minh	5098	51L-715.36	Hồ Chí Minh			
3899	51L-688.93	Hồ Chí Minh	5099	51L-716.36	Hồ Chí Minh			
3900	51L-693.99	Hồ Chí Minh	5100	51L-718.29	Hồ Chí Minh			
3901	51L-697.39	Hồ Chí Minh	5101	51L-718.98	Hồ Chí Minh			
3902	51L-702.44	Hồ Chí Minh	5102	51L-723.22	Hồ Chí Minh			
3903	51L-703.83	Hồ Chí Minh	5103	51L-724.96	Hồ Chí Minh			
3904	51L-705.11	Hồ Chí Minh	5104	51L-725.16	Hồ Chí Minh			
3905	51L-706.44	Hồ Chí Minh	5105	51L-729.18	Hồ Chí Minh			
3906	51L-709.15	Hồ Chí Minh	5106	51L-732.98	Hồ Chí Minh			
3907	51L-714.39	Hồ Chí Minh	5107	51L-734.09	Hồ Chí Minh			
3908	51L-715.79	Hồ Chí Minh	5108	51L-734.68	Hồ Chí Minh			
3909	51L-715.83	Hồ Chí Minh	5109	51L-737.79	Hồ Chí Minh			
3910	51L-718.25	Hồ Chí Minh	5110	51L-740.99	Hồ Chí Minh			
3911	51L-724.58	Hồ Chí Minh	5111	51L-744.35	Hồ Chí Minh			
3912	51L-727.11	Hồ Chí Minh	5112	51L-744.96	Hồ Chí Minh			
3913	51L-727.79	Hồ Chí Minh	5113	51L-749.15	Hồ Chí Minh			
3914	51L-731.55	Hồ Chí Minh	5114	51L-751.28	Hồ Chí Minh			
3915	51L-738.73	Hồ Chí Minh	5115	51L-753.56	Hồ Chí Minh			
3916	51L-739.25	Hồ Chí Minh	5116	51L-754.88	Hồ Chí Minh			
3917	51L-739.35	Hồ Chí Minh	5117	51L-755.28	Hồ Chí Minh			
3918	51L-739.37	Hồ Chí Minh	5118	51L-756.85	Hồ Chí Minh			
3919	51L-740.09	Hồ Chí Minh	5119	51L-758.08	Hồ Chí Minh			
3920	51L-740.15	Hồ Chí Minh	5120	51L-759.77	Hồ Chí Minh			
3921	51L-741.19	Hồ Chí Minh	5121	51L-760.58	Hồ Chí Minh			
3922	51L-743.47	Hồ Chí Minh	5122	51L-763.58	Hồ Chí Minh			
3923	51L-745.98	Hồ Chí Minh	5123	51L-763.63	Hồ Chí Minh			
3924	51L-748.96	Hồ Chí Minh	5124	51L-765.19	Hồ Chí Minh			
3925	51L-750.79	Hồ Chí Minh	5125	51L-766.08	Hồ Chí Minh			
3926	51L-753.83	Hồ Chí Minh	5126	51L-766.95	Hồ Chí Minh			
3927	51L-754.26	Hồ Chí Minh	5127	51L-769.33	Hồ Chí Minh			
3928	51L-764.68	Hồ Chí Minh	5128	51L-772.98	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3929	51L-766.44	Hồ Chí Minh	5129	51L-781.33	Hồ Chí Minh			
3930	51L-768.96	Hồ Chí Minh	5130	51L-782.18	Hồ Chí Minh			
3931	51L-778.06	Hồ Chí Minh	5131	51L-782.77	Hồ Chí Minh			
3932	51L-781.69	Hồ Chí Minh	5132	51L-787.26	Hồ Chí Minh			
3933	51L-785.15	Hồ Chí Minh	5133	51L-788.22	Hồ Chí Minh			
3934	51L-785.85	Hồ Chí Minh	5134	51L-790.97	Hồ Chí Minh			
3935	51L-788.95	Hồ Chí Minh	5135	51L-792.38	Hồ Chí Minh			
3936	51L-792.26	Hồ Chí Minh	5136	51L-795.97	Hồ Chí Minh			
3937	51L-792.39	Hồ Chí Minh	5137	51L-799.68	Hồ Chí Minh			
3938	51L-793.83	Hồ Chí Minh	5138	51L-805.65	Hồ Chí Minh			
3939	51L-795.00	Hồ Chí Minh	5139	51L-806.78	Hồ Chí Minh			
3940	51L-798.08	Hồ Chí Minh	5140	51L-809.06	Hồ Chí Minh			
3941	51L-799.33	Hồ Chí Minh	5141	51L-813.96	Hồ Chí Minh			
3942	51L-802.89	Hồ Chí Minh	5142	51L-814.35	Hồ Chí Minh			
3943	51L-803.16	Hồ Chí Minh	5143	51L-817.26	Hồ Chí Minh			
3944	51L-804.04	Hồ Chí Minh	5144	51L-819.00	Hồ Chí Minh			
3945	51L-804.88	Hồ Chí Minh	5145	51L-819.82	Hồ Chí Minh			
3946	51L-807.36	Hồ Chí Minh	5146	51L-820.56	Hồ Chí Minh			
3947	51L-809.22	Hồ Chí Minh	5147	51L-821.15	Hồ Chí Minh			
3948	51L-809.83	Hồ Chí Minh	5148	51L-823.25	Hồ Chí Minh			
3949	51L-810.65	Hồ Chí Minh	5149	51L-826.78	Hồ Chí Minh			
3950	51L-811.39	Hồ Chí Minh	5150	51L-827.65	Hồ Chí Minh			
3951	51L-812.08	Hồ Chí Minh	5151	51L-829.11	Hồ Chí Minh			
3952	51L-812.28	Hồ Chí Minh	5152	51L-831.79	Hồ Chí Minh			
3953	51L-812.36	Hồ Chí Minh	5153	51L-832.29	Hồ Chí Minh			
3954	51L-812.88	Hồ Chí Minh	5154	51L-834.29	Hồ Chí Minh			
3955	51L-819.36	Hồ Chí Minh	5155	51L-835.11	Hồ Chí Minh			
3956	51L-822.69	Hồ Chí Minh	5156	51L-836.55	Hồ Chí Minh			
3957	51L-824.26	Hồ Chí Minh	5157	51L-836.78	Hồ Chí Minh			
3958	51L-824.98	Hồ Chí Minh	5158	51L-836.96	Hồ Chí Minh			
3959	51L-826.00	Hồ Chí Minh	5159	51L-837.55	Hồ Chí Minh			
3960	51L-827.06	Hồ Chí Minh	5160	51L-841.29	Hồ Chí Minh			
3961	51L-827.86	Hồ Chí Minh	5161	51L-841.97	Hồ Chí Minh			
3962	51L-828.16	Hồ Chí Minh	5162	51L-842.15	Hồ Chí Minh			
3963	51L-831.96	Hồ Chí Minh	5163	51L-842.59	Hồ Chí Minh			
3964	51L-834.38	Hồ Chí Minh	5164	51L-848.00	Hồ Chí Minh			
3965	51L-837.59	Hồ Chí Minh	5165	51L-848.96	Hồ Chí Minh			
3966	51L-837.69	Hồ Chí Minh	5166	51L-852.95	Hồ Chí Minh			
3967	51L-838.29	Hồ Chí Minh	5167	51L-853.95	Hồ Chí Minh			
3968	51L-841.36	Hồ Chí Minh	5168	51L-856.95	Hồ Chí Minh			
3969	51L-841.58	Hồ Chí Minh	5169	51L-862.09	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3970	51L-841.84	Hồ Chí Minh	5170	51L-863.28	Hồ Chí Minh			
3971	51L-844.36	Hồ Chí Minh	5171	51L-863.79	Hồ Chí Minh			
3972	51L-846.19	Hồ Chí Minh	5172	51L-864.22	Hồ Chí Minh			
3973	51L-848.19	Hồ Chí Minh	5173	51L-866.11	Hồ Chí Minh			
3974	51L-851.25	Hồ Chí Minh	5174	51L-872.87	Hồ Chí Minh			
3975	51L-851.39	Hồ Chí Minh	5175	51L-873.18	Hồ Chí Minh			
3976	51L-853.38	Hồ Chí Minh	5176	51L-873.66	Hồ Chí Minh			
3977	51L-865.77	Hồ Chí Minh	5177	51L-874.16	Hồ Chí Minh			
3978	51L-866.50	Hồ Chí Minh	5178	51L-874.79	Hồ Chí Minh			
3979	51L-868.18	Hồ Chí Minh	5179	51L-875.26	Hồ Chí Minh			
3980	51L-868.77	Hồ Chí Minh	5180	51L-882.33	Hồ Chí Minh			
3981	51L-870.28	Hồ Chí Minh	5181	51L-883.16	Hồ Chí Minh			
3982	51L-871.72	Hồ Chí Minh	5182	51L-885.09	Hồ Chí Minh			
3983	51L-872.44	Hồ Chí Minh	5183	51L-886.10	Hồ Chí Minh			
3984	51L-874.59	Hồ Chí Minh	5184	51L-886.24	Hồ Chí Minh			
3985	51L-877.58	Hồ Chí Minh	5185	51L-887.88	Hồ Chí Minh			
3986	51L-878.83	Hồ Chí Minh	5186	51L-888.15	Hồ Chí Minh			
3987	51L-882.15	Hồ Chí Minh	5187	51L-893.44	Hồ Chí Minh			
3988	51L-882.56	Hồ Chí Minh	5188	51L-896.58	Hồ Chí Minh			
3989	51L-883.55	Hồ Chí Minh	5189	11A-132.44	Cao Bằng			
3990	51L-885.36	Hồ Chí Minh	5190	11A-134.11	Cao Bằng			
3991	51L-886.79	Hồ Chí Minh	5191	11C-083.99	Cao Bằng			
3992	51L-889.06	Hồ Chí Minh	5192	12A-252.86	Lạng Sơn			
3993	51L-889.22	Hồ Chí Minh	5193	12A-253.38	Lạng Sơn			
3994	51L-889.83	Hồ Chí Minh	5194	12A-257.16	Lạng Sơn			
3995	51L-890.00	Hồ Chí Minh	5195	12A-257.35	Lạng Sơn			
3996	11A-129.85	Cao Bằng	5196	12A-259.88	Lạng Sơn			
3997	11A-131.44	Cao Bằng	5197	14A-931.86	Quảng Ninh			
3998	11A-132.65	Cao Bằng	5198	14A-934.00	Quảng Ninh			
3999	11A-134.09	Cao Bằng	5199	14A-934.89	Quảng Ninh			
4000	11C-085.55	Cao Bằng	5200	14A-940.40	Quảng Ninh			
4001	12A-255.52	Lạng Sơn	5201	14A-942.96	Quảng Ninh			
4002	12A-259.77	Lạng Sơn	5202	14A-945.89	Quảng Ninh			
4003	12A-260.66	Lạng Sơn	5203	14A-946.44	Quảng Ninh			
4004	14A-930.59	Quảng Ninh	5204	14A-947.98	Quảng Ninh			
4005	14A-931.16	Quảng Ninh	5205	14A-949.65	Quảng Ninh			
4006	14A-934.65	Quảng Ninh	5206	14A-954.09	Quảng Ninh			
4007	14A-942.85	Quảng Ninh	5207	14A-956.29	Quảng Ninh			
4008	14A-943.44	Quảng Ninh	5208	14A-959.11	Quảng Ninh			
4009	14A-944.59	Quảng Ninh	5209	14A-959.77	Quảng Ninh			
4010	14A-946.18	Quảng Ninh	5210	14A-959.85	Quảng Ninh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4011	14A-946.98	Quảng Ninh	5211	14A-960.77	Quảng Ninh			
4012	14A-946.99	Quảng Ninh	5212	14A-960.86	Quảng Ninh			
4013	14A-949.55	Quảng Ninh	5213	14A-962.15	Quảng Ninh			
4014	14A-949.89	Quảng Ninh	5214	14A-976.29	Quảng Ninh			
4015	14A-953.16	Quảng Ninh	5215	14A-980.35	Quảng Ninh			
4016	14A-955.89	Quảng Ninh	5216	14A-980.56	Quảng Ninh			
4017	14A-956.25	Quảng Ninh	5217	14A-984.08	Quảng Ninh			
4018	14A-958.33	Quảng Ninh	5218	14A-986.11	Quảng Ninh			
4019	14A-962.99	Quảng Ninh	5219	14A-988.44	Quảng Ninh			
4020	14A-965.16	Quảng Ninh	5220	15K-340.25	Hải Phòng			
4021	14A-968.44	Quảng Ninh	5221	15K-341.43	Hải Phòng			
4022	14A-968.98	Quảng Ninh	5222	15K-342.11	Hải Phòng			
4023	14A-971.25	Quảng Ninh	5223	15K-343.08	Hải Phòng			
4024	14A-974.44	Quảng Ninh	5224	15K-344.45	Hải Phòng			
4025	14A-975.88	Quảng Ninh	5225	15K-347.68	Hải Phòng			
4026	14A-982.11	Quảng Ninh	5226	15K-352.44	Hải Phòng			
4027	14A-987.15	Quảng Ninh	5227	15K-353.18	Hải Phòng			
4028	14A-987.26	Quảng Ninh	5228	15K-353.25	Hải Phòng			
4029	14A-988.59	Quảng Ninh	5229	15K-354.69	Hải Phòng			
4030	15K-337.55	Hải Phòng	5230	15K-362.86	Hải Phòng			
4031	15K-340.06	Hải Phòng	5231	15K-363.28	Hải Phòng			
4032	15K-342.39	Hải Phòng	5232	15K-367.66	Hải Phòng			
4033	15K-345.26	Hải Phòng	5233	15K-368.59	Hải Phòng			
4034	15K-345.36	Hải Phòng	5234	15K-371.86	Hải Phòng			
4035	15K-346.44	Hải Phòng	5235	15K-373.00	Hải Phòng			
4036	15K-349.33	Hải Phòng	5236	15K-378.97	Hải Phòng			
4037	15K-350.39	Hải Phòng	5237	15K-382.88	Hải Phòng			
4038	15K-354.19	Hải Phòng	5238	15K-385.26	Hải Phòng			
4039	15K-354.33	Hải Phòng	5239	15K-387.18	Hải Phòng			
4040	15K-357.58	Hải Phòng	5240	15K-396.99	Hải Phòng			
4041	15K-359.88	Hải Phòng	5241	15K-397.89	Hải Phòng			
4042	15K-363.44	Hải Phòng	5242	15K-399.44	Hải Phòng			
4043	15K-376.37	Hải Phòng	5243	15K-401.15	Hải Phòng			
4044	15K-378.58	Hải Phòng	5244	15K-403.22	Hải Phòng			
4045	15K-383.84	Hải Phòng	5245	15K-404.18	Hải Phòng			
4046	15K-392.95	Hải Phòng	5246	15K-404.79	Hải Phòng			
4047	15K-394.11	Hải Phòng	5247	15K-405.83	Hải Phòng			
4048	15K-394.36	Hải Phòng	5248	15K-407.19	Hải Phòng			
4049	15K-396.26	Hải Phòng	5249	15K-410.95	Hải Phòng			
4050	15K-401.00	Hải Phòng	5250	15K-411.55	Hải Phòng			
4051	15K-405.39	Hải Phòng	5251	15K-415.18	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4052	15K-405.69	Hải Phòng	5252	15K-415.79	Hải Phòng			
4053	15K-406.79	Hải Phòng	5253	15K-415.86	Hải Phòng			
4054	15K-407.39	Hải Phòng	5254	15K-417.06	Hải Phòng			
4055	15K-412.68	Hải Phòng	5255	15K-418.19	Hải Phòng			
4056	15K-413.79	Hải Phòng	5256	15K-419.33	Hải Phòng			
4057	15K-424.98	Hải Phòng	5257	15K-419.95	Hải Phòng			
4058	17A-474.75	Thái Bình	5258	15K-421.06	Hải Phòng			
4059	17A-478.87	Thái Bình	5259	15K-421.29	Hải Phòng			
4060	17A-481.85	Thái Bình	5260	15K-422.18	Hải Phòng			
4061	17A-483.25	Thái Bình	5261	15K-423.55	Hải Phòng			
4062	17A-484.56	Thái Bình	5262	17A-479.00	Thái Bình			
4063	17A-484.85	Thái Bình	5263	17A-481.28	Thái Bình			
4064	17A-487.19	Thái Bình	5264	17A-481.81	Thái Bình			
4065	17A-490.94	Thái Bình	5265	17A-484.16	Thái Bình			
4066	17A-491.26	Thái Bình	5266	17A-486.25	Thái Bình			
4067	18A-469.46	Nam Định	5267	17A-487.88	Thái Bình			
4068	18A-473.29	Nam Định	5268	17A-490.55	Thái Bình			
4069	18A-480.09	Nam Định	5269	17C-209.69	Thái Bình			
4070	18A-483.55	Nam Định	5270	18A-467.98	Nam Định			
4071	18A-484.79	Nam Định	5271	18A-470.22	Nam Định			
4072	18A-485.65	Nam Định	5272	18A-473.65	Nam Định			
4073	18A-486.09	Nam Định	5273	18A-474.44	Nam Định			
4074	18A-486.36	Nam Định	5274	18A-474.74	Nam Định			
4075	18A-486.61	Nam Định	5275	18A-476.77	Nam Định			
4076	18A-488.25	Nam Định	5276	18A-484.56	Nam Định			
4077	18B-029.39	Nam Định	5277	18A-485.69	Nam Định			
4078	18D-013.69	Nam Định	5278	18A-488.48	Nam Định			
4079	19A-675.56	Phú Thọ	5279	18C-168.99	Nam Định			
4080	19A-678.65	Phú Thọ	5280	19A-677.26	Phú Thọ			
4081	19A-681.77	Phú Thọ	5281	19A-678.75	Phú Thọ			
4082	19A-683.44	Phú Thọ	5282	19A-687.16	Phú Thọ			
4083	19A-684.08	Phú Thọ	5283	19A-693.33	Phú Thọ			
4084	19A-684.96	Phú Thọ	5284	19A-693.69	Phú Thọ			
4085	19A-688.28	Phú Thọ	5285	19A-700.29	Phú Thọ			
4086	19A-688.74	Phú Thọ	5286	19A-701.33	Phú Thọ			
4087	19A-690.25	Phú Thọ	5287	19A-706.78	Phú Thọ			
4088	19A-693.18	Phú Thọ	5288	19A-710.85	Phú Thọ			
4089	19A-693.83	Phú Thọ	5289	19A-711.59	Phú Thọ			
4090	19A-699.06	Phú Thọ	5290	19A-714.22	Phú Thọ			
4091	19A-699.35	Phú Thọ	5291	19B-025.39	Phú Thọ			
4092	19A-699.69	Phú Thọ	5292	19C-251.39	Phú Thọ			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4093	19A-701.18	Phú Thọ	5293	19C-256.79	Phú Thọ			
4094	19A-705.29	Phú Thọ	5294	20A-812.58	Thái Nguyên			
4095	19A-705.77	Phú Thọ	5295	20A-813.33	Thái Nguyên			
4096	19A-707.26	Phú Thọ	5296	20A-817.09	Thái Nguyên			
4097	19A-708.85	Phú Thọ	5297	20A-819.06	Thái Nguyên			
4098	19A-710.16	Phú Thọ	5298	20A-819.81	Thái Nguyên			
4099	19A-712.66	Phú Thọ	5299	20A-820.44	Thái Nguyên			
4100	19A-713.08	Phú Thọ	5300	20A-822.11	Thái Nguyên			
4101	19A-714.96	Phú Thọ	5301	20A-827.79	Thái Nguyên			
4102	19B-026.99	Phú Thọ	5302	20A-830.55	Thái Nguyên			
4103	19C-261.16	Phú Thọ	5303	20A-835.09	Thái Nguyên			
4104	20A-811.55	Thái Nguyên	5304	20A-835.65	Thái Nguyên			
4105	20A-814.26	Thái Nguyên	5305	20A-839.22	Thái Nguyên			
4106	20A-816.58	Thái Nguyên	5306	20A-840.00	Thái Nguyên			
4107	20A-817.56	Thái Nguyên	5307	20A-843.38	Thái Nguyên			
4108	20A-823.00	Thái Nguyên	5308	20A-847.19	Thái Nguyên			
4109	20A-824.15	Thái Nguyên	5309	20A-849.77	Thái Nguyên			
4110	20A-825.44	Thái Nguyên	5310	20A-853.15	Thái Nguyên			
4111	20A-838.09	Thái Nguyên	5311	20A-854.45	Thái Nguyên			
4112	20A-838.36	Thái Nguyên	5312	20C-298.66	Thái Nguyên			
4113	20A-838.58	Thái Nguyên	5313	20D-029.69	Thái Nguyên			
4114	20A-843.85	Thái Nguyên	5314	21A-214.36	Yên Bái			
4115	20A-844.55	Thái Nguyên	5315	21A-217.29	Yên Bái			
4116	20A-844.84	Thái Nguyên	5316	21B-012.79	Yên Bái			
4117	20A-850.15	Thái Nguyên	5317	22A-258.33	Tuyên Quang			
4118	20A-850.18	Thái Nguyên	5318	22A-260.86	Tuyên Quang			
4119	20A-851.88	Thái Nguyên	5319	22A-262.59	Tuyên Quang			
4120	20A-855.54	Thái Nguyên	5320	22A-263.65	Tuyên Quang			
4121	20A-857.65	Thái Nguyên	5321	22A-265.11	Tuyên Quang			
4122	20A-858.00	Thái Nguyên	5322	22C-109.69	Tuyên Quang			
4123	20A-859.77	Thái Nguyên	5323	22C-111.27	Tuyên Quang			
4124	20C-299.22	Thái Nguyên	5324	23A-159.39	Hà Giang			
4125	20D-028.69	Thái Nguyên	5325	23A-162.26	Hà Giang			
4126	21A-213.19	Yên Bái	5326	23A-162.35	Hà Giang			
4127	21A-213.58	Yên Bái	5327	23A-163.11	Hà Giang			
4128	21A-216.19	Yên Bái	5328	23A-163.61	Hà Giang			
4129	21A-216.88	Yên Bái	5329	24A-304.95	Lào Cai			
4130	21A-217.39	Yên Bái	5330	24A-308.09	Lào Cai			
4131	21A-218.98	Yên Bái	5331	24A-312.33	Lào Cai			
4132	21A-219.92	Yên Bái	5332	24A-313.44	Lào Cai			
4133	21A-221.16	Yên Bái	5333	24C-157.68	Lào Cai			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4134	21A-221.26	Yên Bái	5334	24C-159.59	Lào Cai			
4135	21C-109.88	Yên Bái	5335	24C-160.06	Lào Cai			
4136	22A-257.33	Tuyên Quang	5336	25A-081.80	Lai Châu			
4137	22A-261.25	Tuyên Quang	5337	25C-057.66	Lai Châu			
4138	22A-261.58	Tuyên Quang	5338	26A-226.62	Sơn La			
4139	22A-264.19	Tuyên Quang	5339	26A-229.69	Sơn La			
4140	23A-161.38	Hà Giang	5340	26A-230.16	Sơn La			
4141	23A-163.28	Hà Giang	5341	26A-234.99	Sơn La			
4142	24A-304.58	Lào Cai	5342	26B-018.39	Sơn La			
4143	24A-307.11	Lào Cai	5343	26B-018.66	Sơn La			
4144	24A-313.88	Lào Cai	5344	27A-123.08	Điện Biên			
4145	26A-230.79	Sơn La	5345	27A-124.42	Điện Biên			
4146	26A-231.39	Sơn La	5346	27A-124.65	Điện Biên			
4147	26C-161.66	Sơn La	5347	27C-073.33	Điện Biên			
4148	27A-127.26	Điện Biên	5348	28A-249.11	Hòa Bình			
4149	27A-127.79	Điện Biên	5349	28A-251.29	Hòa Bình			
4150	28A-247.59	Hòa Bình	5350	29K-223.65	Hà Nội			
4151	28A-250.26	Hòa Bình	5351	29K-226.89	Hà Nội			
4152	28A-252.65	Hòa Bình	5352	29K-234.11	Hà Nội			
4153	29B-652.22	Hà Nội	5353	29K-237.66	Hà Nội			
4154	29B-652.39	Hà Nội	5354	29K-241.89	Hà Nội			
4155	29D-607.89	Hà Nội	5355	29K-250.65	Hà Nội			
4156	29D-609.69	Hà Nội	5356	29K-254.45	Hà Nội			
4157	29D-619.88	Hà Nội	5357	29K-257.75	Hà Nội			
4158	29K-223.09	Hà Nội	5358	29K-257.79	Hà Nội			
4159	29K-223.28	Hà Nội	5359	29K-262.19	Hà Nội			
4160	29K-225.52	Hà Nội	5360	29K-264.06	Hà Nội			
4161	29K-230.23	Hà Nội	5361	29K-264.64	Hà Nội			
4162	29K-234.38	Hà Nội	5362	29K-266.98	Hà Nội			
4163	29K-236.00	Hà Nội	5363	29K-270.00	Hà Nội			
4164	29K-237.00	Hà Nội	5364	29K-271.72	Hà Nội			
4165	29K-244.15	Hà Nội	5365	29K-276.00	Hà Nội			
4166	29K-244.96	Hà Nội	5366	29K-278.26	Hà Nội			
4167	29K-245.46	Hà Nội	5367	29K-279.66	Hà Nội			
4168	29K-246.00	Hà Nội	5368	29K-280.26	Hà Nội			
4169	29K-248.16	Hà Nội	5369	29K-281.68	Hà Nội			
4170	29K-248.44	Hà Nội	5370	29K-284.38	Hà Nội			
4171	29K-250.19	Hà Nội	5371	29K-285.89	Hà Nội			
4172	29K-250.85	Hà Nội	5372	29K-286.08	Hà Nội			
4173	29K-252.53	Hà Nội	5373	29K-287.28	Hà Nội			
4174	29K-256.08	Hà Nội	5374	29K-287.95	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4175	29K-257.68	Hà Nội	5375	29K-294.56	Hà Nội			
4176	29K-261.00	Hà Nội	5376	29K-295.77	Hà Nội			
4177	29K-261.33	Hà Nội	5377	29K-296.36	Hà Nội			
4178	29K-263.58	Hà Nội	5378	29K-298.25	Hà Nội			
4179	29K-263.79	Hà Nội	5379	29K-307.99	Hà Nội			
4180	29K-265.39	Hà Nội	5380	29K-308.18	Hà Nội			
4181	29K-265.95	Hà Nội	5381	29K-308.56	Hà Nội			
4182	29K-267.82	Hà Nội	5382	29K-312.88	Hà Nội			
4183	29K-268.84	Hà Nội	5383	29K-315.68	Hà Nội			
4184	29K-272.68	Hà Nội	5384	29K-317.16	Hà Nội			
4185	29K-274.06	Hà Nội	5385	29K-319.13	Hà Nội			
4186	29K-274.66	Hà Nội	5386	29K-319.16	Hà Nội			
4187	29K-277.15	Hà Nội	5387	29K-323.56	Hà Nội			
4188	29K-279.35	Hà Nội	5388	29K-324.44	Hà Nội			
4189	29K-282.68	Hà Nội	5389	29K-324.56	Hà Nội			
4190	29K-286.39	Hà Nội	5390	34A-856.98	Hải Dương			
4191	29K-287.38	Hà Nội	5391	34A-858.69	Hải Dương			
4192	29K-289.39	Hà Nội	5392	34A-861.26	Hải Dương			
4193	29K-289.79	Hà Nội	5393	34A-861.29	Hải Dương			
4194	29K-290.36	Hà Nội	5394	34A-863.18	Hải Dương			
4195	29K-290.58	Hà Nội	5395	34A-866.78	Hải Dương			
4196	29K-290.69	Hà Nội	5396	34A-869.58	Hải Dương			
4197	29K-297.92	Hà Nội	5397	34A-870.36	Hải Dương			
4198	29K-300.38	Hà Nội	5398	34A-870.65	Hải Dương			
4199	29K-301.97	Hà Nội	5399	34A-873.26	Hải Dương			
4200	29K-303.85	Hà Nội	5400	34A-876.86	Hải Dương			
4201	29K-312.38	Hà Nội	5401	34A-879.33	Hải Dương			
4202	29K-313.69	Hà Nội	5402	34A-881.99	Hải Dương			
4203	29K-314.44	Hà Nội	5403	34A-882.58	Hải Dương			
4204	29K-317.65	Hà Nội	5404	34A-883.19	Hải Dương			
4205	29K-319.89	Hà Nội	5405	34A-883.79	Hải Dương			
4206	29K-323.28	Hà Nội	5406	34A-888.53	Hải Dương			
4207	34A-866.70	Hải Dương	5407	34A-889.58	Hải Dương			
4208	34A-866.77	Hải Dương	5408	34A-890.99	Hải Dương			
4209	34A-870.00	Hải Dương	5409	34A-895.77	Hải Dương			
4210	34A-872.38	Hải Dương	5410	34A-897.66	Hải Dương			
4211	34A-873.56	Hải Dương	5411	34A-900.56	Hải Dương			
4212	34A-874.56	Hải Dương	5412	34A-902.28	Hải Dương			
4213	34A-876.26	Hải Dương	5413	34A-902.89	Hải Dương			
4214	34A-876.95	Hải Dương	5414	34A-907.86	Hải Dương			
4215	34A-878.39	Hải Dương	5415	34A-911.86	Hải Dương			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4216	34A-881.35	Hải Dương	5416	34A-916.16	Hải Dương			
4217	34A-881.44	Hải Dương	5417	34A-916.26	Hải Dương			
4218	34A-882.66	Hải Dương	5418	35A-445.19	Ninh Bình			
4219	34A-884.11	Hải Dương	5419	35A-445.98	Ninh Bình			
4220	34A-884.98	Hải Dương	5420	35A-448.77	Ninh Bình			
4221	34A-886.32	Hải Dương	5421	35A-450.15	Ninh Bình			
4222	34A-886.59	Hải Dương	5422	35A-451.86	Ninh Bình			
4223	34A-894.08	Hải Dương	5423	35A-453.08	Ninh Bình			
4224	34A-895.98	Hải Dương	5424	35A-454.69	Ninh Bình			
4225	34A-899.25	Hải Dương	5425	35A-456.15	Ninh Bình			
4226	34A-899.64	Hải Dương	5426	35A-456.83	Ninh Bình			
4227	34A-900.19	Hải Dương	5427	36C-509.69	Thanh Hóa			
4228	34A-906.07	Hải Dương	5428	36C-517.69	Thanh Hóa			
4229	34A-906.79	Hải Dương	5429	36C-519.89	Thanh Hóa			
4230	34A-909.35	Hải Dương	5430	36C-523.32	Thanh Hóa			
4231	34A-916.11	Hải Dương	5431	36C-528.99	Thanh Hóa			
4232	34A-916.19	Hải Dương	5432	36D-026.62	Thanh Hóa			
4233	34A-918.25	Hải Dương	5433	36K-137.59	Thanh Hóa			
4234	34A-918.95	Hải Dương	5434	36K-142.77	Thanh Hóa			
4235	34D-036.68	Hải Dương	5435	36K-142.86	Thanh Hóa			
4236	34D-037.86	Hải Dương	5436	36K-144.85	Thanh Hóa			
4237	35A-447.68	Ninh Bình	5437	36K-145.08	Thanh Hóa			
4238	35A-447.89	Ninh Bình	5438	36K-152.99	Thanh Hóa			
4239	35A-449.28	Ninh Bình	5439	36K-153.29	Thanh Hóa			
4240	35A-454.85	Ninh Bình	5440	36K-154.22	Thanh Hóa			
4241	35A-456.55	Ninh Bình	5441	36K-154.25	Thanh Hóa			
4242	35A-459.00	Ninh Bình	5442	36K-156.15	Thanh Hóa			
4243	35A-459.68	Ninh Bình	5443	36K-161.29	Thanh Hóa			
4244	35A-460.26	Ninh Bình	5444	36K-161.99	Thanh Hóa			
4245	35A-461.69	Ninh Bình	5445	36K-164.06	Thanh Hóa			
4246	36C-516.89	Thanh Hóa	5446	36K-164.95	Thanh Hóa			
4247	36K-137.99	Thanh Hóa	5447	36K-166.38	Thanh Hóa			
4248	36K-138.19	Thanh Hóa	5448	36K-167.85	Thanh Hóa			
4249	36K-139.85	Thanh Hóa	5449	36K-175.75	Thanh Hóa			
4250	36K-143.28	Thanh Hóa	5450	36K-176.19	Thanh Hóa			
4251	36K-148.59	Thanh Hóa	5451	36K-177.08	Thanh Hóa			
4252	36K-149.66	Thanh Hóa	5452	36K-179.77	Thanh Hóa			
4253	36K-150.85	Thanh Hóa	5453	36K-180.79	Thanh Hóa			
4254	36K-151.52	Thanh Hóa	5454	36K-186.11	Thanh Hóa			
4255	36K-155.65	Thanh Hóa	5455	36K-186.69	Thanh Hóa			
4256	36K-157.88	Thanh Hóa	5456	36K-189.69	Thanh Hóa			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4257	36K-164.35	Thanh Hóa	5457	36K-190.36	Thanh Hóa			
4258	36K-166.62	Thanh Hóa	5458	36K-191.56	Thanh Hóa			
4259	36K-167.55	Thanh Hóa	5459	36K-192.86	Thanh Hóa			
4260	36K-170.09	Thanh Hóa	5460	36K-193.95	Thanh Hóa			
4261	36K-173.15	Thanh Hóa	5461	36K-194.09	Thanh Hóa			
4262	36K-175.39	Thanh Hóa	5462	36K-194.29	Thanh Hóa			
4263	36K-178.22	Thanh Hóa	5463	36K-196.53	Thanh Hóa			
4264	36K-186.25	Thanh Hóa	5464	36K-196.61	Thanh Hóa			
4265	36K-186.35	Thanh Hóa	5465	36K-197.11	Thanh Hóa			
4266	36K-189.68	Thanh Hóa	5466	36K-197.95	Thanh Hóa			
4267	36K-190.16	Thanh Hóa	5467	36K-198.97	Thanh Hóa			
4268	36K-191.92	Thanh Hóa	5468	36K-200.26	Thanh Hóa			
4269	36K-193.22	Thanh Hóa	5469	36K-205.06	Thanh Hóa			
4270	36K-195.09	Thanh Hóa	5470	36K-205.11	Thanh Hóa			
4271	36K-198.91	Thanh Hóa	5471	36K-205.18	Thanh Hóa			
4272	36K-199.07	Thanh Hóa	5472	36K-205.35	Thanh Hóa			
4273	36K-199.82	Thanh Hóa	5473	36K-206.18	Thanh Hóa			
4274	36K-208.28	Thanh Hóa	5474	36K-208.36	Thanh Hóa			
4275	36K-209.69	Thanh Hóa	5475	36K-209.33	Thanh Hóa			
4276	36K-211.83	Thanh Hóa	5476	36K-211.44	Thanh Hóa			
4277	36K-212.99	Thanh Hóa	5477	36K-215.51	Thanh Hóa			
4278	36K-215.99	Thanh Hóa	5478	36K-216.33	Thanh Hóa			
4279	36K-216.78	Thanh Hóa	5479	36K-217.00	Thanh Hóa			
4280	36K-217.38	Thanh Hóa	5480	36K-220.15	Thanh Hóa			
4281	36K-219.58	Thanh Hóa	5481	36K-222.04	Thanh Hóa			
4282	36K-221.38	Thanh Hóa	5482	36K-222.98	Thanh Hóa			
4283	36K-221.39	Thanh Hóa	5483	36K-224.86	Thanh Hóa			
4284	36K-222.08	Thanh Hóa	5484	36K-227.09	Thanh Hóa			
4285	36K-224.18	Thanh Hóa	5485	36K-228.82	Thanh Hóa			
4286	36K-224.88	Thanh Hóa	5486	36K-228.85	Thanh Hóa			
4287	36K-225.15	Thanh Hóa	5487	37C-565.86	Nghệ An			
4288	37C-557.39	Nghệ An	5488	37C-566.22	Nghệ An			
4289	37K-390.95	Nghệ An	5489	37K-389.19	Nghệ An			
4290	37K-390.96	Nghệ An	5490	37K-391.91	Nghệ An			
4291	37K-396.56	Nghệ An	5491	37K-393.19	Nghệ An			
4292	37K-401.99	Nghệ An	5492	37K-393.95	Nghệ An			
4293	37K-403.65	Nghệ An	5493	37K-395.39	Nghệ An			
4294	37K-404.19	Nghệ An	5494	37K-401.68	Nghệ An			
4295	37K-405.39	Nghệ An	5495	37K-410.25	Nghệ An			
4296	37K-408.11	Nghệ An	5496	37K-412.66	Nghệ An			
4297	37K-411.08	Nghệ An	5497	37K-413.59	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4298	37K-413.88	Nghệ An	5498	37K-414.77	Nghệ An			
4299	37K-416.35	Nghệ An	5499	37K-414.98	Nghệ An			
4300	37K-419.11	Nghệ An	5500	37K-417.17	Nghệ An			
4301	37K-419.73	Nghệ An	5501	37K-419.06	Nghệ An			
4302	37K-420.20	Nghệ An	5502	37K-423.16	Nghệ An			
4303	37K-421.89	Nghệ An	5503	37K-426.56	Nghệ An			
4304	37K-429.33	Nghệ An	5504	37K-428.15	Nghệ An			
4305	37K-430.58	Nghệ An	5505	37K-428.82	Nghệ An			
4306	37K-434.09	Nghệ An	5506	37K-429.86	Nghệ An			
4307	37K-436.19	Nghệ An	5507	37K-434.06	Nghệ An			
4308	37K-445.88	Nghệ An	5508	37K-438.99	Nghệ An			
4309	37K-446.38	Nghệ An	5509	37K-439.83	Nghệ An			
4310	37K-449.39	Nghệ An	5510	37K-446.39	Nghệ An			
4311	37K-450.69	Nghệ An	5511	37K-447.22	Nghệ An			
4312	37K-455.96	Nghệ An	5512	37K-449.15	Nghệ An			
4313	37K-463.16	Nghệ An	5513	37K-450.05	Nghệ An			
4314	37K-467.39	Nghệ An	5514	37K-454.56	Nghệ An			
4315	37K-469.11	Nghệ An	5515	37K-460.39	Nghệ An			
4316	37K-472.39	Nghệ An	5516	37K-460.99	Nghệ An			
4317	37K-474.22	Nghệ An	5517	37K-463.15	Nghệ An			
4318	37K-475.06	Nghệ An	5518	37K-463.99	Nghệ An			
4319	37K-481.38	Nghệ An	5519	37K-474.96	Nghệ An			
4320	37K-481.95	Nghệ An	5520	37K-478.94	Nghệ An			
4321	38A-640.28	Hà Tĩnh	5521	37K-479.68	Nghệ An			
4322	38A-640.95	Hà Tĩnh	5522	37K-479.85	Nghệ An			
4323	38A-648.68	Hà Tĩnh	5523	38A-637.44	Hà Tĩnh			
4324	38A-652.66	Hà Tĩnh	5524	38A-641.41	Hà Tĩnh			
4325	38A-654.28	Hà Tĩnh	5525	38A-644.65	Hà Tĩnh			
4326	38A-655.06	Hà Tĩnh	5526	38A-647.44	Hà Tĩnh			
4327	38A-656.18	Hà Tĩnh	5527	38A-649.08	Hà Tĩnh			
4328	38A-661.96	Hà Tĩnh	5528	38A-654.26	Hà Tĩnh			
4329	38A-663.83	Hà Tĩnh	5529	38A-655.35	Hà Tĩnh			
4330	38A-667.67	Hà Tĩnh	5530	38A-657.57	Hà Tĩnh			
4331	38A-669.22	Hà Tĩnh	5531	38A-658.22	Hà Tĩnh			
4332	38A-671.72	Hà Tĩnh	5532	38A-658.33	Hà Tĩnh			
4333	38A-676.09	Hà Tĩnh	5533	38A-658.95	Hà Tĩnh			
4334	38A-678.53	Hà Tĩnh	5534	38A-663.28	Hà Tĩnh			
4335	38C-235.88	Hà Tĩnh	5535	38A-663.88	Hà Tĩnh			
4336	38C-238.89	Hà Tĩnh	5536	38A-664.65	Hà Tĩnh			
4337	43A-900.28	Đà Nẵng	5537	38A-671.19	Hà Tĩnh			
4338	43A-900.68	Đà Nẵng	5538	38A-671.77	Hà Tĩnh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4339	43A-902.02	Đà Nẵng	5539	38A-672.65	Hà Tĩnh			
4340	43A-906.99	Đà Nẵng	5540	38A-673.73	Hà Tĩnh			
4341	43A-916.09	Đà Nẵng	5541	38C-238.38	Hà Tĩnh			
4342	43A-918.66	Đà Nẵng	5542	43A-900.33	Đà Nẵng			
4343	43A-919.66	Đà Nẵng	5543	43A-901.28	Đà Nẵng			
4344	43A-924.16	Đà Nẵng	5544	43A-906.00	Đà Nẵng			
4345	43A-926.06	Đà Nẵng	5545	43A-918.09	Đà Nẵng			
4346	43A-930.22	Đà Nẵng	5546	43A-919.61	Đà Nẵng			
4347	43A-931.33	Đà Nẵng	5547	43A-925.35	Đà Nẵng			
4348	43A-932.55	Đà Nẵng	5548	43A-927.65	Đà Nẵng			
4349	43A-941.79	Đà Nẵng	5549	43A-928.16	Đà Nẵng			
4350	43C-309.86	Đà Nẵng	5550	43A-928.95	Đà Nẵng			
4351	43C-312.12	Đà Nẵng	5551	43B-061.69	Đà Nẵng			
4352	43D-011.79	Đà Nẵng	5552	43C-312.89	Đà Nẵng			
4353	47A-762.59	Đắk Lắk	5553	47A-763.08	Đắk Lắk			
4354	47A-763.99	Đắk Lắk	5554	47A-766.09	Đắk Lắk			
4355	47A-764.89	Đắk Lắk	5555	47A-766.63	Đắk Lắk			
4356	47A-767.19	Đắk Lắk	5556	47A-768.09	Đắk Lắk			
4357	47A-774.16	Đắk Lắk	5557	47A-768.58	Đắk Lắk			
4358	47A-774.26	Đắk Lắk	5558	47A-769.65	Đắk Lắk			
4359	47A-774.65	Đắk Lắk	5559	47A-771.08	Đắk Lắk			
4360	47A-779.38	Đắk Lắk	5560	47A-773.33	Đắk Lắk			
4361	47A-779.97	Đắk Lắk	5561	47A-775.89	Đắk Lắk			
4362	47A-780.79	Đắk Lắk	5562	47A-777.57	Đắk Lắk			
4363	47A-780.81	Đắk Lắk	5563	47A-778.77	Đắk Lắk			
4364	47A-782.59	Đắk Lắk	5564	47A-780.98	Đắk Lắk			
4365	47A-785.18	Đắk Lắk	5565	47A-781.69	Đắk Lắk			
4366	47A-785.59	Đắk Lắk	5566	47A-783.65	Đắk Lắk			
4367	47A-787.68	Đắk Lắk	5567	47A-786.67	Đắk Lắk			
4368	47A-789.07	Đắk Lắk	5568	47A-787.56	Đắk Lắk			
4369	47A-789.43	Đắk Lắk	5569	47A-788.44	Đắk Lắk			
4370	47A-789.97	Đắk Lắk	5570	47A-788.67	Đắk Lắk			
4371	47A-790.89	Đắk Lắk	5571	47A-789.66	Đắk Lắk			
4372	47A-791.99	Đắk Lắk	5572	47A-792.35	Đắk Lắk			
4373	47A-792.92	Đắk Lắk	5573	47A-793.35	Đắk Lắk			
4374	47A-793.88	Đắk Lắk	5574	47A-800.35	Đắk Lắk			
4375	47A-796.29	Đắk Lắk	5575	47A-802.95	Đắk Lắk			
4376	47A-799.25	Đắk Lắk	5576	47A-803.59	Đắk Lắk			
4377	47A-800.28	Đắk Lắk	5577	47A-809.77	Đắk Lắk			
4378	47A-803.22	Đắk Lắk	5578	47A-810.65	Đắk Lắk			
4379	47A-804.83	Đắk Lắk	5579	47A-812.28	Đắk Lắk			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4380	47A-805.25	Đắk Lắk	5580	47C-393.86	Đắk Lắk			
4381	47A-810.19	Đắk Lắk	5581	48A-237.22	Đắk Nông			
4382	47A-810.89	Đắk Lắk	5582	48A-240.38	Đắk Nông			
4383	47B-039.66	Đắk Lắk	5583	48A-240.69	Đắk Nông			
4384	47D-017.69	Đắk Lắk	5584	48A-247.00	Đắk Nông			
4385	48A-240.77	Đắk Nông	5585	48A-247.85	Đắk Nông			
4386	48A-242.79	Đắk Nông	5586	49A-710.28	Lâm Đồng			
4387	48A-243.38	Đắk Nông	5587	49A-717.28	Lâm Đồng			
4388	48A-243.96	Đắk Nông	5588	49A-718.68	Lâm Đồng			
4389	48A-244.95	Đắk Nông	5589	49A-721.00	Lâm Đồng			
4390	48A-247.74	Đắk Nông	5590	49A-721.27	Lâm Đồng			
4391	48B-012.79	Đắk Nông	5591	49A-724.33	Lâm Đồng			
4392	49A-709.70	Lâm Đồng	5592	49A-724.42	Lâm Đồng			
4393	49A-710.69	Lâm Đồng	5593	49A-726.11	Lâm Đồng			
4394	49A-710.99	Lâm Đồng	5594	49A-726.36	Lâm Đồng			
4395	49A-711.36	Lâm Đồng	5595	49A-732.25	Lâm Đồng			
4396	49A-717.71	Lâm Đồng	5596	49A-732.37	Lâm Đồng			
4397	49A-718.79	Lâm Đồng	5597	49A-734.65	Lâm Đồng			
4398	49A-723.28	Lâm Đồng	5598	49A-736.28	Lâm Đồng			
4399	49A-724.44	Lâm Đồng	5599	49A-737.66	Lâm Đồng			
4400	49A-725.08	Lâm Đồng	5600	49A-743.36	Lâm Đồng			
4401	49A-731.66	Lâm Đồng	5601	49A-743.43	Lâm Đồng			
4402	49A-732.83	Lâm Đồng	5602	49A-745.45	Lâm Đồng			
4403	49A-741.29	Lâm Đồng	5603	49C-373.37	Lâm Đồng			
4404	49A-742.79	Lâm Đồng	5604	49D-013.66	Lâm Đồng			
4405	49A-743.16	Lâm Đồng	5605	51B-516.39	Hồ Chí Minh			
4406	49A-745.11	Lâm Đồng	5606	51D-857.79	Hồ Chí Minh			
4407	49A-745.26	Lâm Đồng	5607	51D-857.88	Hồ Chí Minh			
4408	49A-745.77	Lâm Đồng	5608	51D-862.99	Hồ Chí Minh			
4409	49B-029.86	Lâm Đồng	5609	51D-865.88	Hồ Chí Minh			
4410	49C-372.68	Lâm Đồng	5610	51D-871.68	Hồ Chí Minh			
4411	51B-515.79	Hồ Chí Minh	5611	51D-873.89	Hồ Chí Minh			
4412	51B-603.79	Hồ Chí Minh	5612	51D-877.66	Hồ Chí Minh			
4413	51D-827.68	Hồ Chí Minh	5613	51D-882.69	Hồ Chí Minh			
4414	51E-323.79	Hồ Chí Minh	5614	51M-009.88	Hồ Chí Minh			
4415	51E-325.52	Hồ Chí Minh	5615	51M-015.99	Hồ Chí Minh			
4416	51E-333.89	Hồ Chí Minh	5616	51M-017.01	Hồ Chí Minh			
4417	51M-008.77	Hồ Chí Minh	5617	51M-018.33	Hồ Chí Minh			
4418	51M-009.38	Hồ Chí Minh	5618	51M-020.77	Hồ Chí Minh			
4419	51M-011.96	Hồ Chí Minh	5619	51M-021.12	Hồ Chí Minh			
4420	51M-021.11	Hồ Chí Minh	5620	51M-022.02	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4421	51M-024.33	Hồ Chí Minh	5621	51M-024.77	Hồ Chí Minh			
4422	51M-025.28	Hồ Chí Minh	5622	51M-028.36	Hồ Chí Minh			
4423	51M-025.96	Hồ Chí Minh	5623	51M-028.55	Hồ Chí Minh			
4424	51M-030.00	Hồ Chí Minh	5624	51M-030.55	Hồ Chí Minh			
4425	51M-032.11	Hồ Chí Minh	5625	51M-032.86	Hồ Chí Minh			
4426	51M-032.77	Hồ Chí Minh	5626	51M-033.16	Hồ Chí Minh			
4427	51M-033.34	Hồ Chí Minh	5627	51M-037.29	Hồ Chí Minh			
4428	51M-038.89	Hồ Chí Minh	5628	51M-039.15	Hồ Chí Minh			
4429	51M-040.15	Hồ Chí Minh	5629	51M-047.68	Hồ Chí Minh			
4430	51M-040.18	Hồ Chí Minh	5630	51M-051.09	Hồ Chí Minh			
4431	51M-042.56	Hồ Chí Minh	5631	60C-735.79	Đồng Nai			
4432	51M-044.99	Hồ Chí Minh	5632	60C-737.68	Đồng Nai			
4433	51M-049.11	Hồ Chí Minh	5633	60C-738.66	Đồng Nai			
4434	51M-049.19	Hồ Chí Minh	5634	60K-550.26	Đồng Nai			
4435	51M-051.28	Hồ Chí Minh	5635	60K-550.95	Đồng Nai			
4436	60K-545.29	Đồng Nai	5636	60K-555.40	Đồng Nai			
4437	60K-546.19	Đồng Nai	5637	60K-556.77	Đồng Nai			
4438	60K-553.26	Đồng Nai	5638	60K-557.89	Đồng Nai			
4439	60K-556.18	Đồng Nai	5639	60K-558.00	Đồng Nai			
4440	60K-558.55	Đồng Nai	5640	60K-560.33	Đồng Nai			
4441	60K-560.68	Đồng Nai	5641	60K-562.00	Đồng Nai			
4442	60K-564.06	Đồng Nai	5642	60K-562.68	Đồng Nai			
4443	60K-564.38	Đồng Nai	5643	60K-566.98	Đồng Nai			
4444	60K-568.35	Đồng Nai	5644	60K-578.26	Đồng Nai			
4445	60K-572.99	Đồng Nai	5645	60K-578.56	Đồng Nai			
4446	60K-575.08	Đồng Nai	5646	60K-578.68	Đồng Nai			
4447	60K-578.98	Đồng Nai	5647	60K-584.83	Đồng Nai			
4448	60K-579.68	Đồng Nai	5648	60K-591.66	Đồng Nai			
4449	60K-579.96	Đồng Nai	5649	60K-592.19	Đồng Nai			
4450	60K-582.68	Đồng Nai	5650	60K-594.11	Đồng Nai			
4451	60K-584.15	Đồng Nai	5651	60K-598.11	Đồng Nai			
4452	60K-585.36	Đồng Nai	5652	60K-599.08	Đồng Nai			
4453	60K-585.58	Đồng Nai	5653	60K-599.93	Đồng Nai			
4454	60K-601.86	Đồng Nai	5654	60K-601.25	Đồng Nai			
4455	60K-602.09	Đồng Nai	5655	60K-603.08	Đồng Nai			
4456	60K-607.59	Đồng Nai	5656	60K-604.79	Đồng Nai			
4457	60K-609.36	Đồng Nai	5657	60K-611.15	Đồng Nai			
4458	60K-611.19	Đồng Nai	5658	60K-611.68	Đồng Nai			
4459	60K-611.77	Đồng Nai	5659	60K-613.66	Đồng Nai			
4460	61C-596.86	Bình Dương	5660	60K-614.09	Đồng Nai			
4461	61C-596.89	Bình Dương	5661	60K-616.56	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4462	61C-599.79	Bình Dương	5662	61C-609.66	Bình Dương			
4463	61C-607.88	Bình Dương	5663	61K-442.06	Bình Dương			
4464	61K-441.97	Bình Dương	5664	61K-442.66	Bình Dương			
4465	61K-447.66	Bình Dương	5665	61K-444.24	Bình Dương			
4466	61K-449.98	Bình Dương	5666	61K-445.16	Bình Dương			
4467	61K-450.56	Bình Dương	5667	61K-445.22	Bình Dương			
4468	61K-451.18	Bình Dương	5668	61K-448.38	Bình Dương			
4469	61K-452.44	Bình Dương	5669	61K-449.55	Bình Dương			
4470	61K-455.99	Bình Dương	5670	61K-452.55	Bình Dương			
4471	61K-458.79	Bình Dương	5671	61K-454.25	Bình Dương			
4472	61K-459.85	Bình Dương	5672	61K-460.11	Bình Dương			
4473	61K-460.61	Bình Dương	5673	61K-460.22	Bình Dương			
4474	61K-460.69	Bình Dương	5674	61K-462.25	Bình Dương			
4475	61K-461.83	Bình Dương	5675	61K-462.46	Bình Dương			
4476	61K-465.25	Bình Dương	5676	61K-462.63	Bình Dương			
4477	61K-468.16	Bình Dương	5677	61K-467.79	Bình Dương			
4478	61K-468.98	Bình Dương	5678	61K-472.39	Bình Dương			
4479	61K-469.59	Bình Dương	5679	61K-473.68	Bình Dương			
4480	61K-471.06	Bình Dương	5680	61K-474.35	Bình Dương			
4481	61K-472.79	Bình Dương	5681	61K-476.00	Bình Dương			
4482	61K-479.47	Bình Dương	5682	61K-476.98	Bình Dương			
4483	61K-480.18	Bình Dương	5683	61K-480.68	Bình Dương			
4484	61K-487.68	Bình Dương	5684	61K-480.80	Bình Dương			
4485	61K-491.22	Bình Dương	5685	61K-480.83	Bình Dương			
4486	61K-492.28	Bình Dương	5686	61K-483.28	Bình Dương			
4487	61K-494.99	Bình Dương	5687	61K-484.25	Bình Dương			
4488	61K-497.08	Bình Dương	5688	61K-486.77	Bình Dương			
4489	61K-499.18	Bình Dương	5689	61K-489.83	Bình Dương			
4490	61K-499.26	Bình Dương	5690	61K-491.29	Bình Dương			
4491	61K-499.67	Bình Dương	5691	61K-493.95	Bình Dương			
4492	61K-499.83	Bình Dương	5692	61K-501.83	Bình Dương			
4493	61K-504.95	Bình Dương	5693	61K-504.86	Bình Dương			
4494	61K-505.66	Bình Dương	5694	61K-506.50	Bình Dương			
4495	61K-507.22	Bình Dương	5695	61K-510.38	Bình Dương			
4496	61K-514.85	Bình Dương	5696	61K-511.18	Bình Dương			
4497	61K-515.68	Bình Dương	5697	61K-512.15	Bình Dương			
4498	61K-518.77	Bình Dương	5698	61K-513.96	Bình Dương			
4499	62A-457.33	Long An	5699	61K-515.18	Bình Dương			
4500	62A-459.28	Long An	5700	61K-517.55	Bình Dương			
4501	62A-461.64	Long An	5701	61K-517.69	Bình Dương			
4502	62A-463.11	Long An	5702	61K-518.16	Bình Dương			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4503	62A-467.00	Long An	5703	62A-452.96	Long An			
4504	62A-467.85	Long An	5704	62A-456.45	Long An			
4505	63A-311.39	Tiền Giang	5705	62A-457.35	Long An			
4506	63A-314.68	Tiền Giang	5706	62A-460.88	Long An			
4507	63A-318.58	Tiền Giang	5707	62A-461.22	Long An			
4508	63A-319.74	Tiền Giang	5708	62A-461.99	Long An			
4509	63A-322.59	Tiền Giang	5709	62A-466.06	Long An			
4510	63A-322.96	Tiền Giang	5710	62A-468.09	Long An			
4511	63A-324.23	Tiền Giang	5711	62C-211.79	Long An			
4512	64A-195.16	Vĩnh Long	5712	62C-213.79	Long An			
4513	64A-196.20	Vĩnh Long	5713	63A-308.83	Tiền Giang			
4514	64A-198.18	Vĩnh Long	5714	63A-309.55	Tiền Giang			
4515	64A-198.57	Vĩnh Long	5715	63A-312.28	Tiền Giang			
4516	64A-202.65	Vĩnh Long	5716	63A-317.85	Tiền Giang			
4517	64A-202.96	Vĩnh Long	5717	63A-318.15	Tiền Giang			
4518	64C-122.99	Vĩnh Long	5718	63A-319.83	Tiền Giang			
4519	65A-495.36	Cần Thơ	5719	63A-319.85	Tiền Giang			
4520	65A-495.66	Cần Thơ	5720	63A-323.38	Tiền Giang			
4521	65A-497.33	Cần Thơ	5721	63C-223.66	Tiền Giang			
4522	65A-501.26	Cần Thơ	5722	64A-195.99	Vĩnh Long			
4523	65A-502.11	Cần Thơ	5723	64A-197.04	Vĩnh Long			
4524	65A-504.08	Cần Thơ	5724	64A-197.48	Vĩnh Long			
4525	65A-507.66	Cần Thơ	5725	64A-197.82	Vĩnh Long			
4526	65A-509.18	Cần Thơ	5726	64A-198.81	Vĩnh Long			
4527	65A-512.55	Cần Thơ	5727	64A-198.82	Vĩnh Long			
4528	65A-513.26	Cần Thơ	5728	64A-199.56	Vĩnh Long			
4529	65C-238.39	Cần Thơ	5729	64A-199.85	Vĩnh Long			
4530	66A-289.11	Đồng Tháp	5730	64A-201.68	Vĩnh Long			
4531	66A-289.79	Đồng Tháp	5731	64A-203.35	Vĩnh Long			
4532	66A-291.66	Đồng Tháp	5732	64C-123.86	Vĩnh Long			
4533	66A-292.58	Đồng Tháp	5733	65A-504.85	Cần Thơ			
4534	66A-299.77	Đồng Tháp	5734	65A-509.98	Cần Thơ			
4535	66A-300.22	Đồng Tháp	5735	65B-022.99	Cần Thơ			
4536	66A-300.28	Đồng Tháp	5736	65C-231.66	Cần Thơ			
4537	66A-300.56	Đồng Tháp	5737	65C-231.86	Cần Thơ			
4538	66A-301.15	Đồng Tháp	5738	65C-233.22	Cần Thơ			
4539	66A-301.56	Đồng Tháp	5739	66A-290.96	Đồng Tháp			
4540	66B-022.69	Đồng Tháp	5740	66A-296.36	Đồng Tháp			
4541	67A-314.55	An Giang	5741	67A-316.78	An Giang			
4542	67A-314.58	An Giang	5742	67A-317.22	An Giang			
4543	67A-317.71	An Giang	5743	67A-317.26	An Giang			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4544	67A-318.00	An Giang	5744	67A-326.58	An Giang			
4545	67A-318.25	An Giang	5745	67A-328.08	An Giang			
4546	67A-319.25	An Giang	5746	67C-185.89	An Giang			
4547	67A-319.83	An Giang	5747	66A-288.28	Đồng Tháp			
4548	67A-319.94	An Giang	5748	68A-353.66	Kiên Giang			
4549	67A-320.55	An Giang	5749	68A-354.56	Kiên Giang			
4550	67A-321.29	An Giang	5750	68A-355.19	Kiên Giang			
4551	67A-324.26	An Giang	5751	68A-356.29	Kiên Giang			
4552	67A-324.59	An Giang	5752	68A-364.98	Kiên Giang			
4553	67A-326.69	An Giang	5753	69A-162.69	Cà Mau			
4554	67A-328.55	An Giang	5754	69A-165.09	Cà Mau			
4555	68A-357.95	Kiên Giang	5755	69A-165.85	Cà Mau			
4556	69A-164.69	Cà Mau	5756	69A-167.33	Cà Mau			
4557	69A-167.22	Cà Mau	5757	69A-167.88	Cà Mau			
4558	70A-558.98	Tây Ninh	5758	69A-168.58	Cà Mau			
4559	70A-561.35	Tây Ninh	5759	70A-556.11	Tây Ninh			
4560	70A-568.81	Tây Ninh	5760	70A-559.35	Tây Ninh			
4561	70A-569.38	Tây Ninh	5761	70A-559.77	Tây Ninh			
4562	70A-569.85	Tây Ninh	5762	70A-564.16	Tây Ninh			
4563	70A-570.83	Tây Ninh	5763	70A-566.78	Tây Ninh			
4564	70A-571.18	Tây Ninh	5764	70A-573.77	Tây Ninh			
4565	70A-574.08	Tây Ninh	5765	70A-574.15	Tây Ninh			
4566	70A-574.66	Tây Ninh	5766	70A-576.44	Tây Ninh			
4567	70A-577.22	Tây Ninh	5767	70A-576.96	Tây Ninh			
4568	70A-580.25	Tây Ninh	5768	70A-579.08	Tây Ninh			
4569	70A-581.39	Tây Ninh	5769	70C-212.22	Tây Ninh			
4570	71A-206.22	Bến Tre	5770	71A-202.85	Bến Tre			
4571	71B-019.86	Bến Tre	5771	71A-204.40	Bến Tre			
4572	71C-132.32	Bến Tre	5772	71A-204.59	Bến Tre			
4573	72A-811.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	5773	71A-207.09	Bến Tre			
4574	72A-811.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	5774	71C-131.68	Bến Tre			
4575	72A-816.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	5775	72A-804.98	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4576	72A-817.71	Bà Rịa - Vũng Tàu	5776	72A-805.50	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4577	72A-817.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	5777	72A-806.80	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4578	72A-818.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	5778	72A-806.89	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4579	72A-819.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	5779	72A-808.09	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4580	72A-830.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	5780	72A-808.38	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4581	72A-831.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	5781	72A-809.80	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4582	72A-832.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	5782	72A-809.98	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4583	72A-833.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	5783	72A-813.13	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4584	72A-835.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	5784	72A-814.69	Bà Rịa - Vũng Tàu			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4585	72A-835.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	5785	72A-815.98	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4586	72A-837.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	5786	72A-818.81	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4587	72A-838.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	5787	72A-820.77	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4588	73A-359.15	Quảng Bình	5788	72A-824.98	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4589	73A-362.79	Quảng Bình	5789	72A-833.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4590	73A-365.08	Quảng Bình	5790	72A-834.06	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4591	73A-366.38	Quảng Bình	5791	72A-838.26	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4592	73A-368.81	Quảng Bình	5792	72C-238.99	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4593	73A-368.83	Quảng Bình	5793	73A-358.59	Quảng Bình			
4594	73A-369.08	Quảng Bình	5794	73A-361.69	Quảng Bình			
4595	73B-013.86	Quảng Bình	5795	73A-365.68	Quảng Bình			
4596	74A-273.26	Quảng Trị	5796	73A-366.79	Quảng Bình			
4597	74A-273.44	Quảng Trị	5797	74A-268.36	Quảng Trị			
4598	74A-273.68	Quảng Trị	5798	74A-268.58	Quảng Trị			
4599	74A-274.74	Quảng Trị	5799	74A-268.65	Quảng Trị			
4600	74C-136.88	Quảng Trị	5800	74A-273.88	Quảng Trị			
4601	75A-372.15	Thừa Thiên Huế	5801	74A-273.89	Quảng Trị			
4602	75A-376.29	Thừa Thiên Huế	5802	74B-015.39	Quảng Trị			
4603	75A-376.95	Thừa Thiên Huế	5803	75A-374.11	Thừa Thiên Huế			
4604	75A-377.55	Thừa Thiên Huế	5804	75A-379.59	Thừa Thiên Huế			
4605	75A-378.19	Thừa Thiên Huế	5805	75A-384.55	Thừa Thiên Huế			
4606	75A-383.56	Thừa Thiên Huế	5806	75A-385.66	Thừa Thiên Huế			
4607	75A-383.96	Thừa Thiên Huế	5807	75A-387.44	Thừa Thiên Huế			
4608	75C-156.68	Thừa Thiên Huế	5808	76A-312.95	Quảng Ngãi			
4609	76A-314.31	Quảng Ngãi	5809	76A-315.58	Quảng Ngãi			
4610	76A-315.86	Quảng Ngãi	5810	76A-319.25	Quảng Ngãi			
4611	76A-316.29	Quảng Ngãi	5811	76A-320.21	Quảng Ngãi			
4612	76A-317.09	Quảng Ngãi	5812	76A-320.56	Quảng Ngãi			
4613	76A-317.35	Quảng Ngãi	5813	76A-321.26	Quảng Ngãi			
4614	76B-026.68	Quảng Ngãi	5814	76A-321.39	Quảng Ngãi			
4615	77A-344.39	Bình Định	5815	76A-322.83	Quảng Ngãi			
4616	77A-344.58	Bình Định	5816	76A-323.16	Quảng Ngãi			
4617	77A-346.69	Bình Định	5817	76D-011.55	Quảng Ngãi			
4618	77A-348.25	Bình Định	5818	77A-347.28	Bình Định			
4619	77A-349.33	Bình Định	5819	77C-256.68	Bình Định			
4620	77A-351.58	Bình Định	5820	77C-257.86	Bình Định			
4621	78A-207.09	Phú Yên	5821	79A-543.98	Khánh Hòa			
4622	78A-210.06	Phú Yên	5822	79A-546.09	Khánh Hòa			
4623	78A-214.44	Phú Yên	5823	79A-550.56	Khánh Hòa			
4624	78B-016.99	Phú Yên	5824	79A-558.28	Khánh Hòa			
4625	78C-123.39	Phú Yên	5825	79A-559.29	Khánh Hòa			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4626	79A-548.00	Khánh Hòa	5826	79A-559.68	Khánh Hòa			
4627	79A-548.44	Khánh Hòa	5827	79A-559.95	Khánh Hòa			
4628	79A-550.11	Khánh Hòa	5828	79A-560.99	Khánh Hòa			
4629	79A-554.54	Khánh Hòa	5829	79A-562.86	Khánh Hòa			
4630	79A-555.29	Khánh Hòa	5830	79A-564.58	Khánh Hòa			
4631	79A-562.18	Khánh Hòa	5831	79A-567.38	Khánh Hòa			
4632	79C-222.56	Khánh Hòa	5832	79A-568.11	Khánh Hòa			
4633	79C-222.86	Khánh Hòa	5833	79C-222.38	Khánh Hòa			
4634	81A-425.56	Gia Lai	5834	79C-222.68	Khánh Hòa			
4635	81A-425.95	Gia Lai	5835	81A-428.36	Gia Lai			
4636	81A-428.09	Gia Lai	5836	81A-428.69	Gia Lai			
4637	81A-436.36	Gia Lai	5837	81A-428.82	Gia Lai			
4638	81A-437.09	Gia Lai	5838	81A-429.98	Gia Lai			
4639	81A-442.43	Gia Lai	5839	81A-430.30	Gia Lai			
4640	81A-447.38	Gia Lai	5840	81A-433.85	Gia Lai			
4641	81A-449.16	Gia Lai	5841	81A-436.28	Gia Lai			
4642	81A-451.33	Gia Lai	5842	81A-437.00	Gia Lai			
4643	82A-153.16	Kon Tum	5843	81A-437.37	Gia Lai			
4644	84A-141.68	Trà Vinh	5844	81A-437.96	Gia Lai			
4645	85A-141.97	Ninh Thuận	5845	81A-439.88	Gia Lai			
4646	85A-143.22	Ninh Thuận	5846	81A-440.96	Gia Lai			
4647	85A-143.29	Ninh Thuận	5847	81A-445.38	Gia Lai			
4648	85A-145.88	Ninh Thuận	5848	81C-276.99	Gia Lai			
4649	86A-308.58	Bình Thuận	5849	81D-012.22	Gia Lai			
4650	86A-309.55	Bình Thuận	5850	82A-153.28	Kon Tum			
4651	86A-310.95	Bình Thuận	5851	82A-155.51	Kon Tum			
4652	86A-311.68	Bình Thuận	5852	82A-155.69	Kon Tum			
4653	86A-313.29	Bình Thuận	5853	82A-156.18	Kon Tum			
4654	86A-313.38	Bình Thuận	5854	82B-019.66	Kon Tum			
4655	86A-318.99	Bình Thuận	5855	83A-188.60	Sóc Trăng			
4656	86B-022.99	Bình Thuận	5856	83A-189.00	Sóc Trăng			
4657	88A-745.44	Vĩnh Phúc	5857	83A-191.88	Sóc Trăng			
4658	88A-747.06	Vĩnh Phúc	5858	84A-141.98	Trà Vinh			
4659	88A-754.86	Vĩnh Phúc	5859	84A-142.26	Trà Vinh			
4660	88A-755.99	Vĩnh Phúc	5860	84A-143.44	Trà Vinh			
4661	88A-768.09	Vĩnh Phúc	5861	84A-143.83	Trà Vinh			
4662	88A-768.25	Vĩnh Phúc	5862	84A-146.68	Trà Vinh			
4663	88A-768.84	Vĩnh Phúc	5863	84B-018.79	Trà Vinh			
4664	88A-772.22	Vĩnh Phúc	5864	84C-123.99	Trà Vinh			
4665	88A-774.89	Vĩnh Phúc	5865	85A-142.96	Ninh Thuận			
4666	88A-775.11	Vĩnh Phúc	5866	85B-013.79	Ninh Thuận			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4667	88A-777.24	Vĩnh Phúc	5867	85C-083.68	Ninh Thuận			
4668	88A-778.87	Vĩnh Phúc	5868	86A-310.29	Bình Thuận			
4669	88A-780.29	Vĩnh Phúc	5869	86A-313.59	Bình Thuận			
4670	88A-781.28	Vĩnh Phúc	5870	86A-315.00	Bình Thuận			
4671	88A-781.68	Vĩnh Phúc	5871	86A-315.36	Bình Thuận			
4672	88C-296.88	Vĩnh Phúc	5872	86A-315.39	Bình Thuận			
4673	88C-298.68	Vĩnh Phúc	5873	86A-319.56	Bình Thuận			
4674	88C-303.03	Vĩnh Phúc	5874	86B-021.69	Bình Thuận			
4675	88C-303.66	Vĩnh Phúc	5875	86C-206.86	Bình Thuận			
4676	88C-303.99	Vĩnh Phúc	5876	88A-753.88	Vĩnh Phúc			
4677	88D-019.19	Vĩnh Phúc	5877	88A-755.53	Vĩnh Phúc			
4678	89A-500.18	Hưng Yên	5878	88A-756.19	Vĩnh Phúc			
4679	89A-502.69	Hưng Yên	5879	88A-759.19	Vĩnh Phúc			
4680	89A-503.00	Hưng Yên	5880	88A-761.29	Vĩnh Phúc			
4681	89A-507.11	Hưng Yên	5881	88A-766.22	Vĩnh Phúc			
4682	89A-507.36	Hưng Yên	5882	88A-767.00	Vĩnh Phúc			
4683	89A-507.38	Hưng Yên	5883	88A-768.56	Vĩnh Phúc			
4684	89A-510.56	Hưng Yên	5884	88A-771.29	Vĩnh Phúc			
4685	89A-516.65	Hưng Yên	5885	88A-771.88	Vĩnh Phúc			
4686	89A-518.79	Hưng Yên	5886	88A-773.85	Vĩnh Phúc			
4687	89A-519.72	Hưng Yên	5887	88A-784.83	Vĩnh Phúc			
4688	89A-519.98	Hưng Yên	5888	88A-784.86	Vĩnh Phúc			
4689	89A-522.59	Hưng Yên	5889	88A-785.85	Vĩnh Phúc			
4690	89A-528.82	Hưng Yên	5890	88A-785.96	Vĩnh Phúc			
4691	89A-529.55	Hưng Yên	5891	88A-786.69	Vĩnh Phúc			
4692	89A-531.08	Hưng Yên	5892	88C-296.39	Vĩnh Phúc			
4693	89A-531.16	Hưng Yên	5893	88C-302.68	Vĩnh Phúc			
4694	89A-531.26	Hưng Yên	5894	88C-302.88	Vĩnh Phúc			
4695	89C-333.59	Hưng Yên	5895	88C-305.55	Vĩnh Phúc			
4696	89C-335.88	Hưng Yên	5896	89A-498.69	Hưng Yên			
4697	89C-337.77	Hưng Yên	5897	89A-500.15	Hưng Yên			
4698	90A-273.99	Hà Nam	5898	89A-501.77	Hưng Yên			
4699	90A-274.75	Hà Nam	5899	89A-502.22	Hưng Yên			
4700	90A-275.11	Hà Nam	5900	89A-502.29	Hưng Yên			
4701	90A-275.89	Hà Nam	5901	89A-504.77	Hưng Yên			
4702	90A-276.16	Hà Nam	5902	89A-507.56	Hưng Yên			
4703	90A-280.26	Hà Nam	5903	89A-507.96	Hưng Yên			
4704	90A-280.95	Hà Nam	5904	89A-511.69	Hưng Yên			
4705	90A-284.26	Hà Nam	5905	89A-513.35	Hưng Yên			
4706	90A-284.39	Hà Nam	5906	89A-514.86	Hưng Yên			
4707	90A-284.55	Hà Nam	5907	89A-515.77	Hưng Yên			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4708	90A-284.68	Hà Nam	5908	89A-518.58	Hưng Yên			
4709	90C-152.99	Hà Nam	5909	89A-519.90	Hưng Yên			
4710	92A-419.90	Quảng Nam	5910	89A-523.00	Hưng Yên			
4711	92A-421.00	Quảng Nam	5911	89A-525.99	Hưng Yên			
4712	92A-423.23	Quảng Nam	5912	89A-528.22	Hưng Yên			
4713	92A-424.59	Quảng Nam	5913	89A-528.26	Hưng Yên			
4714	92A-430.88	Quảng Nam	5914	89A-529.58	Hưng Yên			
4715	92A-431.68	Quảng Nam	5915	90A-273.86	Hà Nam			
4716	92C-251.15	Quảng Nam	5916	90A-276.56	Hà Nam			
4717	93A-488.15	Bình Phước	5917	90A-278.95	Hà Nam			
4718	93A-489.35	Bình Phước	5918	90A-280.83	Hà Nam			
4719	93A-491.95	Bình Phước	5919	90A-281.19	Hà Nam			
4720	93A-495.94	Bình Phước	5920	90A-284.77	Hà Nam			
4721	93A-497.26	Bình Phước	5921	90A-286.85	Hà Nam			
4722	93A-497.56	Bình Phước	5922	90A-287.26	Hà Nam			
4723	93A-502.20	Bình Phước	5923	90C-152.22	Hà Nam			
4724	93C-197.69	Bình Phước	5924	92A-416.65	Quảng Nam			
4725	94A-108.33	Bạc Liêu	5925	92A-419.22	Quảng Nam			
4726	94A-109.10	Bạc Liêu	5926	92A-420.77	Quảng Nam			
4727	94B-013.89	Bạc Liêu	5927	92A-421.21	Quảng Nam			
4728	95A-130.59	Hậu Giang	5928	92A-422.38	Quảng Nam			
4729	95A-131.38	Hậu Giang	5929	92A-424.83	Quảng Nam			
4730	95A-132.65	Hậu Giang	5930	92A-429.06	Quảng Nam			
4731	95A-134.16	Hậu Giang	5931	92A-430.56	Quảng Nam			
4732	95A-135.99	Hậu Giang	5932	92A-432.06	Quảng Nam			
4733	95C-086.69	Hậu Giang	5933	92B-033.89	Quảng Nam			
4734	95D-022.89	Hậu Giang	5934	92B-036.39	Quảng Nam			
4735	97A-092.38	Bắc Kạn	5935	93A-490.85	Bình Phước			
4736	97A-092.69	Bắc Kạn	5936	93A-491.15	Bình Phước			
4737	97A-093.56	Bắc Kạn	5937	93A-493.08	Bình Phước			
4738	97A-094.49	Bắc Kạn	5938	93A-493.29	Bình Phước			
4739	97B-012.89	Bắc Kạn	5939	93A-497.97	Bình Phước			
4740	98A-800.36	Bắc Giang	5940	93A-501.02	Bình Phước			
4741	98A-800.44	Bắc Giang	5941	93A-501.22	Bình Phước			
4742	98A-802.79	Bắc Giang	5942	93A-502.99	Bình Phước			
4743	98A-804.56	Bắc Giang	5943	93C-197.39	Bình Phước			
4744	98A-805.56	Bắc Giang	5944	94A-106.95	Bạc Liêu			
4745	98A-807.19	Bắc Giang	5945	95C-087.66	Hậu Giang			
4746	98A-809.69	Bắc Giang	5946	95D-021.88	Hậu Giang			
4747	98A-813.15	Bắc Giang	5947	97A-092.39	Bắc Kạn			
4748	98A-813.29	Bắc Giang	5948	97A-094.29	Bắc Kạn			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4749	98A-817.22	Bắc Giang	5949	98A-802.16	Bắc Giang			
4750	98A-817.81	Bắc Giang	5950	98A-803.04	Bắc Giang			
4751	98A-819.08	Bắc Giang	5951	98A-803.06	Bắc Giang			
4752	98A-819.85	Bắc Giang	5952	98A-803.65	Bắc Giang			
4753	98A-838.59	Bắc Giang	5953	98A-804.08	Bắc Giang			
4754	98A-844.79	Bắc Giang	5954	98A-804.85	Bắc Giang			
4755	98A-845.44	Bắc Giang	5955	98A-810.19	Bắc Giang			
4756	98A-845.58	Bắc Giang	5956	98A-811.12	Bắc Giang			
4757	98A-846.65	Bắc Giang	5957	98A-812.98	Bắc Giang			
4758	98A-848.96	Bắc Giang	5958	98A-816.86	Bắc Giang			
4759	98A-850.79	Bắc Giang	5959	98A-820.19	Bắc Giang			
4760	98A-851.59	Bắc Giang	5960	98A-820.77	Bắc Giang			
4761	98A-851.95	Bắc Giang	5961	98A-821.38	Bắc Giang			
4762	98A-852.55	Bắc Giang	5962	98A-821.59	Bắc Giang			
4763	98A-856.15	Bắc Giang	5963	98A-824.58	Bắc Giang			
4764	98A-856.68	Bắc Giang	5964	98A-825.38	Bắc Giang			
4765	98A-857.22	Bắc Giang	5965	98A-825.85	Bắc Giang			
4766	98C-355.86	Bắc Giang	5966	98A-826.29	Bắc Giang			
4767	99A-804.00	Bắc Ninh	5967	98A-826.98	Bắc Giang			
4768	99A-804.80	Bắc Ninh	5968	98A-831.66	Bắc Giang			
4769	99A-804.83	Bắc Ninh	5969	98A-836.59	Bắc Giang			
4770	99A-805.19	Bắc Ninh	5970	98A-839.88	Bắc Giang			
4771	99A-805.80	Bắc Ninh	5971	98A-842.99	Bắc Giang			
4772	99A-808.28	Bắc Ninh	5972	98A-844.11	Bắc Giang			
4773	99A-811.68	Bắc Ninh	5973	98A-844.29	Bắc Giang			
4774	99A-811.85	Bắc Ninh	5974	98A-848.28	Bắc Giang			
4775	99A-812.58	Bắc Ninh	5975	98A-853.28	Bắc Giang			
4776	99A-817.88	Bắc Ninh	5976	98A-855.33	Bắc Giang			
4777	99A-818.15	Bắc Ninh	5977	98A-858.15	Bắc Giang			
4778	99A-821.33	Bắc Ninh	5978	99A-802.55	Bắc Ninh			
4779	99A-821.95	Bắc Ninh	5979	99A-808.06	Bắc Ninh			
4780	99A-821.97	Bắc Ninh	5980	99A-808.11	Bắc Ninh			
4781	99A-823.26	Bắc Ninh	5981	99A-814.15	Bắc Ninh			
4782	99A-827.65	Bắc Ninh	5982	99A-814.68	Bắc Ninh			
4783	99A-828.59	Bắc Ninh	5983	99A-815.86	Bắc Ninh			
4784	99A-830.99	Bắc Ninh	5984	99A-815.98	Bắc Ninh			
4785	99A-831.33	Bắc Ninh	5985	99A-820.96	Bắc Ninh			
4786	99A-833.06	Bắc Ninh	5986	99A-822.08	Bắc Ninh			
4787	99A-835.11	Bắc Ninh	5987	99A-822.25	Bắc Ninh			
4788	99A-835.18	Bắc Ninh	5988	99A-824.79	Bắc Ninh			
4789	99A-841.39	Bắc Ninh	5989	99A-827.99	Bắc Ninh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4790	99A-841.68	Bắc Ninh	5990	99A-828.19	Bắc Ninh			
4791	99A-842.18	Bắc Ninh	5991	99A-828.44	Bắc Ninh			
4792	99A-843.28	Bắc Ninh	5992	99A-829.88	Bắc Ninh			
4793	99A-843.83	Bắc Ninh	5993	99A-831.38	Bắc Ninh			
4794	99A-844.16	Bắc Ninh	5994	99A-834.33	Bắc Ninh			
4795	99A-844.66	Bắc Ninh	5995	99A-835.95	Bắc Ninh			
4796	99A-846.77	Bắc Ninh	5996	99A-840.04	Bắc Ninh			
4797	99A-849.49	Bắc Ninh	5997	99A-843.09	Bắc Ninh			
4798	99B-028.28	Bắc Ninh	5998	99A-848.83	Bắc Ninh			
4799	99C-318.66	Bắc Ninh	5999	99A-848.98	Bắc Ninh			
4800	99C-320.02	Bắc Ninh	6000	99A-849.38	Bắc Ninh			